

**ĐOÀN TRUNG CÒN
NGUYỄN MINH TIẾN**

dịch và chú giải

**KINH
PHÁP BẢO ĐÀN**

HÁN - VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

BÀI TỰA KINH PHÁP BẢO ĐÀN

(Bài tựa này phân làm năm đoạn: Đoạn thứ nhất thuật việc Phật tổ truyền thừa Chánh pháp cho tới Tổ Đạt-ma, sang làm Sơ Tổ bên Trung Hoa. Đoạn thứ nhì thuật từ Nhị Tổ truyền xuống tới Lục Tổ để nêu rõ duyên khởi của Kinh Pháp Bảo Đàn. Đoạn thứ ba thuật việc môn đệ nối pháp của Đại sư đều do Kinh này mà ra. Đoạn thứ tư, thuật chỗ huyền diệu, chánh trực của Kinh này. Đoạn thứ năm, thuật cái duyên do truyền rộng Kinh này ra khắp nơi. Chúng tôi cho in bản chữ Hán kèm theo đây để quý vị tiện việc đối chiếu.)

六祖大師法寶壇經序

Lục tổ Đại sư Pháp Bảo Đàn Kinh tự
古筠比丘德異撰

Cổ Duân Tỳ-kheo Đức Di soạn

妙道虛玄不可思議。忘言得旨端可悟明。故世尊分座於多子塔前。拈華於靈山會上。似火與火以心印心。西傳四七至菩提達磨。東來此土直指人心見性成佛。

Diệu đạo hư huyền, bất khả tư nghị, vong ngôn đắc chỉ, đoạn khả ngộ minh. Cố, Thế Tôn phân tòa ư Đa Tử tháp tiền, niêm hoa ư Linh Sơn hội thượng, tự hỏa hưng hỏa, dĩ tâm ấn tâm. Tây truyền tứ thất, chí Bồ-đề Đạt-ma, Đông lai thổ直指人心見性成佛.

有可大師者。首於言下悟入。末上三拜得髓。受衣紹祖開闡正宗。三傳而至黃梅。會中高僧七百。惟負春

居士。一偈傳衣為六代祖。南遯十餘年。一旦以非風旛動之機。觸開印宗正眼。居士由是祝髮登壇。應跋陀羅懸記。開東山法門。韋使君命海禪者錄其語。目之曰法寶壇經。

Hữu Khả Đại sư giả, thủ ử ngôn hạ ngộ nhập, mạc thượng tam bái đắc tủy, thọ y thiệu Tổ, khai xiển chánh tông. Tam truyền nhi chí Hoàng Mai, hội trung cao tăng thất bá, duy Phụ Thung cư sĩ, nhất kế truyền y vi lục đại Tổ. Nam độn thập dư niên, nhất đán dĩ phi phong phan động chi cơ, xúc khai Ấn Tông chánh nhãn, cư sĩ do thị chúc phát đăng đàn, ứng *Bạt-đà-la* huyền ký, khai Đông Sơn pháp môn. Vi Sứ quân mạng Hải Thiên giả, lục kỳ ngũ mục chi viết Pháp Bảo Đàn Kinh.

大師始於五羊終至曹溪。說法三十七年。霑甘露味入聖超凡者莫記其數。悟佛心宗行解相應為大知識者。名載傳燈。惟南嶽青原執侍最久。盡得無巴鼻。故出馬祖石頭。機智圓明玄風大震。乃有臨濟為仰曹洞雲門法眼諸公巍然而出。道德超群門庭險峻。啟迪英靈衲子奮志衝關。一門深入五派同源。歷遍鑪錘規模廣大。原其五家綱要盡出壇經。

Đại sư thủy ử Ngũ Dương, chung chí Tào Khê thuyết pháp tam thập thất niên, triêm *cam-lộ* vị, nhập thánh siêu phàm giả mạc ký kỳ số. Ngộ Phật tâm tông, hành giải tương ứng vi đại tri thức giả, danh tải Truyền Đăng, duy Nam Nhạc, Thanh Nguyên chấp trì tối cứu, tận đắc Vô ba ty, cố xuất Mã Tổ, Thạch Đầu, cơ trí viên minh, huyền phong đại chấn, nãi hữu Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn chư công nguy nhiên nhi xuất. Đạo đức siêu quần, môn đình hiểm峻, khả địch anh linh nạp tử, phấn chí xung quan, nhất môn thâm nhập, ngũ phái đồng nguyên, lịch biến lô truy, quy mô quảng đại. Nguyên kỳ ngũ gia cương yếu tận xuất Đàn Kinh.

夫壇經者，言簡義豐理明事備，具足諸佛無量法門。一一法門具足無量妙義。一一妙義發揮諸佛無量妙理，即彌勒樓閣中，即普賢毛孔中。善入者，即同善財於一念間圓滿功德。與普賢等與諸佛等。

Phù Đàn Kinh giả, ngôn giản nghĩa phong, lý minh, sự bị, cụ túc chư Phật vô lượng pháp môn. Nhất nhất pháp môn cụ túc vô lượng diệu nghĩa, nhất nhất diệu nghĩa phát huy chư Phật vô lượng diệu lý, tức Di-lặc lâu các trung, tức Phổ Hiền mao khổng trung. Thiện nhập giả, tức đồng Thiện Tài, ư nhất niệm gian viên mãn công đức, dĩ Phổ Hiền đẳng, dĩ chư Phật đẳng.

惜乎壇經為後人節略太多。不見六祖大全之旨。德異幼年嘗見古本。自後遍求三十餘載。近得通上人尋到全文。遂刊于吳中休休禪庵。與諸勝士同一受用。

Tích hồ Đàn Kinh vi hậu nhân tiết lược thái đa, bất kiến Lục Tổ đại toàn chi chỉ. Đức Dĩ ấu niên thường kiến cổ bản, tự hậu biến cầu tam thập dư tải, cận đắc Thông Thượng nhân tầm đáo toàn văn, toại san vu Ngô trung Hưu Hưu Thiên am, dĩ chư thắng sĩ đồng nhất thọ dụng.

惟願開卷舉目直入大圓覺海。續佛祖慧命無窮。斯余志願滿矣。

Duy nguyện khai quyển cử mục trực nhập Đại Viên giác hải, tục Phật Tổ huệ mạng vô cùng, tư dư chí nguyện mãn hỷ.

至元，二十七年，庚寅歲，中春日

Chí Nguyên nhị thập thất niên, Canh Dần tuế, Trung Xuân nhật.

比丘德異謹敘

Tỳ-kheo Đức Dĩ cẩn tự.

行由

HÀNH DO

品第一

Phẩm đệ nhất

時，大師至寶林，韶州韋刺史與官僚入山，請師出，於城中大梵寺講堂，為眾開緣說法。師陞座次，刺史，官僚三十餘人，儒宗學士三十餘人，僧尼道俗一千餘人，同時作禮，願聞法要。

Thời, Đại sư chí Bảo Lâm, Thiều Châu Vi Thứ sử dĩ quan liêu nhập sơn, thỉnh sư xuất, ư thành trung Đại Phạm tự giảng đường, vị chúng khai duyên thuyết pháp. Sư thăng tọa thứ, Thứ sử, quan liêu tam thập dư nhân; nho tông học sĩ tam thập dư nhân, tăng, ni, đạo, tục nhất thiên dư nhân, đồng thời tác lễ, nguyện văn pháp yếu.

大師告眾曰。善知識。菩提自性本來清淨，但用此心直了成佛。

Đại sư cáo chúng viết: «Thiền tri thức! Bồ-đề tự tánh bản lai thanh tịnh, đản dụng thủ tâm, trực liễu thành Phật.

善知識。且聽惠能行由得法事意。惠能嚴父本貫范

陽，左降流于嶺南，作新州百姓。此身不幸，父又早亡，老母孤遺。移來南海，艱辛貧乏，於市賣柴。

«Thiện tri thức! Thả thính Huệ Năng hành do đắc Pháp sự ý. Huệ Năng nghiêm phụ bản quán Phạm Dương, tả giáng lưu ư Lãnh Nam, tác Tân Châu bá tánh. Thủ thân bất hạnh, phụ hựu tảo vong, lão mẫu cô di. Di lai Nam Hải, gian tân bản phạp, ư thị mại sài.

時有一客買柴，使令送至客店。客收去，惠能得錢，卻出門外，見一客誦經。惠能一聞經語，心即開悟，遂問客誦何經。客曰，金剛經。復問，從何所來持此經典。客云，我從蕪州黃梅縣，東禪寺來。其寺是五祖忍大師在彼主化，門人一千有餘。我到彼中禮拜，聽受此經。大師常勸僧俗，但持金剛經即自見性直了成佛。

«Thời, hữu nhất khách mại sài, sử linh tổng chí khách điếm. Khách thu khứ, Huệ Năng đắc tiền, khước xuất môn ngoại, kiến nhất khách tụng kinh. Huệ Năng nhất văn kinh ngữ, tâm tức khai ngộ, toại vấn khách tụng hà kinh. Khách viết: ‘Kim Cang Kinh.’ Phục vấn: ‘Tùng hà sở lai tri thủ kinh điển?’ Khách vân: ‘Ngã tụng Kỳ Châu Hoàng Mai huyện, Đông Thiền tự lai. Kỳ tự thị Ngũ Tổ Nhãn Đại sư tại bỉ chủ hóa, môn nhân nhất thiên hữu dư. Ngã đáo bỉ trung lễ bái, thính thọ thủ Kinh. Đại sư thường khuyến tăng tục, dẫn trì Kim Cang Kinh tức tự kiến tánh trực liễu thành Phật.’

惠能聞說，宿昔有緣，乃蒙一客取銀十兩與惠能，令充老母衣糧，教便往黃梅參禮五祖。惠能安置母畢，即便辭違。不經三十餘日，便至黃梅，禮拜五祖。祖問曰，汝何方人，欲求何物。惠能對曰，弟子是嶺南新州百姓，遠來禮師，惟求作佛，不求餘物。

«Huệ Năng văn thuyết, túc tích hữu duyên, nãi mông nhất khách

thủ ngân thập lượng dữ Huệ Năng, linh sung lão mẫu y lương, giáo tiện vãng Hoàng Mai, tham lễ Ngũ Tổ. Huệ Năng an trí mẫu tất, tức tiện từ vi. Bất kinh tam thập dư nhật, tiện chí Hoàng Mai, lễ bái Ngũ Tổ. Tổ vấn viết: ‘Nhữ hà phương nhân? Dục cầu hà vật?’ Huệ Năng đối viết: ‘Đệ tử thị Lãn Nam Tân Châu bá tánh, viễn lai lễ Sư, duy cầu tác Phật, bất cầu dư vật.’

祖言，汝是嶺南人，又是獠，若為堪作佛。惠能曰，人雖有南北，佛性本無南北。獠身與和尚不同，佛性有何差別。

«Tổ ngôn: ‘Nhữ thị Lãn Nam nhân, hựu thị cát liêu, nhược vi kham tác Phật?’ Huệ Năng viết: ‘Nhân tuy hữu Nam Bắc, Phật tánh bản vô Nam Bắc. Cát liêu thân dữ Hòa thượng bất đồng, Phật tánh hữu hà sai biệt?’

五祖更欲與語，且見徒眾總在左右，乃令隨眾作務。惠能曰，惠能啟和尚，弟子自心常生智慧，不離自性，即是福田。末審和尚教作何務。祖云，這獠根性大利。汝更勿言，著槽廠去。

«Ngũ Tổ cánh dục dữ ngữ, thả kiến đồ chúng tổng tại tả hữu, nãi linh tùy chúng tác vụ. Huệ Năng viết: ‘Huệ Năng khả Hòa thượng: Đệ tử tự tâm thường sanh trí tuệ,¹ bất ly tự tánh, tức thị phước điền; vị thẩm Hòa thượng giáo tác hà vụ?’ Tổ vân: ‘Giá cát liêu căn tánh đại lợi. Nhữ cánh vật ngôn, trước tào xưởng khứ.’

惠能退至後院，有一行者差惠能破柴踏碓。經八月餘，祖一日忽見惠能曰。吾思汝之見可用，恐有惡人害汝，遂不與汝言，汝知之否。惠能曰，弟子亦知師意，不敢行至堂前，令人不覺。

«Huệ Năng thối chí hậu viện, hữu nhất hành giả sai Huệ Năng

¹ Chữ 慧 thường đọc theo hai âm: *tuệ* và *huệ*. Chúng tôi chọn âm *tuệ* để tránh nhầm với chữ *huệ* 惠 trong tên của Tổ Sư, có nghĩa là ân huệ.

phá sài, đập đối. Kinh bát nguyệt dư, Tổ nhất nhật hốt kiến Huệ Năng viết: ‘Ngô tư nhữ chi kiến khả dụng, khủng hữu ác nhân hại nhữ, toại bất dĩ nhữ ngôn, nhữ tri chi phủ?’ Huệ Năng viết: ‘Đệ tử diệc tri Sư ý, bất cảm hành chí đường tiền, linh nhân bất giác.’

祖一日喚諸門人總來。吾向汝說，世人生死事大，汝等終日只求福田，不求出離生死苦海。自性若迷，福何可救。汝等各去，自看智慧，取自本心般若之性，各作一偈，來呈吾看。若悟大意，付汝衣法，為第六代祖。火急速去，不得遲滯。思量即不中用。見性之人，言下須見。若如此者，譬如輪刀上陣。亦得見之。

«Tổ nhất nhật hoán chư môn nhân tổng lai: ‘Ngô hướng nhữ thuyết: Thế nhân sanh tử sự đại, nhữ đẳng chung nhật chỉ cầu phước điền, bất cầu xuất ly sanh tử khổ hải. Tự tánh nhược mê, phước hà khả cứu? Nhữ đẳng các khứ, tự khán trí tuệ, thủ tự bản tâm *Bát-nhã* chi tánh, các tác nhất kệ, lai trình ngô khán. Nhược ngô đại ý, phó nhữ y pháp, vi đệ lục đại Tổ. Hỏa cấp tốc khứ, bất đắc trì trệ. Tư lương tức bất trúng dụng. Kiến tánh chi nhân, ngôn hạ tu kiến. Nhược như thử giả, thí như luân đao thương trận, diệc đắc kiến chi.’

眾得處分，退而遞相謂曰。我等眾人，不須澄心用意作偈，將呈和尚，有何所益。神秀上座，現為教授師，必是他得。我輩謾作偈頌，枉用心力。餘人聞語，總皆息心，咸言。我等已後，依止秀師，何煩作偈。

«Chúng đắc xử phân, thối nhi đệ tương vị viết: ‘Ngã đẳng chúng nhân, bất tu trùng tâm dụng ý tác kệ, tương trình Hòa thượng, hữu hà sở ích? Thần Tú Thượng tọa, hiện vi Giáo thọ sư, tất thị tha đắc. Ngã bối mạn tác kệ tụng, uổng dụng tâm lực!’ Dư nhân văn ngữ, tổng giai tức tâm, hàm ngôn: ‘Ngã đẳng dĩ hậu, y chỉ Tú sư, hà phiến tác kệ?’

神秀思惟。諸人不呈偈者，為我與他為教授師。我須作偈，將呈和尚。若不呈偈。和尚如何知我心中見解深淺。我呈偈意，求法即善，覓祖即惡，卻同凡心奪其聖位奚別。若不呈偈，終不得法。大難。大難。

«Thần Tú tư duy ‘Chư nhân bất trình kệ giả, vị ngã dĩ tha vi Giáo thọ sư. Ngã tu tác kệ, tương trình Hòa thượng. Nhược bất trình kệ, Hòa thượng như hà tri ngã tâm trung kiến giải thâm thiển? Ngã trình kệ ý, cầu Pháp tức thiện, mịch Tổ tức ác, khước đồng phạm tâm đoạt kỳ thánh vị hề biệt? Nhược bất trình kệ, chung bất đắc pháp. Đại nan! Đại nan!’

五祖堂前有步廊三間，擬請供奉盧珍畫楞伽經變相，及五祖血脈圖，流傳供養。神秀作偈成已數度欲呈。行至堂前，心中恍惚，遍身汗流，擬呈不得。前後經四日，一十三度呈偈不得。秀乃思惟，不如向廊下書著，從他和尚看見。忽若道好，即出禮拜，云是秀作。若道不堪，枉向山中數年，受人禮拜，更修何道。是夜三更，不使人知，自執燈，書偈於南廊壁間，呈心所見。偈曰。

«Ngũ Tổ đường tiền hữu bộ lang tam gian, nghĩ thỉnh Cung phụng Lư Trân họa *Lăng-già* kinh biến tướng cập Ngũ Tổ huyết mạch đồ, lưu truyền cúng dường. Thần Tú tác kệ thành dĩ, sở độ dục trình, hành chí đường tiền, tâm trung hoảng hốt, biến thân hãn lưu, nghĩ trình bất đắc. Tiền hậu kinh tứ nhật, nhất thập tam độ trình kệ bất đắc! Tú nãi tư duy: ‘Bất như hướng lang hạ thư trước, tùng tha Hòa thượng khán kiến. Hốt nhược đạo hảo, tức xuất lễ bái, vân thị Tú tác. Nhược đạo bất kham, uổng hướng sơn trung sở niên, thọ nhân lễ bái, cánh tu hà đạo?’ Thị dạ tam canh, bất sử nhân tri, tự chấp đăng, thư kệ ư Nam lang bích gian, trình tâm sở kiến. Kệ viết:

身是菩提樹，

心如明鏡臺。

時時勤拂拭，

勿使惹塵埃。

Thân thị Bồ-đề thọ,

Tâm như minh kính đài.

Thời thời cần phát thức,

Vật sử nhạ trần ai.

秀書偈了，便卻歸房，人總不知。秀復思惟，五祖明日見偈歡喜，即我與法有緣。若言不堪，自是我迷，宿業障重，不合得法。聖意難測。房中思想，坐臥不安，直至五更。

«Tú thơ kệ liễu, tiện khước quy phòng, nhân tổng bất tri. Tú phục tư duy: ‘Ngũ Tổ minh nhật kiến kệ hoan hỷ, tức ngã dĩ pháp hữu duyên. Nhược ngôn bất kham, tự thị ngã mê, túc nghiệp chướng trọng, bất hợp đắc pháp. Thánh ý nan trắc!’ Phòng trung tư tưởng, tọa ngọa bất an, trực chí ngũ canh.

祖已知神秀入門未得，不見自性。天明，祖喚盧供奉來，向南廊壁間繪畫圖相。忽見其偈，報言。供奉，卻不用畫，勞爾遠來。經云，凡所有相皆是虛妄。但留此偈，與人誦持。依此偈修，免墮惡道，依此偈修，有大利益。令門人炷香禮敬，盡誦此偈。門人誦偈，皆歎，善哉。

«Tổ dĩ tri Thần Tú nhập môn vị đắc, bất kiến tự tánh. Thiên minh, Tổ hoán Lư Cung phụng lai, hướng Nam lang bích gian hội họa đồ tướng. Hốt kiến kỳ kệ, báo ngôn: ‘Cung phụng! Khước bất dụng họa, lao nhĩ viễn lai. Kinh vân: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Đản lưu thủ kệ, dĩ nhân tụng trì. Y thủ kệ tu, miễn đọa

ác đạo; y thủ kệ tu, hữu đại lợi ích.’ Linh môn nhân chú hương lễ kính, tận tụng thủ kệ. Môn nhân tụng kệ, giai thán: ‘Thiện tai!’

祖三更喚秀入堂，問曰，偈是汝作否。秀言，實是秀作，不敢妄求祖位，望和尚慈悲，看弟子有少智慧否。

«Tổ tam canh hoán Tú nhập đường, vấn viết: ‘Kệ thị nhữ tác phủ?’ Tú ngôn: ‘Thật thị Tú tác, bất cảm vọng cầu Tổ vị, vọng Hòa thượng từ bi, khán đệ tử hữu thiếu trí tuệ phủ?’

祖曰，汝作此偈，未見本性。只到門外，未入門內。如此見解，覓無上菩提，了不可得。無上菩提，須得言下，識自本心，見自本性不生不滅，於一切時中，念念自見，萬法無滯。一真一切真，萬境自如如。如如之心，即是真實。若如是見，即是無上菩薩之自性也。汝且去，一兩日思惟，更作一偈，將來吾看。汝偈若入得門，付汝衣法。神秀作禮而出，又經數日，作偈不成。心中恍惚，神思不安，猶如夢中，行坐不樂。

«Tổ viết: ‘Nhữ tác thủ kệ, vị kiến bản tánh; chỉ đạo môn ngoại, vị nhập môn nội. Như thủ kiến giải, mịch Vô thượng Bồ-đề, liễu bất khả đắc. Vô thượng Bồ-đề, tu đắc ngôn hạ thức tự bản tâm, kiến tự bản tánh, bất sanh bất diệt. Ủ nhất thiết thời trung, niệm niệm tự kiến, vạn pháp vô trệ. Nhất chân, nhất thiết chân, vạn cảnh tự như như. Như như chi tâm, tức thị chân thật. Nhược như thị kiến, tức thị Vô thượng Bồ-đề chi tự tánh dã. Nhữ thả khứ, nhất lưỡng nhật tư duy, cánh tác nhất kệ, tướng lai ngô khán. Nhữ kệ nhược nhập đắc môn, phó nhữ y pháp.’ Thần Tú tác lễ nhi xuất, hựu kinh số nhật, tác kệ bất thành. Tâm trung hoảng hốt, thần tứ bất an, do như mộng trung, hành tọa bất lạc.

復兩日，有一童子於碓坊過，唱誦其偈。惠能一聞，便知此偈未見本性。雖未蒙教授，早識大意。遂問童子曰。誦者何偈。

«Phục lưỡng nhật, hữu nhất đồng tử ư đối phương quá, xướng tụng kỳ kệ. Huệ Năng nhất văn, tiên tri thủ kệ vị kiến bản tánh. Tuy vị mông Giáo thọ, tảo thức đại ý. Toại vấn đồng tử viết: ‘Tụng giả hà kệ?’

童子曰，爾這獗獗不知。大師言，世人生死事大，欲得傳付衣法，令門人作偈來看。若悟大意即付衣法，為第六祖。神秀上座，於南廊壁上，書無相偈。大師令人皆誦。依此偈修免墮惡道，依此偈修，有大利益。惠能曰，上人，我此踏碓八箇餘月，未曾行到堂前，望上人引至偈前禮拜。

«Đồng tử viết: ‘Nhĩ giá cát liêu bất tri. Đại sư ngôn: Thế nhân sanh tử sự đại, dục đắc truyền phó y pháp, linh môn nhân tác kệ lai khán. Nhược ngộ đại ý, tức phó y pháp, vi đệ lục Tổ. Thần Tú Thượng tọa, ư Nam lang bích thượng, thư vô tướng kệ. Đại sư linh nhân giai tụng: Y thủ kệ tu, miễn dọa ác đạo, y thủ kệ tu, hữu đại lợi ích.’ Huệ Năng viết: ‘Thượng nhân! Ngã thủ đạp đối bát cá dư nguyệt, vị tăng hành đạo đường tiền. Vọng thượng nhân dẫn chi kệ tiền lễ bái.’

童子引至偈前禮拜。惠能曰。惠能不識字。請上人為讀。

«Đồng tử dẫn chí kệ tiền lễ bái. Huệ Năng viết: ‘Huệ Năng bất thức tự, thỉnh thượng nhân vị đọc.’

時，有江州別駕，姓張，名日用，便高聲讀。惠能聞已，遂言，亦有一偈，望別駕為書。別駕言，汝亦作偈，其事希有。惠能向別駕言，欲學無上菩提，不得輕於初學。下下人有上上智，上上人有沒意智。若輕人，即有無量無邊罪。

«Thời, hữu Giang Châu Biệt giá, tánh Trương, danh Nhật Dụng, tiện cao thanh đọc. Huệ Năng văn dĩ, toại ngôn: ‘Diệc hữu nhất kệ, vọng Biệt giá vị thư.’ Biệt giá ngôn: ‘Nhữ diệc tác kệ, kỳ sự

hy hữu!’ Huệ Năng hướng Biệt giá ngôn: ‘Dục học Vô thượng Bồ-đề, bất khả khinh ư sơ học. Hạ hạ nhân hữu thượng thượng trí; thượng thượng nhân hữu một ý trí. Nhược khinh nhân, tức hữu vô lượng vô biên tội.’

別駕言，汝但誦偈，吾為汝書。汝若得法，先須度吾，勿忘此言。

«Biệt giá ngôn: ‘Nhữ dẫn tụng kệ, ngô vị nhữ thơ. Nhữ nhược đắc Pháp, tiên tu độ ngô, vật vong thử ngôn.’

惠能偈曰。

«Huệ Năng kệ viết:

菩提本無樹，
明鏡亦非臺。
本來無一物，
何處惹塵埃。

*Bồ-đề bản vô thụ,
Minh kính diệc phi đài.
Bản lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai?*

書此偈已，徒眾總驚，無不嗟訝。各相謂言。奇哉，不得以貌取人。何得多時使他肉身菩薩。祖見眾人驚怪，恐人損害，遂將鞋擦了偈，曰。亦未見性。眾以為然。

«Thư thử kệ dĩ, đồ chúng tổng kinh, vô bất ta nhạ. Các tương vị ngôn: ‘Kỳ tai! Bất đắc dĩ mạo thử nhân! Hà đắc đa thời sử tha nhục thân Bồ-tát?’ Tổ kiến chúng nhân kinh quái, khủng nhân tổn hại, toại tương hài sát liễu kệ, viết: ‘Diệc vị kiến tánh.’ Chúng

dĩ vi nhiên.

次日，祖潛至碓坊，見能腰石舂米，語曰。求道之人，為法忘軀，當如是乎。乃問曰，米熟也未。惠能曰，米熟久矣，猶欠篩在。祖以杖擊碓三下而去。

«Thứ nhật, Tổ tiềm chí đối phường, kiến Năng yêu thạch thung mẽ, ngư viết: ‘Cầu đạo chi nhân, vị Pháp vong khu, đương như thị hồ?’ Nãi vấn viết: ‘Mễ thực dã vị?’ Huệ Năng viết: ‘Mễ thực cửu hỹ, du khiếm si tại.’ Tổ dĩ trượng kích đối tam há nhi khứ.

惠能即會祖意，三鼓入室。祖以袈裟遮圍，不令人見。為說金剛經。至應無所住而生其心，惠能言下大悟。一切萬法不離自性。遂啟祖言，何期自性本自清淨。何期自性本不生滅。何期自性本自具足。何期自性本無動搖。何期自性能生萬法。

«Huệ Năng tức hội Tổ ý, tam cổ nhập thất. Tổ dĩ cà-sa già vi, bất linh nhân kiến. Vị thuyết Kim Cang Kinh, chí ‘Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.’ Huệ Năng ngôn hạ đại ngộ. Nhất thiết vạn pháp, bất ly tự tánh. Toại khải Tổ ngôn: ‘Hà kỳ tự tánh bản tự thanh tịnh? Hà kỳ tự tánh bản bất sanh diệt? Hà kỳ tự tánh bản tự cụ túc? Hà kỳ tự tánh bản vô động diêu? Hà kỳ tự tánh năng sanh vạn pháp?’

祖知悟本性，謂惠能曰。不識本心，學法無益。若識自本心，見自本性，即名丈夫，天人師，佛。

«Tổ tri ngộ bản tánh, vị Huệ Năng viết: ‘Bất thức bản tâm, học pháp vô ích. Nhược thức tự bản tâm, kiến tự bản tánh, tức danh Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật.’

三更受法，人盡不知。便傳頓教，及衣鉢，云。汝為第六代祖，善自護念，廣度有情，流布將來，無令斷絕。聽吾偈曰。

«Tam canh thọ pháp, nhân tận bất tri. Tiệm truyền Đốn giáo, cập y bát, vân: ‘Nhữ vi đệ lục đại Tổ, thiện tự hộ niệm, quảng độ hữu tình, lưu bố tương lai, vô linh đoạn tuyệt. Thính ngô kê viết:

有情來下種，
因地果還生。
無情既無種，
無性亦無生。

*Hữu tình lai há chủng,
Nhân địa, quả hoàn sanh;
Vô tình ký vô chủng,
Vô tánh diệc vô sanh.*

祖復曰。昔達磨大師初來此土，人未之信，故傳此衣，以為信體，代代相承。法則以心傳心，皆令自悟自證。自古，佛佛惟傳本體，師師密付本心。衣為爭端，止汝勿傳。若傳此衣，命如懸絲。汝須速去，恐人害汝。惠能啟曰，向甚處去。祖云，逢懷則止，遇會則藏。

«Tổ phục viết: ‘Tích Đạt-ma Đại sư sơ lai thủ độ, nhân vị chi tín, cố truyền thủ y, dĩ vi tín thể, đại đại tương thừa. Pháp tắc dĩ tâm truyền tâm, giai linh tự ngộ, tự chứng. Tự cố, Phật Phật duy truyền bản thể, sư sư mật付 bản tâm. Y vi tranh đoạn, chỉ nhữ vật truyền. Nhược truyền thủ y, mạng như huyền ty. Nhữ tu tốc khứ, khủng nhân hại nhữ.’ Huệ Năng khái viết: ‘Hưởng thậm xú khứ?’ Tổ vân: ‘Phùng Hoài tắc chỉ, ngộ Hội tắc tàng.’

惠能三更領得衣鉢，云。能本是南中人，素不知此山路，如何出得江口。五祖言，汝不須憂，吾自送汝。

«Huệ Năng tam canh lãnh đắc y bát, vân: ‘Năng bản thị Nam trung nhân, tổ bất tri thủ sơn lộ, như hà xuất đắc giang khẩu?’ Ngũ Tổ ngôn: ‘Nhữ bất tu ưu, ngô tự tống nhữ.’

祖相送直至九江驛邊。祖令上船，五祖把艖，自搖。惠能言，請和尚坐，弟子合搖艖。祖云，合是吾渡汝。惠能曰，迷時師度，悟了自度。度名雖一，用處不同。惠能生在邊方，語音不正，蒙師傳法。今已得悟，只合自悟自度。

«Tổ tương tống trực chí Cửu Giang dịch biên. Tổ linh thượng thuyền, Ngũ Tổ bả lỗ, tự diêu. Huệ Năng ngôn: ‘Thỉnh Hòa thượng tọa, độ tử hợp diêu lỗ.’ Tổ vân: ‘Hợp thị ngô độ nhữ.’ Huệ Năng viết: ‘Mê thời Sư độ, ngộ liễu tự độ. Độ danh tuy nhất, dụng xứ bất đồng. Huệ Năng sanh tại biên phương, ngữ âm bất chánh, mông Sư truyền pháp. Kim dĩ đắc ngộ, chỉ hợp tự ngô tự độ.’

祖云。如是，如是。以後佛法由汝大行。汝去三年，吾方逝世。汝今好去，努力向南。不宜速說，佛法難起。

«Tổ vân: ‘Như thị, như thị!... Dĩ hậu Phật pháp do nhữ đại hành. Nhữ khứ tam niên, ngô phương thế thế. Nhữ kim hảo khứ, nỗ lực hướng Nam. Bất nghi tốc thuyết, Phật pháp nan khởi.’

惠能辭違祖已，發足南行。五祖歸，數日不上堂。眾疑，詰問曰。和尚少病少惱否。

«Huệ Năng từ vi Tổ dĩ, phát túc Nam hành. Ngũ Tổ quy, số nhật bất thượng đường. Chúng nghi cật vấn viết: ‘Hòa thượng thiếu bệnh thiếu não phủ?’

曰，病即無，衣法已南矣。

«Viết: ‘Bệnh túc vô, y pháp dĩ Nam hỹ.’

問，誰人傳授。

«Vấn: ‘Thùy nhân truyền thọ?’

曰，能者得之。

«Viết: ‘Năng giả đắc chi.’

眾乃知焉。逐後數百人來，欲奪衣鉢。一僧，俗姓陳，名惠明，先是四品將軍，性行麤慥，極意參尋，為眾人先，兩月中間，至大庾嶺，趁及惠能。

«Chúng nãi tri yên. Trục hậu số bá nhân lai, dục đoạt y bát. Nhất tăng, tục tánh Trần, danh Huệ Minh, tiên thị tứ phẩm tướng quân, tánh hạnh thô tháo, cực ý tham tâm, vì chúng nhân tiên, lưỡng nguyệt trung gian, chí Đại Sưu lãnh, sấn cập Huệ Năng.

惠能擲下衣鉢於石上，曰。此衣表信。可力爭耶。能隱草莽中。惠明至，捉掇不動。乃喚云，行者，行者。我為法來，不為衣來。

«Huệ Năng trịch há y bát ư thạch thượng, viết: ‘Thử y biểu tín, khả lực tranh da?’ Năng ẩn thảo mãng trung; Huệ Minh chí, đề xuyết bất động. Nãi hoán vân: ‘Hành giả! Hành giả! Ngã vị pháp lai, bất vị y lai.’

惠能遂出，坐盤石上。惠明作禮，云。望行者為我說法。惠能云，汝既為法而來，可屏息諸緣，勿生一念，吾為汝說明。良久，惠能曰。不思善，不思惡，正與麼時，那箇是明上座本來面目。

«Huệ Năng toại xuất, tọa bàn thạch thượng. Huệ Minh tác lễ vân: ‘Vọng hành giả vị ngã thuyết Pháp.’ Huệ Năng vân: ‘Nhữ ký vị pháp nhi lai, khả bính tức chư duyên, vật sanh nhất niệm, ngô vị nhữ thuyết minh.’ Lương cửu, Huệ Năng viết: ‘Bất tư thiện, bất tư ác, chính dĩ ma thời, ná cá thị Minh Thượng tọa bản lai diện mục?’

惠明言下大悟，復問云。上來密語密意外，還更有密意否。惠能云，與汝說者，即非密也。汝若返照，密在汝邊。明曰，惠明雖在黃梅，實未省自己面目。今蒙指示，如人飲水，冷暖自知。今行者即惠明師也。惠能

曰，汝若如是，吾與汝同師黃梅，善自護持。明又問，惠明今後向甚處去。惠能曰，逢袁則止，遇蒙則居。明禮辭。

«Huệ Minh ngôn hạ đại ngộ, phục vấn vân: ‘Thượng lai mật ngữ mật ý ngoại, hoàn cánh hữu mật ý phủ?’ Huệ Năng vân: ‘Dữ nữ thuyết giả, tức phi mật dã. Nữ nhược phản chiếu, mật tại nữ biên.’ Minh viết: ‘Huệ Minh tuy tại Hoàng Mai, thật vị tỉnh tự kỷ diện mục. Kim mông chỉ thị, như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri. Kim hành giả tức Huệ Minh sư dã.’ Huệ Năng viết: ‘Nữ nhược như thị, ngô dữ nữ đồng sư Hoàng Mai, thiện tự hộ trì.’ Minh hựu vấn: ‘Huệ Minh kim hậu hướng thậm xứ khứ?’ Huệ Năng viết: ‘Phùng Viên tắc chỉ, ngộ Mông tắc cư.’ Minh lễ từ.

惠能後至曹溪，又被惡人尋逐。乃至四會避難獵人隊中，凡經一十五載，時與獵人隨宜說法。獵人常令守網，每見生命，盡放之。每至飯時，以菜寄煮肉鍋。或問，則對曰，但喫肉邊菜。

«Huệ Năng hậu chí Tào Khê, hựu bị ác nhân tầm trục. Nãi chí Tứ Hội ty nạn. Lập nhân đội trung, phạm kinh nhất thập ngũ tải, thời dữ lập nhân tùy nhi thuyết pháp. Lập nhân thường linh thủ vông, mỗi kiến sanh mạng, tận phóng chi. Mỗi chí phan thời, dĩ thái ký chữ nhục oa. Hoặc vấn, tắc đối viết: ‘Đản khiết nhục biên thái.’

一日思惟，時當弘法，不可終遯。遂出至廣州，法性寺，值印宗法師講涅槃經。時，有二僧論風旛義。一僧曰，風動。一僧曰，旛動。議論不已。惠能進曰，不是風動，不是旛動，仁者心動。一眾駭然。

«Nhất nhật tư duy, thời đương hồng pháp, bất khả chung độn. Toại xuất chí Quảng châu, Pháp Tánh tự, trị Ấn Tông Pháp sư giảng Niết-bàn Kinh. Thời, hữu nhị tăng luận phong phan nghĩa. Nhất tăng viết: ‘Phong động.’ Nhất tăng viết: ‘Phan động.’ Nghị luận bất dĩ. Huệ Năng tấn viết: ‘Bất thị phong động, bất thị phan động, nhân giả tâm động.’ Nhất chúng hã nhiên.

印宗延至上席，徵詰奧義，見惠能言簡，理當，不由文字。宗云，行者定非常人。久聞黃梅衣法南來，莫是行者否。惠能曰，不敢。宗於是作禮，告請傳來衣鉢出示大眾。

«Ấn Tông diên chí thượng tịch, trưng cật áo nghĩa, kiến Huệ Năng ngôn giản, lý đáng, bất do văn tự. Tông vân: ‘Hành giả định phi thường nhân. Cửu văn Hoàng Mai Y, Pháp Nam lai, mạc thị hành giả phủ?’ Huệ Năng viết: ‘Bất cảm.’ Tông ư thị tác lễ, cáo thỉnh truyền lai y bát xuất thị đại chúng.

宗復問曰，黃梅付囑，如何指授。惠能曰，指授即無，惟論見性，不論禪定解脫。宗曰，何不論禪定解脫。能曰，為是二法不是佛法，佛法是不二之法。宗又問，如何是佛法不二之法。惠能曰，法師講涅槃經，明佛性，是佛法不二之法。如高貴德王菩薩白佛言，犯四重禁，作五逆罪，及一闍提等，當斷善根，佛性否。佛言，善根有二，一者常，二者無常。佛性非常非無常，是故不斷，名為不二。一者善，二者不善。佛性非善非不善，是名不二。蘊之與界，凡夫見二，智者了達其性無二。無二之性，即是佛性。印宗聞說，歡喜合掌，言。某甲講經，猶如瓦礫。仁者論義，猶如真金。

«Tông phục vấn viết: ‘Hoàng Mai phó chúc, như hà chỉ thọ?’ Huệ Năng viết: ‘Chỉ thọ tức vô, duy luận kiến tánh, bất luận thiên định giải thoát.’ Tông viết: ‘Hà bất luận thiên định giải thoát?’ Năng viết: ‘Vi thị nhị pháp, bất thị Phật pháp. Phật pháp thị bất nhị chi pháp.’ Tông hựu vấn: ‘Như hà thị Phật pháp bất nhị chi pháp.’ Huệ Năng viết: ‘Pháp sư giảng Niết-bàn Kinh, minh Phật tánh, thị Phật pháp bất nhị chi pháp. Như Cao Quý Đức Vương Bồ-tát bạch Phật ngôn: “Phạm tứ trọng cấm, tác ngũ nghịch tội cập nhất-xiển-đề đẳng, đương đoạn thiện căn, Phật tánh phủ?” Phật ngôn: “Thiện căn hữu nhị: Nhất giả thường, nhị giả vô thường.

Phật tánh phi thường, phi vô thường, thị cố bất đoạn.” Danh vi bất nhị: nhất giả thiện, nhị giả bất thiện. Phật tánh phi thiện phi bất thiện, thị danh bất nhị. Uẩn chi dữ giới, phàm phu kiến nhị, trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh, tức thị Phật tánh.’ Ấn Tông văn thuyết, hoan hỷ hiệp chưởng, ngôn: ‘Mỗ giáp giảng kinh, du như ngõa lịch, nhân giả luận nghĩa, du như chân kim!’

於是為惠能剃髮，願事為師。惠能遂於菩提樹下。開東山法門。

«U thị, vị Huệ Năng thế phát, nguyện sự vi Sư. Huệ Năng toại ư Bồ-đề thọ hạ khai Đông Sơn Pháp môn.

惠能於東山得法，辛苦受盡，命似懸絲。今日得與使君，官僚，僧尼道俗，同此一會。莫非累劫之緣，亦是過去生中供養諸佛，同種善根，方始得聞如上頓教得法之因。

«Huệ Năng ư Đông Sơn đắc pháp, tân khổ thọ tận, mạng tự huyền ty! Kim nhật đắc dữ sứ quân, quan liêu, tăng ni đạo tục, đồng thủ nhất hội. Mạc phi lũy kiếp chi duyên, diệc thị quá khứ sanh trung cúng dường chư Phật, đồng chủng thiện căn, phương thủy đắc văn như thượng Đốn giáo đắc pháp chi nhân?

教是先聖所傳，不是惠能自智。願聞先聖教者，各令淨心。聞了，各自除疑，如先代聖人無別。

«Giáo thị tiên thánh sở truyền, bất thị Huệ Năng tự trí. Nguyện văn tiên thánh giáo giả, các linh tịnh tâm. Văn liễu, các tự trừ nghi, như tiên đại thánh nhân vô biệt.»

一眾聞法，歡喜，作禮而退。

Nhất chúng văn Pháp, hoan hỷ, tác lễ nhi thối.

❖ HÁN VĂN

般 若

BÁT - NHÃ

品 第 二

Phẩm đệ nhị

次日，韋使君請益。師陞座，告大眾曰。總淨心念摩訶般若波羅蜜多。

Thứ nhật, Vi sứ quân thỉnh ích. Sư thăng tòa, cáo đại chúng viết: “Tổng tịnh tâm niệm *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa*.”

復云。善知識。菩提般若之智，世人本自有之。只緣心迷，不能自悟，須假大善知識，示導見性。當知愚人，智人，佛性本無差別。只緣迷悟不同，所以有愚，有智。吾今為說摩訶般若波羅蜜法，使汝等各得智慧。志心諦聽，吾為汝說。

Phục vân: “Thiện tri thức! *Bồ-đề Bát-nhã* chi trí, thế nhân bản tự hữu chi. Chỉ duyên tâm mê, bất năng tự ngộ, tu giả đại thiện tri thức thị đạo kiến tánh. Đương tri ngu nhân, trí nhân, Phật tánh bản vô sai biệt. Chỉ duyên mê ngộ bất đồng, sở dĩ hữu ngu, hữu trí. Ngô kim vị thuyết *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật* pháp, sử nhữ

đẳng các đặc trí tuệ. Chí tâm để thính, ngô vị nữ thuyết.

善知識。世人終日口念般若。不識自性般若。猶如說食不飽。口但說空。萬劫不得見性。終無有益。

“Thiện tri thức! Thế nhân chung nhật khẩu niệm *Bát-nhã*, bất thức tự tánh *Bát-nhã*, do như thuyết thực bất bão. Khẩu đản thuyết *không*, vạn kiếp bất đắc kiến *tánh*, chung vô hữu ích.

善知識。摩訶般若波羅蜜是梵語，此言大智慧到彼岸。此須心行，不在口念。口念，心不行，如幻，如化，如露，如電。口念，心行，則心口相應，本性是佛。離性無別佛。

“Thiện tri thức! *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật* thị Phạn ngữ,¹ thủ ngôn ‘*Đại trí tuệ đáo bỉ ngạn*’. Thủ tu tâm hành, bất tại khẩu niệm. Khẩu niệm, tâm bất hành; như huyễn, như hóa, như lộ, như điển. Khẩu niệm, tâm hành; tắc tâm, khẩu tương ứng, bản tánh thị Phật. Ly tánh vô biệt Phật.

何名摩訶。摩訶是大，心量廣大，猶如虛空，無有邊畔，亦無方圓大小，亦非青黃赤白，亦無上下長短，亦無瞋，無喜，無是，無非，無善，無惡，無有頭尾。諸佛剎土盡同虛空。世人妙性本空，無有一法可得。自性真空，亦復如是。

“Hà danh *Ma-ha*? *Ma-ha* thị đại, tâm lượng quảng đại, do như hư không, vô hữu biên bạng, diệc vô phương, viên, đại, tiểu; diệc phi thanh, hoàng, xích, bạch; diệc vô thượng, hạ, trường, đoản; diệc vô sân, vô hỷ, vô thị, vô phi, vô thiện, vô ác, vô hữu đầu, vĩ. Chư Phật sát độ, tận đồng hư không. Thế nhân diệu tánh bản không, vô hữu nhất pháp khả đắc. Tự tánh chân không, diệc phục như thị.

¹ Cụm từ này trong tiếng Phạn là mahāprajñāpāramitā.

善知識。莫聞吾說空，便即著空。第一，莫著空。若空心靜坐，即著無記空。善知識，世界虛空能含萬物色像，日月，星宿，山河，大地，泉源，谿澗，草木，叢林，惡人，善人，惡法，善法，天堂，地獄，一切大海，須彌諸山，總在空中。世人性空，亦復如是。

“Thiền tri thức! Mạc văn ngô thuyết không, tiện tức trước không. Đệ nhất, mạc trước không. Nhược không tâm tĩnh tọa, tức trước vô ký không. Thiền tri thức! Thế giới hư không năng hàm vạn vật sắc tượng, nhật nguyệt, tinh tú, sơn hà, đại địa, tuyền nguyên, khe giản, thảo mộc, tùng lâm, ác nhân, thiện nhân, ác pháp, thiện pháp, thiên đường, địa ngục, nhất thiết đại hải, Tu-di chư sơn, tổng tại không trung. Thế nhân tánh không, diệc phục như thị.

善知識。自性能含萬法是大。萬法在諸人性中。若見一切人惡之與善，盡皆不取不捨，亦不染著，心如虛空，名之為大，故曰摩訶。

“Thiền tri thức! Tự tánh năng hàm vạn pháp thị đại. Vạn pháp tại chư nhân tánh trung. Nhược kiến nhất thiết nhân ác chi dữ thiện, tận giai bất thủ, bất xả, diệc bất nhiễm trước, tâm như hư không, danh chi vi đại, cố viết Ma-ha.

善知識。迷人口說，智者心行。又有迷人心空靜坐，百無所思，自稱為大。此一輩人，不可與語，為邪見故。

“Thiền tri thức! Mê nhân khẩu thuyết, trí giả tâm hành. Hựu hữu mê nhân tâm không tĩnh tọa, bá vô sở tư, tự xưng vi đại. Thủ nhất bối nhân, bất khả dĩ ngữ, vi tà kiến cố.

善知識。心量廣大，遍周法界，用即了了分明，應用便知一切。一切即一，一即一切，去來自由。心體無滯，即是般若。

“Thiền tri thức! Tâm lượng quảng đại, biến châu pháp giới, dụng

túc liễu liễu phân minh, ứng dụng tiệ tri nhất thiết. Nhất thiết túc nhất, nhất túc nhất thiết, khứ lai tự do. Tâm thể vô trệ, túc thị *Bát-nhã*.

善知識。一切般若智皆從自性而生，不從外入。莫錯用意，名為真性自用。一真一切真。心量大事，不行小道。口莫終日說空，心中不修此行，恰似凡人自稱國王，終不可得，非吾弟子。

“Thiện tri thức! Nhất thiết *Bát-nhã* trí giai tùng tự tánh nhi sanh, bất tùng ngoại nhập. Mạc thác dụng ý, danh vi chân tánh tự dụng. Nhất chân, nhất thiết chân. Tâm lượng đại sự, bất hành tiểu đạo. Khẩu mạc chung nhật thuyết không, tâm trung bất tu thử hạnh, khát tự phạm nhân tự xưng quốc vương, chung bất khả đắc, phi ngô đệ tử.

善知識。何名般若。般若者，唐言智慧也。一切處所，一切時中，念念不愚，常行智慧，即是般若行。一念愚，即般若絕。一念智，即般若生。世人愚迷，不見般若。口說般若，心中常愚。常自言，我修般若。念念說空，不識真空。般若無形相，智慧心即是。若作如是解，即名般若智。

“Thiện tri thức! Hà danh *Bát-nhã*? *Bát-nhã* giả, Đường ngôn trí tuệ dã. Nhất thiết xứ sở, nhất thiết thời trung, niệm niệm bất ngu, thường hành trí tuệ, túc thị *Bát-nhã* hạnh. Nhất niệm ngu, túc *Bát-nhã* tuyệt. Nhất niệm trí, túc *Bát-nhã* sanh. Thế nhân ngu mê, bất kiến *Bát-nhã*, khẩu thuyết *Bát-nhã*, trung tâm thường ngu. Thường tự ngôn: Ngã tu *Bát-nhã*. Niệm niệm thuyết không, bất thức chân không. *Bát-nhã* vô hình tướng, trí tuệ tâm túc thị. Nhược tác như thị giải, túc danh *Bát-nhã* trí.

何名波羅蜜。此是西國語，唐言到彼岸，解義離生滅。著境，生滅起，如水有波浪，即名為此岸。離境，無生

滅，如水常通流，即名為彼岸。故號波羅蜜。

“Hà danh *Ba-la-mật*? Thủ thị Tây quốc ngữ, Đường ngôn *Đáo bỉ ngạn*, giải nghĩa *ly sanh diệt*. Trước cảnh, sanh diệt khởi, như thủy hữu ba lãng, tức danh vi *thủ ngạn*. Ly cảnh, vô sanh diệt, như thủy thường thông lưu, tức danh vi *bỉ ngạn*. Cố hiệu *Ba-la-mật*.

善知識。迷人口念，當念之時，有妄，有非。念念若行，是名真性。悟此法者，是般若法。修此行者，是般若行。不修即凡，一念修行，自身等佛。

“Thiện tri thức! Mê nhân khẩu niệm, dương niệm chi thời, hữu vọng, hữu phi. Niệm niệm nhược hành, thị danh chân tánh. Ngộ thủ pháp giả, thị *Bát-nhã Pháp*. Tu thủ hạnh giả, thị *Bát-nhã hạnh*. Bất tu tức phàm; nhất niệm tu hành, tự thân đẳng Phật.

善知識。凡夫即佛，煩惱即菩提。前念迷，即凡夫。後念悟，即佛。前念著境，即煩惱。後念離境，即菩提。

“Thiện tri thức! Phàm phu tức Phật, phiền não tức *Bồ-đề*. Tiền niệm mê, tức phàm phu; hậu niệm ngộ, tức Phật. Tiền niệm trước cảnh, tức phiền não; hậu niệm ly cảnh, tức *Bồ-đề*.

善知識。

“Thiện tri thức!

摩訶般若波羅蜜，
最上最尊最第一。
無住無往亦無來，
三世諸佛從中出。

Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật,
Tối thượng, tối tôn, tối đệ nhất.
Vô trụ, vô vãng, diệc vô lai,

Tam thế chư Phật từng trung xuất.

當用大智慧。打破五蘊煩惱塵勞。如此修行。定成佛道。變三毒為戒定慧。

“Đương dụng đại trí tuệ đã phá ngũ uẩn phiền não trần lao. Như thử tu hành, định thành Phật đạo, biến tam độc vi Giới Định Tuệ.

善知識。我此法門，從一般若生八萬四千智慧。何以故。為世人有八萬四千塵勞。

“Thiện tri thức! Ngã thử Pháp môn, từng nhất Bát-nhã, sanh bát vạn tứ thiên trí tuệ. Hà dĩ cố? Vị thế nhân hữu bát vạn tứ thiên trần lao.

若無塵勞，智慧常現，不離自性。悟此法者，即是無念，無憶無著。不起誑妄，用自真如性。以智慧觀照，於一切法，不取，不捨，即是見性，成佛道。

“Nhuộc vô trần lao, trí tuệ thường hiện, bất ly tự tánh. Ngộ thử pháp giả, tức thị vô niệm, vô úc, vô trước. Bất khởi cưỡng vọng, dụng tự chân như tánh. Dĩ trí tuệ quán chiếu, ư nhất thiết pháp, bất thủ, bất xả, tức thị kiến tánh, thành Phật đạo.

善知識。若欲入甚深法界及般若三昧者，須修般若行，持誦金剛般若經，即得見性。當知此經功德無量無邊。經中分明讚歎，莫能具說。此法門是最上乘，為大智人說，為上根人說。小根，小智人聞，心生不信。

“Thiện tri thức! Nhuộc dục nhập thậm thâm pháp giới cập Bát-nhã Tam-muội giả, tu tu Bát-nhã hạnh, trì tụng Kim Cang Bát-nhã Kinh, tức đắc kiến tánh. Đương tri thử kinh công đức vô lượng, vô biên. Kinh trung phân minh tán thán, mạc năng cụ thuyết. Thử Pháp môn thị tối thượng thừa, vị đại trí nhân thuyết, vị thượng căn nhân thuyết. Tiểu-căn, tiểu trí nhân văn, tâm sanh bất tín.

何以故。譬如天龍下雨於閻浮提，城邑，聚落，悉皆漂流，如漂棗葉。若雨大海，不增，不減。若大乘人，若最上乘人，聞說金剛經，心開悟解，故知本性自有般若之智，自用智慧常觀照故，不假文字。

“Hà dĩ cố? Thí như thiên long há vũ ư *Diêm-phù-đê*, thành ấp, tụ lạc tất giai phiêu lưu, như phiêu tảo diệp. Nhược vũ đại hải, bất tăng, bất giảm. Nhược đại thừa nhân, nhược tối thượng thừa nhân văn thuyết Kim Cang Kinh, tâm khai ngộ giải, cố tri bản tánh tự hữu *Bát-nhã* chi trí, tự dụng trí tuệ thường quán chiếu cố, bất giả văn tự.

譬如雨水，不從天有，元是龍能興致，令一切眾生，一切草木，有情，無情，悉皆蒙潤，百川眾流，卻入大海，合為一體。眾生本性般若之智，亦復如是。

“Thí như vũ thủy, bất tùng thiên hữu, nguyên thị long năng hưng trí, linh nhất thiết chúng sanh, nhất thiết thảo mộc, hữu tình, vô tình, tất giai mông nhuận; bá xuyên chúng lưu khước nhập đại hải, hợp vi nhất thể. Chúng sanh bản tánh *Bát-nhã* chi trí, diệc phục như thị.

善知識。小根之人聞此頓教，猶如草木根性小者，若被大雨，悉皆自倒，不能增長。小根之人，亦復如是。元有般若之智，與大智人更無差別。因何聞法不自開悟。緣邪見障重，煩惱根深，猶如大雲覆蓋於日，不得風吹，日光不現。

“Thiện tri thức! Tiểu căn chi nhân văn thủ Đốn giáo, du như thảo mộc căn tánh tiểu giả, nhược bị đại vũ, tất giai tự đảo, bất năng tăng trưởng. Tiểu căn chi nhân, diệc phục như thị. Nguyên hữu *Bát-nhã* chi trí, dĩ đại trí nhân cánh vô sai biệt. Nhân hà văn pháp bất tự khai ngộ? Duyên tà kiến chướng trọng, phiền não căn thâm, du như đại vân phủ cái ư nhật, bất đắc phong xuy, nhật quang bất hiện.

般若之智亦無大小，為一切眾生自心迷悟不同。迷心外見，修行覓佛，未悟自性，即是小根。若開悟頓教，不執外修，但於自心常起正見，煩惱塵勞常不能染，即是見性。

“*Bát-nhã* chi trí diệc vô đại tiểu, vị nhất thiết chúng sanh tự tâm mê ngộ bất đồng. Mê tâm ngoại kiến, tu hành mịch Phật, vị ngộ tự tánh, tức thị tiểu căn. Nhược khai ngộ Đốn giáo, bất chấp ngoại tu, đản ử tự tâm thường khởi chánh kiến, phiền não, trần lao, thường bất năng nhiễm, tức thị kiến tánh.

善知識。內外不住，去來自由，能除執心，通達無礙。能修此行，與般若經，本無差別。

“Thiện tri thức! Nội ngoại bất trụ, khứ lai tự do, năng trừ chấp tâm, thông đạt vô ngại. Năng tu thủ hạnh, dĩ *Bát-nhã* kinh, bản vô sai biệt.

善知識。一切修多羅及諸文字大，小二乘，十二部經，皆因人置，因智慧性，方能建立。若無世人，一切萬法本自不有。故知萬法本自人興，一切經書因人說有。緣其人中有愚，有智。愚為小人，智為大人。愚者問於智人，智者與愚人說法。愚人忽然悟解，心開，即與智人無別。

“Thiện tri thức! Nhất thiết *Tu-đa-la* cập chư văn tự Đại, Tiểu nhị thừa, Thập nhị bộ kinh, giai nhân nhân trí, nhân trí tuệ tánh, phương năng kiến lập. Nhược vô thể nhân, nhất thiết vạn pháp, bản tự bất hữu. Cố tri vạn pháp bản tự nhân hưng; nhất thiết kinh thư nhân nhân thuyết hữu. Duyên kỳ nhân trung hữu ngu, hữu trí. Ngu vi tiểu nhân, trí vi đại nhân. Ngu giả vấn ử trí nhân; trí giả dĩ ngu nhân thuyết pháp. Ngu nhân hốt nhiên ngộ giải, tâm khai, tức dĩ trí nhân vô biệt.

善知識。不悟即佛是眾生，一念悟時，眾生是佛。故知

萬法盡在自心。何不從自心中頓見真如本性。菩薩戒經云。我本元自性清淨。若識自心見性，皆成佛道。淨名經云。即時豁然還得本心。

“Thiện tri thức! Bất ngộ, tức Phật thị chúng sanh; nhất niệm ngộ thời, chúng sanh thị Phật. Cố tri vạn pháp tận tại tự tâm. Hà bất tòng tự tâm trung, đốn kiến chân như bản tánh? *Bồ-tát* Giới kinh vân: ‘*Ngã bản nguyên tự tánh thanh tịnh. Nhược thức tự tâm kiến tánh, giai thành Phật đạo.*’ Tịnh Danh Kinh vân: ‘*Tức thời hoát nhiên hoàn đắc bản tâm.*’

善知識。我於忍和尚處，一聞言下便悟，頓見真如本性。是以將此教法流行，令學道者頓悟菩提。各自觀心，自見本性。若自不悟，須覓大善知識解最上乘法者，直示正路。

“Thiện tri thức! Ngã ư Nhân Hòa thượng xứ, nhất văn ngôn hạ tiện ngộ, đốn kiến chân như bản tánh. Thị dĩ tương thử giáo pháp lưu hành, linh học đạo giả đốn ngộ *Bồ-đề*. Các tự quán tâm, tự kiến bản tánh. Nhược tự bất ngộ, tu mịch đại thiện tri thức giải tối thượng thừa pháp giả, trực thị chánh lộ.

是善知識有大因緣，所謂化導，令得見性。一切善法因善知識能發起故。三世諸佛，十二部經，在人性中本自具有。不能自悟，須求善知識指示方見。若自悟者，不假外求。若一向執，謂須他善知識，望得解脫者，無有是處。

“Thị thiện tri thức hữu đại nhân duyên; sở vị hóa đạo, linh đắc kiến tánh. Nhất thiết thiện pháp, nhân thiện tri thức năng phát khởi cố. Tam thế chư Phật, thập nhị bộ kinh tại nhân tánh trung bản tự cụ hữu. Bất năng tự ngộ, tu cầu thiện tri thức chỉ thị phương kiến. Nhược tự ngộ giả, bất giả ngoại cầu. Nhược nhất hướng chấp, vị tu tha thiện tri thức vọng đắc giải thoát giả, vô hữu thị xứ.

何以故。自心內有知識自悟。若起邪迷，妄念顛倒，外善知識雖有教授，救不可得。若起正真般若觀照，一剎那間，妄念俱滅。若識自性，一悟，即至佛地。

“Hà dĩ cố? Tự tâm nội hữu tri thức tự ngộ. Nhược khởi tà mê, vọng niệm điên đảo, ngoại thiện tri thức tuy hữu giáo thọ, cứu bất khả đắc. Nhược khởi chánh chân *Bát-nhã* quán chiếu, nhất *sát-na* gian, vọng niệm câu diệt. Nhược thức tự tánh, nhất ngộ, tức chí Phật địa.

善知識。智慧觀照，內外明徹，識自本心。若識本心，即本解脫。若得解脫，即是般若三昧。般若三昧，即是無念。

“Thiện tri thức! Trí tuệ quán chiếu, nội ngoại minh triệt, thức tự bản tâm. Nhược thức bản tâm, tức bản giải thoát. Nhược đắc giải thoát, tức thị *Bát-nhã Tam-muội*. *Bát-nhã Tam-muội*, tức thị vô niệm.

何名無念。若見一切法，心不染著，是為無念。用即遍一切處，亦不著一切處。但淨本心，使六識出六門，於六塵中無染，無雜。來去自由，通用無滯，即是般若三昧。自在解脫，名無念行。若百物不思，當令念絕，即是法縛，即名邊見。

“Hà danh vô niệm? Nhược kiến nhất thiết pháp, tâm bất nhiễm trước, thị vi vô niệm. Dụng tức biến nhất thiết xứ, diệc bất trước nhất thiết xứ. Đản tịnh bản tâm, sử lục thức xuất lục môn, ử lục trần trung vô nhiễm, vô tạp. Lai khứ tự do, thông dụng vô trệ, tức thị *Bát-nhã Tam-muội*. Tự tại giải thoát, danh vô niệm hạnh. Nhược bá vật bất tư, thường linh niệm tuyệt, tức thị pháp phược, tức danh biên kiến.

善知識。悟無念法者，萬法盡通。悟無念法者，見諸佛境界。悟無念法者，至佛地位。

“Thiện tri thức! Ngộ vô niệm pháp giả, vạn pháp tận thông. Ngộ vô niệm pháp giả, kiến chư Phật cảnh giới. Ngộ vô niệm pháp giả, chí Phật địa vị.

善知識。後代得吾法者，將此頓教法門，於同見，同行，發願受持，如事佛故，終身而不退者，定入聖位。然，須傳授從上以來，默傳分付，不得匿其正法。

“Thiện tri thức! Hậu đại đắc ngô pháp giả, tương thủ Đốn giáo pháp môn, ư đồng kiến, đồng hạnh, phát nguyện thọ trì, như sự Phật cố, chung thân nhi bất thoái giả, định nhập thánh vị. Nhiên, tu truyền thọ tụng thượng dĩ lai, mặc truyền phân phó, bất đắc nặc kỳ Chánh pháp.

若不同見，同行，在別法中不得傳付，損彼前人，究竟無益。恐愚人不解，謗此法門，百劫，千生，斷佛種性。

“Nhuộc bất đồng kiến, đồng hạnh, tại biệt pháp trung bất đắc truyền phó, tổn bỉ tiền nhân, cứu cánh vô ích. Khủng ngu nhân bất giải, báng thủ pháp môn, bá kiếp, thiên sanh, đoạn Phật chủng tánh.

善知識。吾有一無相頌，各須誦取。在家，出家，但依此修。若不自修，惟記吾言，亦無有益。聽吾頌曰。

“Thiện tri thức! Ngộ hữu nhất vô tướng tụng, các tu tụng thủ. Tại gia, xuất gia đản y thủ tu. Nhuộc bất tự tu, duy ký ngô ngôn, diệc vô hữu ích. Thính ngô tụng viết:

說通及心通，
如日處虛空。
唯傳見性法，
出世破邪宗。

Thuyết thông cập tâm thông,

*Như nhật xử hư không.
Duy truyền kiến tánh pháp,
Xuất thế phá tà tông.*

法即無頓漸，
迷悟有遲疾。

只此見性門，
愚人不可悉。

*Pháp tức vô đốn, tiệm,
Mê, ngộ hữu trì, tật.
Chỉ thử kiến tánh môn,
Ngu nhân bất khả tất.*

說即雖萬般，
合理還歸一。

煩惱闇宅中，
常須生慧日。

*Thuyết tức tuy vạn ban,
Hợp lý hoàn quy nhất.
Phiền não ám trạch trung,
Thường tu sanh tuệ nhật.*

邪來煩惱至，
正來煩惱除。

邪正俱不用，
清淨至無餘。

*Tà lai, phiền não chí;
Chánh lai, phiền não trừ.
Tà, chánh câu bất dụng,
Thanh tịnh chí vô dư.*

菩提本自性，
起心即是妄。

淨心在妄中，

但正無三障。

Bồ-đề bản tự tánh,

Khởi tâm tức thị vọng.

Tịnh tâm tại vọng trung,

Đản chánh, vô tam chướng.

世人若修道，

一切盡不妨。

常自見已過，

與道即相當。

Thế nhân nhược tu đạo,

Nhất thiết tận bất phương.

Thường tự kiến kỷ quá,

Dữ đạo tức tương đương.

色類自有道，

各不相妨惱。

離道別覓道，

終身不見道。

Sắc loại tự hữu đạo,

Các bất tương phương nào.

Ly đạo biệt mịch đạo.

Chung thân bất kiến đạo.

波波度一生，

到頭還自懊。

欲得見真道，

行正即是道。

Ba ba độ nhất sanh,

Đáo đầu hoàn tự áo!

Dục đắc kiến chân đạo,

Hành chánh tức thị đạo.

自若無道心，
闇行不見道。
若真修道人，
不見世間過。

*Tự nhược vô đạo tâm,
Ám hành bất kiến đạo.*

*Nhược chân tu đạo nhân,
Bất kiến thế gian quá.*

若見他人非，
自非卻是左。
他非我不非，
我非自有過。

*Nhược kiến tha nhân phi,
Tự phi khước thị tả.*

*Tha phi, ngã bất phi,
Ngã phi tự hữu quá*

但自卻非心，
打除煩惱破。
憎愛不關心，
長伸兩腳臥。

*Đản tự khước phi tâm,
Đả trừ phiền não phá.*

*Tăng, ái bất quan tâm,
Trường thân lưỡng cước ngọa.*

欲擬化他人，
自須有方便。
勿令彼有疑，

即是自性現。

*Dục nghi hóa tha nhân,
Tự tu hữu phương tiện.
Vật linh bỉ hữu nghi,
Tức thị tự tánh hiện.*

佛法在世間
不離世間覺
離世覓菩提
恰如求兔角

*Phật pháp tại thế gian,
Bất ly thế gian giác.
Ly thế mịch Bồ-đề,
Kháp như cầu thố giác.*

正見名出世，
邪見是世間。
邪正盡打卻，
菩提性宛然。

*Chánh kiến danh xuất thế,
Tà kiến thị thế gian.
Tà, chánh tận đả khước,
Bồ-đề tánh uyển nhiên.*

此頌是頓教，
亦名大法船。
迷聞經累劫，
悟則剎那間。

*Thử tụng thị Đốn giáo,
Diệc danh Đại Pháp thuyền.
Mê văn kinh lũy kiếp,
Ngộ tức sát-na gian.*

師復曰。今於大梵寺，說此頓教，普願法界眾生，言下見性成佛。

“Sư phục viết: ‘Kim ư Đại Phạm tự, thuyết thử Đốn giáo, phổ nguyện pháp giới chúng sanh, ngôn hạ kiến tánh thành Phật.’”

時，韋使君與官僚，道俗，聞師所說，無不省悟。一時作禮，皆歎。善哉，何期嶺南有佛出世。

Thời, Vi Sứ quân dĩ quan liêu, đạo tục, văn Sư sở thuyết, vô bất tỉnh ngộ, nhất thời tác lễ, giai thán: “Thiện tai! Hà kỳ Lĩnh Nam hữu Phật xuất thế!”

❖ HÁN VĂN

疑問

NGHI VẤN

第三

Phẩm đệ tam

一日。韋刺史為師設大會齋。齋訖，刺史請師陞座，同官僚，士庶，肅容再拜。問曰。

Nhất nhật, Vi Thứ sử vị Sư thiết đại hội trai. Trai ngật, Thứ sử thỉnh Sư thăng tòa, đồng quan liêu, sĩ thứ túc đông tái bái, vấn viết:

弟子聞和尚說法，實不可思議。今有少疑，願大慈悲，特為解說。

“Đệ tử văn Hòa thượng thuyết pháp, thật bất khả tư nghị. Kim hữu thiếu nghi, nguyện đại từ bi, đặc vị giải thuyết.”

師曰。有疑即問，吾當為說。

Sư viết: “Hữu nghi túc vấn, ngô đương vị thuyết.”

韋公曰。和尚所說，可不是達磨大師宗旨乎。

Vi công viết: “Hòa thượng sở thuyết, khả bất thị Đạt-ma Đại sư tông chỉ hồ?”

師曰。是。

Sư viết: “Thị.”

公曰。弟子聞達磨初化梁武帝，帝問云。朕一生造寺，度僧，布施，設齋，有何功德。達磨言。實無功德。弟子未達此理，願和尚為說。

Công viết: “Đệ tử văn Đạt-ma sơ hóa Lương Võ Đế, Đế vấn vân: ‘Trẫm nhất sanh tạo tự, độ tăng, bố thí, thiết trai, hữu hà công đức?’ Đạt-ma ngôn: ‘Thật vô công đức.’ Đệ tử vị đạt thủ lý, nguyện Hòa thượng vị thuyết.”

師曰。實無功德。勿疑先聖之言。武帝心邪，不知正法。造寺，度僧，布施，設齋，名為求福。不可將福便為功德。功德在法身中，不在修福。

Sư viết: “Thật vô công đức. Vật nghi tiên thánh chi ngôn. Võ Đế tâm tà, bất tri Chánh pháp. Tạo tự, độ tăng, bố thí, thiết trai, danh vi cầu phước, bất khả tương phước tiện vi công đức. Công đức tại Pháp thân trung, bất tại tu phước.”

師又曰。見性是功，平等是德。念念無滯，常見本性，真實妙用，名為功德。內心謙下是功，外行於禮是德。自性建立萬法是功，心體離念是德。不離自性是功，應用無染是德。若覓功德法身，但依此作。是真功德。若修功德之人，心即不輕，常行普敬。心常輕人，吾我不斷，即自無功。自性虛妄不實，即自無德。為吾我自大，常輕一切故。

Sư hựu viết: “Kiến tánh thị công, bình đẳng thị đức. Niệm niệm vô trệ, thường kiến bản tánh, chân thật diệu dụng, danh vi công đức. Nội tâm khiêm hạ thị công, ngoại hành ư lễ thị đức. Tự tánh kiến lập vạn pháp thị công, tâm thể ly niệm thị đức. Bất ly tự tánh thị công, ứng dụng vô nhiễm thị đức. Nhược mịch công đức Pháp thân, đản y thủ tác, thị chân công đức. Nhược tu công đức chi nhân, tâm tức bất khinh, thường hành phổ kính. Tâm thường

khinh nhân, ngô ngã bất đoạn, tức tự vô công, tự tánh hư vọng bất thật, tức tự vô đức. Vị ngô ngã tự đại, thường khinh nhất thiết cố.

善知識。念念無間是功，心行平直是德。自修性是功，自修身是德。

“Thiện tri thức! Niệm niệm vô gián thị công; tâm hành bình trực thị đức. Tự tu tánh thị công, tự tu thân thị đức.

善知識。功德須自性內見，不是布施，供養之所求也。是以福德與功德別。武帝不識真理，非我祖師有過。

“Thiện tri thức! Công đức tu tự tánh nội kiến, bất thị bố thí, cúng dường chi sở cầu dã. Thị dĩ phước đức dĩ công đức biệt. Võ Đế bất thức chân lý, phi ngã Tổ Sư hữu quá.”

刺史又問曰。弟子常見僧俗念阿彌陀佛，願生西方，請和尚說得生彼否。願為破疑。

Thứ sử hựu vấn viết: “Đệ tử thường kiến tăng tục niệm A-Di-đà Phật, nguyện sanh Tây phương, thỉnh Hòa thượng thuyết đắc sanh bỉ phủ? Nguyện vị phá nghi.”

師言。使君善聽。惠能與說。

Sư ngôn: “Sứ quân thiện thính, Huệ Năng dĩ thuyết.

世尊在舍衛城中，說西方引化。經文分明去此不遠。若論相說里數，有十萬億刹。即身中十惡等障，便是說遠。說遠，為其下根。說近，為其上智。人有兩種，法無兩般。迷悟有殊，見有遲疾。迷人念佛求生於彼，悟人自淨其心。所以佛言，隨其心淨即佛土淨。使君。東方人造罪，念佛求生西方。西方人造罪，念佛求生何國。凡愚不了自性，不識身中淨土，願東願西。悟人在

處一般。所以佛言，隨所住處恒安樂。使君。心地但無不善，西方去此不遙。若懷不善之心，念佛往生難到。

“Thế Tôn tại Xá-xê thành trung, thuyết Tây phương dẫn hóa, kinh văn phân minh khứ thủ bất viễn. Nhược luận tương thuyết lý số hữu *thập vạn ức sát*, tức thân trung *thập ác đẳng chướng*, tiện thị thuyết viễn. Thuyết viễn, vị kỳ hạ căn; thuyết cận, vị kỳ thượng trí. Nhân hữu lưỡng chủng, pháp vô lưỡng ban. Mê ngộ hữu thù, kiến hữu trì, tật. Mê nhân niệm Phật cầu sanh ư bỉ; ngộ nhân tự tịnh kỳ tâm. Sở dĩ Phật ngôn: ‘*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật-độ tịnh.*’ Sứ quân! Đông phương nhân dẫn tâm tịnh tức vô tội. Tuy Tây phương nhân, tâm bất tịnh diệc hữu khiên. Đông phương nhân tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây phương; Tây phương nhân tạo tội, niệm Phật cầu sanh hà quốc? Phàm ngu bất liễu tự tánh, bất thức thân trung Tịnh độ, nguyện Đông, nguyện Tây. Ngộ nhân tại xứ nhất ban, Sở dĩ Phật ngôn: ‘*Tùy sở trụ xứ hằng an lạc.*’ Sứ quân! Tâm địa dẫn vô bất thiện, Tây phương khứ thủ bất điều. Nhược hoài bất thiện chi tâm, niệm Phật vãng sanh nan đáo.

今勸善知識。先除十惡，即行十萬億剎，即除十惡等障。念念見性，常行平直，到如彈指，便睹彌陀。使君。但行十善，何須更願往生。不斷十惡之心，何佛即來迎請。若悟無生頓法，見西方只在剎那。不悟，念佛求生，路遙如何得達。惠能與諸人移西方於剎那間，目前便見。各願見否。

“Kim khuyến thiện tri thức: Tiên trừ thập ác, tức hành thập vạn ức sát, tức trừ thập ác đẳng chướng. Niệm niệm kiến tánh, thường hành bình trực, đáo như đàn chỉ, tiện đở *Di-đà*. Sứ quân! Dẫn hành thập thiện, hà tu cánh nguyện vãng sanh? Bất đoạn thập ác chi tâm, hà Phật tức lai nghinh thỉnh? Nhược ngộ vô sanh Đốn pháp, kiến Tây phương chỉ tại *sát-na*. Bất ngộ, niệm Phật cầu sanh, lộ điều như hà đắc đạt? Huệ Năng dĩ chư nhân

di Tây phương ư *sát-na* gian, mục tiền tiển kiến. Các nguyện kiến phủ?”

眾皆頂禮云。若此處見，何須更願往生。願和尚慈悲，便現西方，普令得見。

Chúng giai đĩnh lễ vân: “Nhược thử xứ kiến, hà tu cánh nguyện vãng sanh? Nguyện Hòa thượng từ bi, tiển hiện Tây phương, phổ linh đắc kiến.”

師言。大眾。世人自色身是城，眼耳鼻舌是門。外有五門，內有意門。心是地，性是王。王居心地上。性在，王在。性去，王無。性在，身心存。性去，身心壞。佛向性中作，莫向身外求。

Sư ngôn: “Đại chúng! Thế nhân tự sắc thân thị thành, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thị môn. Ngoại hữu ngũ môn, nội hữu ý môn. Tâm thị địa, tánh thị vương. Vương cư tâm địa thượng. Tánh tại, vương tại; tánh khứ, vương vô. Tánh tại, thân tâm tồn; tánh khứ, thân tâm hoại. Phật hướng tánh trung tác, mạc hướng thân ngoại cầu.

自性迷，即是眾生。自性覺，即是佛。慈悲即是觀音。喜捨名為勢至。能淨即釋迦。平直即彌陀。人我是須彌。邪心是海水。煩惱是波浪。毒害是惡龍。虛妄是鬼神。塵勞是魚鱉。貪瞋是地獄。愚癡是畜生。

“Tự Tánh mê, tức thị chúng sanh: tự tánh giác, tức thị Phật. Từ bi tức thị Quan-Âm, hỷ xả danh vi Thế Chí. Năng tịnh tức Thích-ca. Bình trực tức Di-đà. Nhân ngã thị Tu-di. Tà tâm thị hải thủy. Phiền não thị ba lãng. Độc hại thị ác long. Hư vọng thị quỷ thần. Trần lao thị ngư biết. Tham sân thị địa ngục. Ngu si thị súc sanh.

善知識。常行十善，天堂便至。除人我，須彌倒。去邪心，海水竭。煩惱無，波浪滅。毒害亡，魚龍絕。自心地上，覺性如來放大光明，外照六門清淨。能破六欲諸

天。自性內照，三毒即除。地獄等罪，一時銷滅。內外明徹，不異西方。不作此修，如何到彼。

“Thiền tri thức! Thường hành thập thiện, thiên đường tiện chí. Trừ nhân ngã, *Tu-di* đảo. Khử tà tâm, hải thủy kiệt. Phiền não vô, ba lăng diệt. Độc hại vong, ngư long tuyệt. Tự tâm địa thượng, giác tánh Như Lai phóng đại quang minh, ngoại chiếu lục môn thanh tịnh, năng phá lục dục chư thiên. Tự tánh nội chiếu, tam độc tức trừ. Địa ngục đảng tội, nhất thời tiêu diệt. Nội ngoại minh triệt, bất dị Tây phương. Bất tác thủ tu, như hà đáo bỉ?”

大眾聞說了然見性，悉皆禮拜，俱歎。善哉。唱言。普願法界眾生聞者一時悟解。

Đại chúng văn thuyết liễu nhiên kiến tánh, tất giai lễ bái, câu thán: “Thiền tai!” Xưng ngôn: “Phổ nguyện pháp giới chúng sanh văn giả nhất thời ngộ giải.”

師言。善知識。若欲修行，在家亦得，不由在寺。在家能行，如東方人心善。在寺不修，如西方人心惡。但心清淨，即是自性西方。

Sư ngôn: “Thiền tri thức! Nhược dục tu hành, tại gia diệc đắc, bất do tại tự. Tại gia năng hành, như Đông phương nhân tâm thiện. Tại tự bất tu, như Tây phương nhân tâm ác. Đản tâm thanh tịnh, tức thị tự tánh Tây phương.”

韋公又問。在家如何修行。願為教授。

Vi công hựu vấn: “Tại gia như hà tu hành? Nguyện vi giáo thọ.”

師言。吾與大眾說無相頌。但依此修，常與吾同處無別。若不作此修，剃髮出家，於道何益。

Sư ngôn: “Ngô dĩ đại chúng thuyết ‘Vô tướng tụng’. Đản y thủ tu, thường dĩ ngô đồng xứ vô biệt. Nhược bất tác thủ tu, thế phát xuất gia, ư đạo hà ích?”

頌曰。

Tụng viết:

心平何勞持戒。

行直何用修禪。

恩則孝養父母。

義則上下相連。

Tâm bình, hà lao trì giới:

Hành trực, hà dụng tu thiền?

Ân tắc hiếu dưỡng phụ mẫu,

Nghĩa tắc thượng hạ tương liên.

讓則尊卑和睦。

忍則眾惡無誼。

若能鑽木取火。

淤泥定生紅蓮。

Nhượng tắc tôn ty hòa mục;

Nhẫn tắc chúng ác vô huyên.

Nhược năng toàn mộc thủ hỏa,

Ứ nê định sanh hồng liên.

苦口的是良藥，

逆耳必是忠言。

改過必生智慧，

護短心內非賢。

Khổ khẩu đích thị lương dược,

Nghịch nhĩ tất thị trung ngôn.

Cải quá, tất sanh trí tuệ,

Hộ đoản, tâm nội phi hiền.

日用常行饒益，

成道非由施錢。

菩提只向心覓，
何勞向外求玄。

*Nhật dụng thường hành nhiều ích,
Thành đạo phi do thí tiền.*

*Bồ-đề chỉ hướng tâm mịch,
Hà lao hướng ngoại cầu huyền?*

聽說依此修行，
天堂只在目前。

*Thính thuyết, y thử tu hành,
Thiên đường chỉ tại mục tiền.*

師復曰。善知識。總須依偈修行，見取自性，直成佛道。法不相待。

Sư phục viết: “Thiện tri thức! Tổng tu y kệ tu hành, kiến thủ tự tánh, trực thành Phật đạo. Pháp bất tương đãi.

眾人且散，吾歸曹溪。眾若有疑，卻來相問。

“Chúng nhân thả tán, ngô quy Tào Khê. Chúng nhược hữu nghi, khước lai tương vấn.”

時刺史官僚。在會善男信女。各得開悟。信受奉行。

Thời, Thứ sử, quan liêu, tại hội thiện nam, tín nữ các đắc khai ngộ, tín thọ, phụng hành.

❖ HÁN VĂN

定 慧

ĐỊNH TUỆ

品 第 四

Phẩm đệ tứ

師示眾云。善知識。我此法門以定慧為本。大眾。勿迷言定慧別。定慧一體，不是二。定是慧體，慧是定用。即慧之時，定在慧。即定之時，慧在定。若識此義，即是定慧等學。諸學道人。莫言先定發慧，先慧發定，各別。作此見者，法有二相，口說善語，心中不善，空有定慧，定慧不等。若心口俱善，內外一種。定慧即等。自悟修行，不在於諍。若諍先後，即同迷人。不斷勝負，卻增我法，不離四相。

Sư thị chúng vân: “Thiện tri thức! Ngã thủ Pháp môn dĩ định tuệ vi bản. Đại chúng! Vật mê ngôn định tuệ biệt. Định tuệ nhất thể, bất thị nhị. Định thị tuệ thể, tuệ thị định dụng. Tức tuệ chi thời, định tại tuệ. Tức định chi thời, tuệ tại định. Nhược thức thủ nghĩa, tức thị định tuệ đẳng học. Chư học đạo nhân! Mạc ngôn: Tiên định phát tuệ, tiên tuệ phát định, các biệt. Tác thủ kiến giả, pháp hữu nhị tướng: khẩu thuyết thiện ngữ, tâm trung bất thiện, không hữu định tuệ, định tuệ bất đẳng. Nhược tâm khẩu câu thiện, nội ngoại nhất chủng, định tuệ tức đẳng. Tự ngộ tu hành, bất tại ư

tránh. Nhược tránh tiên hậu, tức đồng mê nhân, bất đoán thẳng phụ, khước tăng ngã pháp, bất ly tứ tướng.

善知識。定慧猶如何等。猶如燈光，有燈即光，無燈即闇。燈是光之體，光是燈之用。名雖有二，體本同一。此定慧法，亦復如是。

“Thiền tri thức! Định, tuệ du như hà đẳng? Du như đăng, quang: hữu đăng tức quang, vô đăng tức ám. Đăng thị quang chi thể, quang thị đăng chi dụng. Danh tuy hữu nhị, thể bản đồng nhất. Thủ định tuệ pháp, diệc phục như thị.”



師示眾云。善知識。一行三昧者，於一切處，行住坐臥，常行一。直心是也。如淨名經云。直心是道場。直心是淨土。莫心行諂曲，口但說直。口說一行三昧，不行直心。但行直心，於一切法，勿有執著。迷人著法相，執一行三昧。直言。坐不動，妄不起心，即是一行三昧。作此解者，即同無情，卻是障道因緣。

Sư thị chúng vân: “Thiền tri thức! Nhất hạnh tam muội giả: ư nhất thiết xứ, hành trụ tọa ngọa thường hành nhất. Trụ tâm thị dã. Như Tịnh Danh kinh vân: ‘Trực tâm thị Đạo-tràng, trực tâm thị Tịnh độ.’ Mạc tâm hành siểm khúc, khẩu đản thuyết trực. Khẩu thuyết Nhất hạnh Tam-muội, bất hành trực tâm. Đản hành trực tâm, ư nhất thiết pháp, vật hữu chấp trước. Mê nhân trước pháp tướng, chấp Nhất hạnh Tam-muội, trực ngôn: ‘Tọa bất động, vọng bất khởi tâm, tức thị Nhất hạnh Tam-muội.’ Tác thủ giải giả, tức đồng vô tình, khước thị chướng đạo nhân duyên.

善知識。道須通流，何以卻滯。心不住法，道即通流。

心若住法，名為自縛。

“Thiền tri thức! Đạo tu lưu thông, hà dĩ khước trệ? Tâm bất trụ pháp, đạo tức lưu thông. Tâm nhược trụ pháp, danh vi tự phục.

若言坐不動是，只如舍利弗宴坐林中，卻被維摩詰訶。

“Nhược ngôn tọa bất động thị, chỉ như Xá-ly-phất yến tọa lâm trung, khước bị Duy-ma-cật ha.

善知識。又有人教坐，看心觀靜，不動，不起，從此置功。迷人不會，便執成顛。如此者眾。如是相教，故知大錯。

“Thiền tri thức! Hựu hữu nhân giáo tọa, khán tâm quán tĩnh, bất động, bất khởi, tùng thủ trí công. Mê nhân bất hội, tiện chấp thành điên. Như thủ giả chúng. Như thị tương giáo, cố tri đại thác.”



師示眾云。善知識，本來正教，無有頓漸。人性自有利鈍。迷人漸修，悟人頓契。自識本心，自見本性，即無差別。所以立頓漸之假名。

Sư thị chúng vân: “Thiền tri thức! Bản lai chánh giáo, vô hữu đốn tiệm. Nhân tánh tự hữu lợi độn, Mê nhân tiệm tu, ngộ nhân đốn khế. Tự thức bản tâm, tự kiến bản tánh, tức vô sai biệt. Sở dĩ lập đốn tiệm chi giả danh.

善知識。我此法門，從上以來，先立無念為宗，無相為體，無住為本。無相者，於相而離相。無念者，於念而無念。無住者，人之本性，於世間善惡，好醜，乃至冤之與親，言語，觸刺，欺爭之時，並將為空，不思酬害。

“Thiền tri thức! Ngã thủ Pháp môn, từng thượng dĩ lai, tiên lập vô niệm vi tông, vô tướng vi thể, vô trụ vi bản. Vô tướng giả, ư tướng nhi ly tướng. Vô niệm giả, ư niệm nhi vô niệm. Vô trụ giả, nhân chi bản tánh, ư thế gian thiện ác, hảo xú, nãi chí oan chi dữ thân, ngôn ngữ, xúc thích, khi tranh chi thời, tịnh tương vi không, bất tư thù hại.

念念之中，不思前境。若前念，今念，後念，念念相續不斷，名為繫縛。於諸法上，念念不住，即無縛也。此是以無住為本。

“Niệm niệm chi trung, bất tư tiên cảnh. Nhược tiên niệm, kim niệm, hậu niệm, niệm niệm tương tục bất đoạn, danh vi hệ phược. Ư chư pháp thượng, niệm niệm bất trụ, tức vô phược giả. Thủ thị dĩ vô trụ vi bản.

善知識。外離一切相，名為無相。能離於相，則法體清淨。此是以無相為體。

“Thiền tri thức! Ngoại ly nhất thiết tướng, danh vi vô tướng. Năng ly ư tướng, tắc pháp thể thanh tịnh. Thủ thị dĩ vô tướng vi thể.

善知識。於諸境上心不染，曰無念。於自念上常離諸境，不於境上生心。若只百物不思，念盡除卻。一念絕即死，別處受生，是為大錯。學道者思之。若不識法意，自錯猶可，更誤他人。自迷不見，又謗佛經。所以立無念為宗。

“Thiền tri thức! Ư chư cảnh thượng tâm bất nhiễm, viết vô niệm. Ư tự niệm thượng thường ly chư cảnh, bất ư cảnh thượng sanh tâm. Nhược chỉ bá vật bất tư, niệm tận trừ khửc. Nhất niệm tuyệt tức tử, biệt xứ thọ sanh, thị vi đại thác. Học đạo giả tư chi. Nhược bất thức pháp ý, tự thác du khả, cánh khuyến tha nhân! Tự mê bất kiến, hựu bán Phật kinh. Sở dĩ lập vô niệm vi tông.

善知識。云何立無念為宗。只緣口說見性，迷人於境

上有念，念上便起邪見。一切塵勞妄想從此而生。自性本無一法可得。若有所得，妄說禍福，即是塵勞邪見。故此法門立無念為宗。

“Thiền tri thức! Vân hà lập vô niệm vi tông? Chỉ duyên khẩu thuyết kiến tánh, mê nhân ư cảnh thượng hữu niệm, niệm thượng tiện khởi tà kiến. Nhất thiết trần lao vọng tưởng tưng thủ nhi sanh. Tự tánh bản vô nhất pháp khả đắc. Nhược hữu sở đắc, vọng thuyết họa phúc, tức thị trần lao tà kiến. Cố thủ Pháp môn lập vô niệm vi tông.

善知識。無者，無何事。念者，念何物。無者，無二相。無諸塵勞之心。念者，念真如本性。真如即是念之體。念即是真如之用。真如自性起念，非眼耳鼻舌能念。真如有性，所以起念。真如若無。眼耳鼻聲當時即壞。

“Thiền tri thức! Vô giả, vô hà sự? Niệm giả, niệm hà vật? Vô giả, vô nhị tướng, vô chư trần lao chi Tâm. Niệm giả, niệm chân như bản Tánh. Chân như tức thị niệm chi thể. Niệm tức thị chân như chi dụng. Chân như tự tánh khởi niệm, phi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt năng niệm. Chân như hữu tánh, sở dĩ khởi niệm. Chân như nhược vô, nhãn, nhĩ, sắc, thính đương thời tức hoại.

善知識。真如自性起念，六根雖有見聞覺知，不染萬境，而真性常自在。故經云。能善分別諸法相，於第一義而不動。

“Thiền tri thức! Chân như tự tánh khởi niệm, lục căn tuy hữu kiến, văn, giác, tri, bất nhiễm vạn cảnh, nhi chân tánh thường tự-tại. Cổ Kinh vân: ‘Năng thiện phân biệt chư pháp tướng, ư đệ nhất nghĩa nhi bất động.’”

❖ HÁN VĂN

坐 禪

TỌA THIÊN

第五

Phẩm đệ ngũ

師示眾云。此門坐禪，元不著心，亦不著淨，亦不是不動。若言著心，心元是妄。知心如幻，故無所著也。若言著淨，人性本淨。由妄念故，蓋覆真如。但無妄想，性自清淨。起心著淨，卻生淨妄。妄無處所，著者是妄。淨無形相，卻立淨相，言是工夫。作此見者，障自本性，卻被淨縛。

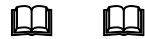
Sư thị chúng vân: “Thử môn tọa thiên, nguyên bất trước tâm, diệc bất trước tịnh, diệc bất thị bất động. Nhược ngôn trước tâm, tâm nguyên thị vọng. Tri tâm như huyễn, cố vô sở trước dã. Nhược ngôn trước tịnh, nhân tánh bản tịnh. Do vọng niệm cố, phú cái chân như. Đản vô vọng tưởng, tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm trước tịnh, khước sanh tịnh vọng. Vọng vô xứ sở, trước giả thị vọng. Tịnh vô hình tướng, khước lập tịnh tướng, ngôn thị công phu. Tác thử kiến giả, chướng tự bản tánh, khước bị tịnh phược.

善知識。若修不動者，但見一切人時，不見人之是非，善惡，過患，即是自性不動。

“Thiền tri thức! Nhược tu bất động giả, đản kiến nhất thiết nhân thời, bất kiến nhân chi thị phi, thiện ác, quá hoạn, tức thị tự tánh bất động.

善知識。迷人身雖不動，開口便說他人是非，長短，好惡，與道違背。若著心，著淨，即障道也。

“Thiền tri thức! Mê nhân thân tuy bất động, khai khẩu tiện thuyết tha nhân thị phi, trường đoản, hảo ác, dĩ đạo vi bội. Nhược trước tâm, trước tịnh, tức chướng đạo dã.”



師示眾云。善知識。何名坐禪。此法門中，無障無礙。外於一切善惡境界，心念不起，名為坐。內見自性不動，名為禪。

Sư thị chúng vân: “Thiền tri thức! Hà danh tọa thiền? Thủ pháp môn trung, vô chướng, vô ngại. Ngoại ư nhất thiết thiện, ác cảnh giới, tâm niệm bất khởi, danh vi tọa. Nội kiến tự tánh bất động, danh vi thiền.

善知識。何名禪定。外離相為禪。內不亂為定。外若著相，內心即亂。外若離相，心即不亂。本性自淨自定，只為見境思境即亂。若見諸境心不亂者，是真定也。

“Thiền tri thức! Hà danh *thiền định*? Ngoại ly tướng vi *thiền*. Nội bất loạn vi *định*. Ngoại nhược trước tướng, nội tâm tức loạn. Ngoại nhược ly tướng, tâm tức bất loạn. Bản tánh tự tịnh tự định; chỉ vị kiến cảnh tư cảnh tức loạn. Nhược kiến chư cảnh tâm bất loạn giả, thị chân *định* dã.

善知識。外離相即禪。內不亂即定。外禪，內定，是為禪定。淨名云。即時豁然還得本心。菩薩戒經云。我

本元自性清淨。

“Thiện tri thức! Ngoại ly tướng tức *thiên*; nội bất loạn tức *định*. Ngoại thiên, nội định, thị vi *thiên định*. Bồ-tát Giới Kinh vân: ‘*Ngã bản nguyên tự tánh thanh tịnh.*’

善知識。於念念中，自見本性清淨。自修，自行，自成佛道。

“Thiện tri thức! Ư niệm niệm trung, tự kiến bản tánh thanh tịnh. Tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo.”



❖ HÁN VĂN

懺悔

SÁM HỐI

品第六

Phẩm đệ lục

時，大師見廣，詔洎四方士庶，駢集山中聽法，於是陞座，告眾曰。

Thời, Đại Sư kiến Quảng, Thiều ky tứ phương sĩ thứ, biên tập sơn trung thánh Pháp, ư thị thăng tòa, cáo chúng viết:

來，諸善知識。此事須從自事中起。於一切時，念念自淨其心，自修，自行，見自己法身，見自心佛，自度，自戒始得，不假到此。既從遠來，一會于此，皆共有緣。今可各各胡跪。先為傳自性五分法身香，次授無相懺悔。

“Lai, chư Thiện tri thức! Thử sự tu tùng tự tánh trung khởi. Ư nhất thiết thời, niệm niệm tự tịnh kỳ tâm, tự tu, tự hành, kiến tự kỷ pháp thân, kiến tự tâm Phật, tự độ, tự giới thủy đắc, bất giả đáo thử. Ký tùng viễn lai, nhất hội ư thử, giai cộng hữu duyên; kim khả các các hồ quỳ. Tiên vị truyền Tự tánh ngũ phần Pháp thân hương, thứ thọ Vô tướng sám hối.”

眾胡跪。師曰。

Chúng hồ qui. Sư viết:

一，戒香，即自心中無非，無惡，無嫉妒，無貪瞋，無劫害，名戒香。二，定香，即睹諸善惡境相，自心不亂，名定香。三，慧香，自心無礙，常以智慧觀照自性，不造諸惡，雖修眾善，心不執著，敬上，念下，矜恤孤貧，名慧香。四，解脫香，即自心無所攀緣，不思善，不思惡，自在無礙，名解脫香。五，解脫知見香，自心既無所攀緣善惡，不可沈空守寂，即須廣學多聞，識自本心，達諸佛理，和光接物，無我無人，直至菩提，真性不易，名解脫知見香。善知識。此香各自內熏，莫向外覓。

“Nhất, *giới hương*, tức tự tâm trung vô phi, vô ố, vô tật đố, vô tham sân, vô kiếp hại, danh *giới hương*. Nhị, định hương, tức đồ chư thiện ác cảnh tướng, tự tâm bất loạn, danh *định hương*. Tam, *tuệ hương*, tự tâm vô ngại, thường dĩ trí tuệ quán chiếu tự tánh, bất tạo chư ác; tuy tu chúng thiện, tâm bất chấp trước, kính thượng, niệm hạ, cãng tuất cô bản, danh *tuệ hương*. Tứ, *giải thoát hương*, tức tự tâm vô sở phan duyên, bất tư thiện, bất tư ác, tự tại, vô ngại, danh *giải thoát hương*. Ngũ, *giải thoát tri kiến hương*, tự tâm ký vô sở phan duyên thiện ác, bất khả trầm không thủ tịch; tức tu quảng học, đa văn, thức tự bản tâm, đạt chư Phật lý, hòa quang tiếp vật, vô ngã, vô nhân, trực chí *Bồ-đề*, chân tánh bất dịch. danh *giải thoát tri kiến hương*. Thiện tri thức! Thủ hương các tự nội huân, mạc hưởng ngoại mịch.

今與汝等授無相懺悔，滅三世罪，令得三業清淨。善知識。各隨我語，一時道。

“Kim dĩ nhữ đẳng thọ *Vô tướng sám hối*, diệt tam thế tội, linh đắc tam nghiệp thanh tịnh. Thiện tri thức! Các tùy ngã ngữ, nhất thời đạo:

弟子等，從前念，今念及後念，念念不被愚迷染。從前

所有惡業愚迷等罪，悉皆懺悔。願一時銷滅，永不復起。

“Đệ tử đặng, từng tiền niệm, kim niệm cập hậu niệm, niệm niệm bất bị ngu mê nhiễm. Từng tiền sở hữu ác nghiệp ngu mê đặng tội, tất giai sám hối, nguyện nhất thời tiêu diệt, vĩnh bất phục khởi.

弟子等，從前念，今念及後念，念念不被憍誑染。從前所有惡業憍誑等罪，悉皆懺悔。願一時銷滅，永不復起。

“Đệ tử đặng, từng tiền niệm, kim niệm cập hậu niệm, niệm niệm bất bị kiêu cuồng nhiễm. Từng tiền sở hữu ác nghiệp kiêu cuồng đặng tội, tất giai sám hối, nguyện nhất thời tiêu diệt, vĩnh bất phục khởi.

弟子等，從前念，今念及後念，念念不被嫉妒染。從前所有惡業嫉妒等罪，悉皆懺悔。願一時銷滅，永不復起。

“Đệ tử đặng, từng tiền niệm, kim niệm cập hậu niệm, niệm niệm bất bị tật đố nhiễm. Từng tiền sở hữu ác nghiệp tật đố đặng tội, tất giai sám hối, nguyện nhất thời tiêu diệt, vĩnh bất phục khởi.

善知識。已上是為無相懺悔。云何名懺，云何名悔。懺者，懺其前愆。從前所有惡業，愚迷，憍誑，嫉妒等罪，悉皆盡懺，永不復起，是名為懺。悔者，悔其後過。從今以後所有惡業，愚迷，憍誑，嫉妒等罪，今已覺悟，悉皆永斷，更不復作，是名為悔。故稱懺悔。凡夫愚迷只知懺其前愆，不知悔其後過。以不悔故，前愆不滅，後過又生。前愆既不滅，後過復又生，何名懺悔。

“Thiện tri thức! Dĩ thượng thị vi *Vô tướng sám hối*. Vân hà danh *sám*? Vân hà danh *hối*? *Sám* giả, sám kỳ tiền khiên. Tùng tiền, sở hữu ác nghiệp: ngu mê, kiêu cống, tật đố đẳng tội, tất giai tận sám, vĩnh bất phục khởi, thị danh vi *sám*. *Hối* giả, hối kỳ hậu quá. Tùng kim dĩ hậu, sở hữu ác nghiệp: ngu mê, kiêu cống, tật đố đẳng tội, kim dĩ giác ngộ, tất giai vĩnh đoạn, cánh bất phục tác, thị danh vi *hối*. Cố xưng *sám hối*. Phàm phu ngu mê chỉ tri sám kỳ tiền khiên, bất tri hối kỳ hậu quá. Dĩ bất hối cố, tiền khiên bất diệt, hậu quá hựu sanh. Tiền khiên ký bất diệt, hậu quá phục hựu sanh, hà danh *sám hối*?

善知識。既懺悔已，與善知識發四弘誓願，各須用心正聽。自心眾生無邊誓願度。自心煩惱無邊誓願斷。自性法門無盡誓願學。自性無上佛道誓願成。

“Thiện tri thức! Ký sám hối dĩ, dĩ thiện tri thức phát Tứ hoàng thệ nguyện, các tu dụng tâm chánh tỉnh: Tự tâm chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ. Tự tâm phiền não vô biên, thệ nguyện đoạn. Tự tánh pháp môn vô tận, thệ nguyện học. Tự tánh vô thượng Phật đạo, thệ nguyện thành.

善知識。大家豈不道，眾生無邊誓願度。恁麼道，且不是惠能度。

“Thiện tri thức! Đại gia khởi bất đạo: *chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*. Nhữm ma đạo: Thả bất thị Huệ Năng độ.

善知識。心中眾生，所謂邪迷心，誑妄心，不善心，嫉妒心，惡毒心。如是等心，盡是眾生。各須自性自度，是名真度。何名自性自度。即自心中，邪見，煩惱，愚癡眾生，將正見度。既有正見，使般若智打破愚癡迷妄眾生，各各自度。邪來正度，迷來悟度，愚來智度，惡來善度。如是度者，名為真度。

“Thiện tri thức! Tâm trung chúng sanh, sở vi tà mê tâm, cống vọng tâm, bất thiện tâm, tật đố tâm, ác độc tâm. Như thị đẳng

tâm, tận thị chúng sanh. Các tu tự tánh tự độ, thị danh *chân độ*. Hà danh tự tánh tự độ? Tức tự tâm trung, tà kiến, phiền não, ngu si chúng sanh, tương chánh kiến độ. Ký hữu chánh kiến, sử *Bát-nhã* trí đả phá ngu si mê vọng chúng sanh, các các tự độ. Tà lai chánh độ, mê lai ngộ độ, ngu lai trí độ, ác lai thiện độ. Như thị độ giả, danh vi *chân độ*.

又，煩惱無邊誓願斷，將自性般若智，除卻虛妄思想心是也。又，法門無盡誓願學，須自見性，常行正法，是名真學。又，無上佛道誓願成，既常能下心，行於真正，離迷，離覺，常生般若，除真，除妄，即見佛性。即言下佛道成，常念修行，是願力法。

“Hựu, *phiền não vô biên, thệ nguyện đoạn*, tương tự tánh *Bát-nhã* trí, trừ khước hư vọng tư tưởng tâm thị dã. Hựu, *pháp môn vô tận, thệ nguyện học*, tu tự kiến tánh, thường hành chánh pháp, thị danh chân học. Hựu, *Vô thượng Phật đạo, thệ nguyện thành*, ký thường năng há tâm, hành ử chân chánh, ly mê, ly giác, thường sanh *Bát-nhã*; trừ chân, trừ vọng, tức kiến Phật tánh. Tức ngôn hạ Phật đạo thành, thường niệm tu hành thị nguyện lực pháp.

善知識。今發四弘願了，更與善知識授無相三歸依戒。

“Thiện tri thức! Kim phát Tứ hồng nguyện liễu, cánh dĩ thiện tri thức thọ Vô tướng tam quy y giới,

善知識。歸依覺，兩足尊。歸依正，離欲尊。歸依淨，眾中尊。從今日去，稱覺為師，更不歸依邪魔外道。以自性三寶常自證明。勸善知識歸依自性三寶。佛者，覺也。法者，正也。僧者，淨也。

“Thiện tri thức! Quy y giác, Lưỡng túc Tôn. Quy y chánh, Ly dục Tôn. Quy y tịnh, Chúng trung Tôn. Tòng kim nhật khứ, xưng giác vi sư, cánh bất quy y tà ma, ngoại đạo. Dĩ tự tánh Tam Bảo thường tự chứng minh. Khuyến thiện tri thức quy y tự tánh Tam

Bảo: Phật giả, *giác dã*. Pháp giả, *chánh dã*. Tăng giả, *tịnh dã*.

自心歸依覺，邪迷不生，少欲，知足，能離財色，名兩足尊。

“Tự tâm quy y giác, tà mê bất sanh, thiểu dục, tri túc, năng ly tài sắc, danh *Lưỡng túc Tôn*.

自心歸依正，念念無邪見。以無邪見故，即無人我，貢高，貪愛，執著，名離欲尊。

“Tự tâm quy y chánh, niệm niệm vô tà kiến. Dĩ vô tà kiến cố, tức vô nhân ngã, cống cao, tham ái, chấp trước, danh *Ly dục Tôn*.

自心歸依淨，一切塵勞愛欲境界，自性皆不染著，名眾中尊。

“Tự tâm quy y tịnh, nhất thiết trần lao ái dục cảnh giới, tự tánh giai bất nhiễm trước, danh *Chúng trung Tôn*.

若修此行，是自歸依。凡夫不會，從日至夜受三歸戒。若言歸依佛，佛在何處。若不見佛，憑何所歸。言卻成妄。

“Nhuộc tu thử hạnh, thị tự quy y. Phàm phu bất hội, từng nhật chí dạ thọ Tam quy giới. Nhuộc ngôn quy y Phật, Phật tại hà xứ? Nhuộc bất kiến Phật, bằng hà sở quy? Ngôn khước thành vọng.

善知識。各自觀察，莫錯用心。經文分明言，自歸依佛。不言，歸依他佛。自佛不歸，無所依處。今既自悟，各須歸依自心三寶。內調心性，外敬他人，是自歸依也。

“Thiện tri thức! Các tự quan sát, mạc thác dụng tâm. Kinh văn phân minh ngôn *Tự quy y Phật*, bất ngôn *Quy y tha Phật*. Tự Phật bất quy, vô sở y xứ. Kim ký tự ngộ, các tu quy y tự tâm Tam Bảo. Nội điều tâm tánh, ngoại kính tha nhân, thị tự quy y dã.

善知識。既歸依自心三寶竟，各各志心，吾與說一體三身自性佛，令汝等見三身，了然自悟自性，總隨我道。於自色身，歸依清淨法身佛。於自色身，歸依圓滿報身佛。於自色身，歸依千百億化身佛。

“Thiện tri thức! Ký quy y tự tâm Tam Bảo cánh, các các chí tâm, ngô dĩ thuyết nhất thể tam thân Tự tánh Phật, linh nhữ đẳng kiến tam thân, liễu nhiên tự ngộ tự tánh, tổng tùy ngã đạo. Ủ tự sắc thân, quy y Thanh tịnh Pháp thân Phật. Ủ tự sắc thân, quy y Viên mãn Báo thân Phật. Ủ tự sắc thân, quy y Thiên bá ức Hóa thân Phật.

善知識。色身是舍宅，不可言歸。向者三身佛，在自性中，世人總有。為自心迷不見內性。外覓三身如來，不見自身中有三身佛。

“Thiện tri thức! Sắc thân thị xá trạch, bất khả ngôn quy. Hướng giả Tam thân Phật tại tự tánh trung, thế nhân tổng hữu. Vị tự tâm mê, bất kiến nội tánh. Ngoại mịch Tam thân Như Lai, bất kiến tự thân trung hữu Tam thân Phật.

汝等聽說，令汝等於自身中見自性有三身佛。此三身佛從自性生，不從外得。

“Nhữ đẳng thính thuyết, linh nhữ đẳng ư tự thân trung kiến tự tánh hữu Tam thân Phật. Thử Tam thân Phật tùng tự tánh sanh, bất tùng ngoại đắc.

何名清淨法身佛。世人性本清淨，萬法從自性生。思量一切惡事，即生惡行。思量一切善事，即生善行。如是諸法在自性中。如天常清，日月常明，為浮雲蓋覆，上明下暗。忽遇風吹雲散，上下俱明，萬象皆現。世人性常浮游如彼天雲。

“Hà danh Thanh tịnh Pháp thân Phật? Thế nhân tánh bản thanh

tịnh, vạn pháp tùng tự tánh sanh. Tư lương nhất thiết ác sự, tức sanh ác hạnh; tư lương nhất thiết thiện sự, tức sanh thiện hạnh. Như thị chư pháp tại tự tánh trung. Như thiên thường thanh, nhật nguyệt thường minh, vi phù vân cái phú, thượng minh, hạ ám. Hốt ngộ phong xuy vân tán, thượng hạ câu minh, vạn tượng giai hiện. Thế nhân tánh thường phù du như bỉ thiên vân.

善知識。智如日，慧如月。智慧常明，於外著境被妄念浮雲蓋覆自性，不得明朗。若遇善知識，聞真正法，自除迷妄，內外明徹，於自性中萬法皆現。

“Thiện tri thức! Trí như nhật, tuệ như nguyệt. Trí tuệ thường minh, ư ngoại trước cảnh bị vọng niệm phù vân cái phú tự tánh, bất đắc minh lãng. Nhược ngộ thiện tri thức, văn chân chánh pháp, tự trừ mê vọng, nội ngoại minh triệt, ư tự tánh trung vạn pháp giai hiện.

見性之人亦復如是。此名清淨法身佛。

“Kiến tánh chi nhân diệc phục như thị. Thử danh Thanh tịnh Pháp thân Phật.

善知識。自心歸依自性，是歸依真佛。自歸依者，除卻自性中不善心，嫉妒心，諂曲心，吾我心，誑妄心，輕人心，慢他心，邪見心，貢高心，及一切時中不善之行。常自見已過，不說他人好惡，是自歸依。常須下心，普行恭敬，即是見性通達，更無滯礙，是自歸依。

“Thiện tri thức! Tự tâm quy y tự tánh, thị quy y chân Phật. Tự quy y giả, trừ khước tự tánh trung bất thiện tâm, tật đố tâm, siểm khúc tâm, ngô ngã tâm, cưỡng vọng tâm, khinh nhân tâm, mạn tha tâm, tà kiến tâm, cống cao tâm, cập nhất thiết thời trung bất thiện chi hạnh. Thường tự kiến kỷ quá, bất thuyết tha nhân hảo ác, thị tự quy y. Thường tu há tâm, phổ hành cung kính, tức thị kiến tánh thông đạt, cánh vô trệ ngại, thị tự quy y.

何名圓滿報身。譬如一燈能除千年闇，一智能滅萬年

愚。莫思向前已過，不可得。常思於後，念念圓明，自見本性。善惡雖殊，本性無二。無二之性，名為實性。於實性中，不染善惡。此名圓滿報身佛。自性起一念惡，滅萬劫善因。自性起一念善，得恒沙惡盡，直至無上菩提。念念自見，不失本念，名為報身。

“Hà danh *Viên mãn Báo thân*? Thí như nhất đấng năng trừ thiên niên ám, nhất trí năng diệt vạn niên ngu. Mạc tư hướng tiền kỷ quá, bất khả đắc. Thường tư ư hậu, niệm niệm viên minh, tự kiến bản tánh. Thiện ác tuy thù, bản tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh, danh vi thật tánh. Ứ thật tánh trung, bất nhiễm thiện ác. Thủ danh Viên mãn Báo thân Phật. Tự tánh khởi nhất niệm ác, diệt vạn kiếp thiện nhân. Tự tánh khởi nhất niệm thiện, đắc Hằng-sa ác tận, trực chí Vô thượng *Bồ-đề*. Niệm niệm tự kiến, bất thất bản niệm, danh vi Báo thân.

何名千百億化身。若不思萬法，性本如空。一念思量，名為變化。思量惡事化為地獄。思量善事化為天堂。毒害化為龍蛇。慈悲化為菩薩。智慧化為上界。愚癡化為下方。自性變化甚多，迷人不能省覺。念念起惡，常行惡道。迴一念善，智慧即生。此名自性化身佛。

“Hà danh *Thiên bá ức Hóa thân*? Nhược bất tư vạn pháp, tánh bản như không. Nhất niệm tư lương, danh vi biến hóa. Tư lương ác sự hóa vi địa ngục. Tư lương thiện sự, hóa vi thiên đường. Độc hại hóa vi long xà. Từ bi hóa vi *Bồ-tát*. Trí tuệ hóa vi thượng giới. Ngu si hóa vi hạ phương. Tự tánh biến hóa thậm đa, Mê nhân bất năng tỉnh giác. *Niệm niệm khởi ác, thường hành ác đạo. Hồi nhất thiện niệm, trí tuệ tức sanh.* Thủ danh tự tánh Hóa thân Phật.

善知識。法身本具，念念自性自見，即是報身佛。從報身思量，即是化身佛。自悟，自修自性功德，是真歸依。皮肉是色身，色身是舍宅，不言歸依也。但悟自性

三身，即識自性佛。

“Thiền tri thức! Pháp thân bản cụ, niệm niệm tự tánh tự kiến, tức thị Báo thân Phật. Tùng Báo thân tư lương, tức thị Hóa thân Phật. Tự ngộ, tự tu tự tánh công đức, thị chân quy y. Bì nhục thị sắc thân, sắc thân thị xá trạch, bất ngôn quy y dã. Đản ngộ tự tánh tam thân, tức thức tự tánh Phật.

吾有一無相頌，若能誦持，言下令汝積劫迷罪一時銷滅。

“Ngô hữu nhất Vô tướng tụng, nhược năng tụng trì, ngôn hạ linh nữ tích kiếp mê tội nhất thời tiêu diệt.”

頌曰。

Tụng viết:

迷人修福不修道，
只言修福便是道。
布施供養福無邊，
心中三惡元來造。

*Mê nhân tu phước, bất tu Đạo,
Chỉ ngôn tu phước tiện thị Đạo.
Bố thí, cùng dưỡng, phước vô biên,
Tâm trung tam ác nguyên lai tạo.*

擬將修福欲滅罪，
後世得福罪還在。
但向心中除罪緣，
名自性中真懺悔。

*Nghĩ tương tu phước dục diệt tội,
Hậu thế đắc phước, tội hoàn tại.
Đản hướng tâm trung trừ tội duyên,*

Các tự tánh trung tâm sám hối.

忽悟大乘真懺悔，
除邪行正即無罪。
學道常於自性觀，
即與諸佛同一類。

*Hốt ngộ đại thừa tâm sám hối,
Trừ tà, hành chánh, tức vô tội.
Học Đạo thường ư tự tánh quán,
Tức dữ chư Phật đồng nhất loại.
吾祖惟傳此頓法，
普願見性同一體。
若欲當來覓法身，
離諸法相心中洗。*

*Ngô Tổ duy truyền thử Đốn pháp,
Phổ nguyện kiến tánh đồng nhất thể.
Nhược dục đương lai mịch Pháp thân,
Ly chư pháp-tướng Tâm trung tẩy.
努力自見莫悠悠，
後念忽絕一世休。
若悟大乘得見性，
虔恭合掌至心求。*

*Nỗ lực tự kiến, mạc du du,
Hậu niệm hốt tuyệt nhất thế hưu.
Nhược ngộ đại thừa đắc kiến tánh,
Kiên cung hợp chưởng chí tâm cầu.*

師言。善知識，總須誦取。依此修行。言下見性，雖去吾千里，如常在吾邊。於此言下不悟，即對面千里，何勤遠來。珍重好去。

Sư ngôn: “Thiện tri thức! Tổng tu tụng thủ, y thủ tu hành.
Ngôn hạ kiến tánh, tuy khứ ngô thiên lý, như thường tại ngô biên.
Ư thủ ngôn hạ bất ngộ, tức đối diện thiên lý, hà cầu viễn lai?
Trân trọng hảo khứ!”

一眾聞法。靡不開悟。歡喜奉行。

Nhất chúng văn Pháp, my bất khai ngộ, hoan hỷ phụng hành.

❖ HÁN VĂN

機緣

CƠ DUYÊN

品第七

Phẩm đệ thất

師自黃梅得法，回至韶州，曹侯村，人無知者。時有儒士劉志略，禮遇甚厚。志略有姑為尼，名無盡藏，常誦大涅槃經。師暫聽，即知妙義，遂為解說。尼乃執卷問字。

Sư tự Hoàng Mai đắc Pháp, hồi chí Thiều Châu Tào-hầu thôn, nhân vô tri giả. Thời, hữu nho sĩ Lưu Chí Lược lễ ngộ thâm hậu. Chí Lược hữu cô vi ni, danh Vô Tận Tạng, thường tụng *Đại Niết-bàn Kinh*. Sư tạm thính, tức tri diệu nghĩa, toại vị giải thuyết. Ni nãi chấp quyển vấn tự.

師曰。字即不識，義即請問。

Sư viết: “Tự tức bất thức, nghĩa tức thỉnh vấn.”

尼曰。字尚不識，焉能會義。

Ni viết: “Tự thượng bất thức, yên năng hội nghĩa?”

師曰。諸佛妙理，非關文字。

Sư viết: “Chư Phật diệu lý, phi quan văn tự.”

尼驚異之。遍告里中耆德云。此是有道之士，宜請供養。

Ni kinh dị chi, biến cáo lý trung kỳ đức vân: “Thử thị hữu đạo chi sĩ, nghi thỉnh cúng dường.”

有魏武侯玄孫曹叔良，及居民競來瞻禮。時，寶林古寺自隋末兵火已廢。遂於故基重建梵宇，延師居之，俄成寶坊。師住九月餘日，又為惡黨尋逐。師乃遯於前山。被其縱火焚草木，師隱身挨入石中得免。石今有師趺坐，膝痕及衣布之紋，因名避難石。師憶五祖懷會止藏之囑，遂行隱於二邑焉。

Hữu Ngụy Võ Hâu huyền tôn Tào Thúc Lương cập cư dân cạnh lai chiêm lễ. Thời, Bảo Lâm cổ tự, tự Tùy diệt binh hỏa dĩ phế, toại ư cố cơ trùng kiến Phạm võ, diên Sư cư chi, nga thành Bảo phường. Sư trụ cửu nguyệt dư nhật, hựu vi ác đảng tầm trục. Sư nãi độn ư tiên sơn. Bị kỳ túng hỏa phân thảo mộc, Sư ẩn thân ai nhập thạch trung đắc miễn. Thạch kim hữu Sư phu tòa, tất ngân cập y bố chi văn, nhân danh Ty nạn thạch. Sư ức Ngũ Tổ ‘Hoài, Hội chỉ, tàng’ chi chúc, toại hành ẩn ư nhị ấp yên.



僧法海。韶州，曲江人也。初參祖師問曰。即心即佛。願垂指諭。

Tăng Pháp Hải, Thiều Châu, Khúc Giang nhân dã. Sơ tham Tổ Sư vấn viết: “Tức tâm tức Phật, nguyện thùy chỉ dụ.”

師曰。前念不生即心，後念不滅即佛。成一切相即心，離一切相即佛。吾若具說，窮劫不盡。聽吾偈曰。

Sư viết: “Tiên niệm bất sanh tức tâm, hậu niệm bất diệt tức Phật.

Thành nhất thiết tướng tức tâm, ly nhất thiết tướng tức Phật.
Ngô nhược cụ thuyết, cùng kiếp bất tận. Thính ngô kệ viết:

即心名慧。

即佛乃定。

定慧等持，

意中清淨。

Tức tâm danh tuệ,

Tức Phật nãi định.

Định, tuệ đẳng trì,

Ý trung thanh tịnh.

悟此法門，

由汝習性。

用本無生，

雙修是正。

Ngô thử Pháp môn,

Do nhữ tập tánh.

Dụng bản vô sanh,

Song tu thị chánh.

法海言下大悟，以偈讚曰。

Pháp Hải ngôn hạ đại ngộ, dĩ kệ tán viết:

即心元是佛，

不悟而自屈。

我知定慧因，

雙修離諸物。

Tức tâm nguyên thị Phật,

Bất ngộ nhi tự khuất.

Ngã tri định, tuệ nhân,

Song tu ly chú vật.



僧法達。洪州人。七歲出家。常誦法華經。來禮祖師。頭不至地。祖訶曰。禮不投地。何如不禮。汝心中必有一物。蘊習何事耶。

Tăng Pháp Đạt, Hồng Châu nhân, thất tuế xuất gia, thường tụng Pháp Hoa Kinh. Lai lễ Tổ Sư, đầu bất chí địa. Tổ ha viết: “Lễ bất đầu địa, hà như bất lễ. Nhữ tâm trung tất hữu nhất vật, uẩn tập hà sự da?”

曰。念法華經已及三幹部。

Viết: “Niệm Pháp Hoa Kinh dĩ cập tam thiên bộ.”

師曰。汝若念至萬部，得其經意，不以為勝，則與吾偕行。汝今負此事業，都不知過。聽吾偈曰。

Tổ viết: “Nhữ nhược niệm chi vạn bộ, đắc kỳ kinh ý, bất dĩ vi thắng, tắc dĩ ngô giai hành. Nhữ kim phụ thử sự nghiệp, đô bất tri quá. Thính ngô kệ viết:

禮本折慢幢，
頭奚不至地。
有我罪即生，
亡功福無比。

*Lễ bản chiết mạn tràng,
Đầu hề bất chí địa?
Hữu ngã, tội tức sanh.*

Vong công, phước vô tỷ.

師又曰。汝名什麼。

Sư hựu viết: “Nhữ danh thập ma?”

曰。法達。

Viết: “Pháp Đạt.”

師曰。汝名法達。何曾達法。

Sư viết: “Nhữ danh *Pháp Đạt*, hà tăng đạt pháp?”

復說偈曰。

Phục thuyết kệ viết:

汝今名法達，
勤誦未休歇。
空誦但循聲，
明心號菩薩。
*Nhữ kim danh Pháp Đạt，
Cần tụng vị hưu yết.
Không tụng dẫn tuần thịnh，
Minh tâm hiệu Bồ-tát.*
汝今有緣故，
吾今為汝說。
但信佛無言，
蓮華從口發。

*Nhữ kim hữu duyên cố，
Ngô kim vị nhữ thuyết:*

*Đản tín Phật vô ngôn,
Liên hoa từng khẩu phát.*

Đạt聞偈，悔謝曰。而今之後，當謙恭一切。弟子誦法華經，未解經義，心常有疑。和尚智慧廣大，願略說經中義理。

Đạt văn kệ, hối tạ viết: “Nhi kim chi hậu, dương khiêm cung nhất thiết. Đệ tử tụng Pháp Hoa Kinh, vị giải kinh nghĩa, tâm thường hữu nghi. Hòa thượng trí tuệ quảng đại, nguyện lược thuyết kinh trung nghĩa lý.”

師曰。法達。法即甚達。汝心不達。經本無疑。汝心自疑。汝念此經。以何為宗。

Sư viết: “Pháp Đạt! Pháp tức thậm đạt, nhữ tâm bất đạt. Kinh bản vô nghi, nhữ tâm tự nghi. Nhữ niệm thủ kinh, dĩ hà vi tông?”

達曰。學人根性闇鈍，從來但依文誦念，豈知宗趣。

Đạt viết: “Học-nhân căn tánh ám độn, từng lai đản y văn tụng niệm, khởi tri tông thú?”

師曰。吾不識文字。汝試取經誦一遍，吾當為汝解說。

Sư viết: “Ngô bất thức văn tự. Nhữ thí thủ kinh tụng nhất biến, ngô đương vị nhữ giải thuyết.”

法達即高聲念經。至譬喻品。

Pháp Đạt tức cao thanh niệm kinh chí Thí Dụ phẩm.

師曰。止。此經元來以因緣出世為宗。縱說多種譬喻，亦無越於此。何者因緣。經云。諸佛世尊唯以一大事因緣出現於世。一大事者，佛之知見也。世人外迷著相，內迷著空。若能於相離相，於空離空，即是內

外不迷。若悟此法，一念心開，是為開佛知見。佛，猶覺也。分為四門，開覺知見，示覺知見，悟覺知見，入覺知見。若聞開示，便能悟入，即覺知見，本來真性而得出現。汝慎勿錯解經意。見他道，開示悟入，自是佛之知見，我輩無分。

Sư viết: “Chỉ. Thủ kinh nguyên lai dĩ nhân duyên xuất thế vi tông. Túng thuyết đa chủng thí dụ, diệc vô việt ư thủ. Hà giả nhân duyên? Kinh vân: ‘Chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố xuất hiện ư thế.’ Nhất đại sự giả, Phật chi tri kiến dã. Thế nhân ngoại mê trước tướng, nội mê trước không. Nhược năng ư tướng ly tướng, ư không ly không, tức thị nội ngoại bất mê. Nhược ngộ thủ pháp, nhất niệm tâm khai, thị vi khai Phật tri kiến. Phật, du giác dã. Phân vi tứ môn: khai Giác tri kiến, thị Giác tri kiến, ngộ Giác tri kiến, nhập Giác tri kiến. Nhược văn khai thị, tiện năng ngộ nhập, tức Giác tri kiến, bản lai chân tánh nhi đặc xuất hiện. Nhữ thân vật thác giải kinh ý: Kiến tha đạo khai, thị, ngộ, nhập, tự thị Phật chi tri kiến, ngã bối vô phần.

若作此解，乃是謗經，毀佛也。彼既是佛，已具知見，何用更開。汝今當信佛知見者，只汝自心，更無別佛。蓋為一切眾生自蔽光明，貪愛塵境，外緣，內擾，甘受驅馳，便勞他世尊從三昧起，種種苦口。勸令寢息。莫向外求與佛無二。故云，開佛知見。吾亦勸一切人，於自心中常開佛之知見。世人心邪，愚迷造罪。口善心惡，貪瞋嫉妒，諂佞我慢，侵人害物，自開眾生知見。若能正心，常生智慧，觀照自心，止惡行善，是自開佛之知見。汝須念念開佛知見，勿開眾生知見。開佛知見，即是出世。開眾生知見，即是世間。汝若但勞勞執念，以為功課者，何異犛牛愛尾。

“Nhược tác thủ giải, nãi thị báng kinh, hủy Phật dã. Bĩ ký thị Phật,

dĩ cụ tri kiến, hà dụng cánh khai? Nhữ kim đương tín Phật tri kiến giả, chỉ nhữ tự tâm, cánh vô biệt Phật. Cái vị nhất thiết chúng sanh tự tế quang minh, tham ái trần cảnh, ngoại duyên, nội nhiễu, cam thọ khu trì, tiện lao tha Thế Tôn từng *Tam-muội* khởi, chủng chủng khổ khẩu, khuyến linh tầm tức. Mạc hướng ngoại cầu, dĩ Phật vô nhị. Cố vân: khai Phật tri kiến. Ngô diệc khuyến nhất thiết nhân, ư tự tâm trung, thường khai Phật chi tri kiến. Thế nhân tâm tà, ngu mê tạo tội. Khẩu thiện tâm ác, tham sân tật đố, siểm nịnh ngã mạn, xâm nhân hại vật, tự khai chúng sanh tri kiến. Nhược năng chánh tâm, thường sanh trí tuệ, quán chiếu tự tâm, chỉ ác hành thiện, thị tự khai Phật chi tri kiến. Nhữ tu niệm niệm khai Phật tri kiến, vật khai chúng sanh tri kiến. Khai Phật tri kiến, tức thị xuất thế. Khai chúng sanh tri kiến, tức thị thế gian. Nhữ nhược dẫn lao lao chấp niệm, dĩ vi công khóa giả, hà dị ly ngư ái vĩ?”

達曰。若然者，但得解義，不勞誦經耶。

Đạt viết: “Nhược nhiên giả, dẫn dắt giải nghĩa, bất lao tụng kinh da?”

師曰。經有何過，豈障汝念。只為迷悟在人，損益由己。口誦心行，即是轉經。口誦心不行，即是被經轉。聽吾偈曰。

Sư viết: “Kinh hữu hà quá, khởi chướng nhữ niệm? Chỉ vị mê, ngộ tại nhân; tổn, ích do kỷ. Khẩu tụng, tâm hành, tức thị chuyển Kinh, Khẩu tụng, tâm bất hành, tức thị bị Kinh chuyển. Thính ngô Kệ viết:

心迷法華轉，
心悟轉法華。
誦經久不明，
與義作讎家。

*Tâm mê, Pháp Hoa chuyển;
Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa.*

Tụng kinh cứu bất minh;

Dữ nghĩa tác thù gia.

無念念即正，

有念念成邪。

有無俱不計，

長御白牛車。

Vô niệm, niệm tức chánh,

Hữu niệm, niệm thành tà.

Hữu vô, câu bất kế,

Trường ngự bạch ngưu xa.

達聞偈。不覺悲泣。言下大悟。而告師曰。法達從昔已來，實未曾轉法華，乃被法華轉。

Đạt văn kệ, bất giác bi khấp; ngôn hạ, đại ngộ, nhi cáo Sư viết: “Pháp Đạt từng tích dĩ lai, thật vị tăng chuyển Pháp Hoa, nãi bị Pháp Hoa chuyển!”

再啟曰。經云。諸大聲聞乃至菩薩皆盡思共度量，不能測佛智。今令凡夫但悟自心，便名佛之知見，自非上根，未免疑謗。

Tái khái viết: “Kinh vân: ‘Chư đại Thanh văn nãi chí Bồ-tát giai tận tư cộng đạc lượng, bất năng trắc Phật trí.’ Kim linh phàm phu dẫn ngộ tự tâm, tiện danh Phật chi tri kiến, tự phi thượng căn, vị miễn nghi bàng?”

又，經說三車，羊鹿牛車，與白牛之車，如何區別。願和尚再垂開示。

“Hựu, kinh thuyết tam xa: dương, lộc, ngưu xa dĩ bạch ngưu chi xa, như hà khu biệt? Nguyên Hòa thượng tái tùy khai thị.”

師曰。經意分明，汝自迷背。諸三乘人不能測佛智者，

患在度量也。饒伊盡思共推，轉加懸遠。佛本為凡夫說，不為佛說。此理若不肯信者，從他退席。殊不知坐卻白牛車，更於門外覓三車。

Sư viết: “Kinh ý phân minh, nữ tự mê bội. Chư tam thừa nhân bất năng trác Phật trí giả, hoạn tại đạc lượng dã. Nhiêu y tận tư cộng suy, chuyển gia huyền viễn. Phật bản vị phàm phu thuyết, bất vị Phật thuyết. Thủ lý nhược bất khẳng tín giả, tùng tha thối tịch. Thù bất tri tọa khước bạch ngư xa, cánh ư môn ngoại mịch tam xa.

況經文明向汝道，唯一佛乘，無有餘乘，若二，若三，乃至無數方便，種種因緣，譬喻言詞，是法皆為一佛乘故。汝何不省。三車是假，為昔時故。一乘是實，為今時故。只教汝去假，歸實。歸實之後，實亦無名。

“Huống kinh văn minh hướng nữ đạo: Duy nhất Phật thừa, vô hữu dư thừa, nhược nhị, nhược tam, nãi chí vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ ngôn từ; thị Pháp giai vi nhất Phật thừa cố. Nữ hà bất tỉnh? Tam xa thị giả, vị tịch thời cố. Nhất thừa thị thật, vị kim thời cố. Chỉ giáo nữ khử giả, quy thật. Quy thật chi hậu, thật diệc vô danh.

應知所有珍財，盡屬於汝，由汝受用。更不作父想，亦不作子想，亦無用想，是名持法華經。從劫至劫，手不釋卷。從晝至夜，無不念時也。

“Ứng tri sở hữu trân tài, tận thuộc ư nữ, do nữ thọ dụng. Cánh bất tác phụ tưởng, diệc bất tác tử tưởng, diệc vô dụng tưởng. Thị danh trì Pháp Hoa Kinh. Tùng kiếp chí kiếp, thủ bất thích quyển. Tùng trú chí dạ, vô bất niệm thời dã.”

達蒙啟發。踊躍歡喜。以偈讚曰。

Đạt mônng khái phát, dũng dục hoan hỷ, dĩ kệ tán viết:

經誦三千部，
曹溪一句亡。
未明出世旨，
寧歇累生狂。

*Kinh tụng tam thiên bộ,
Tào Khê nhất cú vong!
Vị minh xuất thế chỉ,
Ninh yết lũy sanh cuồng.*

羊鹿牛權設，
初中後善揚。
誰知火宅內，
元是法中王。

*Dương, lộc, ngưu quyền thiết,
Sơ, trung, hậu thiện dương.
Thùy trí hỏa trạch nội,
Nguyên thị Pháp trung vương.*

師曰。汝今後，方可名念經僧也。

Sư viết: Nhữ kim hậu, phương khả danh niệm kinh tăng dã.

達從此領玄旨，亦不輟誦經。

Đạt tòng thử lãnh huyền chỉ, diệc bất xuyết tụng kinh.



僧智通，壽州，安豐人，初看楞伽經，約千餘遍，而不會

三身，四智。禮師求解其義。

Tăng Trí Thông, Thọ Chân, An Phong nhân, sơ khán *Lăng-già* Kinh, ước thiên dư biến, nhi bất hội *tam thân, tứ trí*. Lễ Sư cầu giải kỳ nghĩa.

師曰。三身者，清淨法身，汝之性也，圓滿報身，汝之智也，千百億化身，汝之行也。

Sư viết: “Tam thân giả: Thanh tịnh Pháp thân, nữ chi tánh dã; Viên mãn Báo thân, nữ chi trí dã; Thiên bá ức Hóa thân, nữ chi hạnh dã.

若離本性，別說三身，即名有身無智。若悟三身無有自性，即名四智菩提。聽吾偈曰。

“Nhược ly bản tánh, biệt thuyết tam thân, tức danh hữu thân vô trí. Nhược ngộ tam thân vô hữu tự tánh, tức danh tứ trí *Bồ-đề*. Thính ngộ kệ viết:

自性具三身，
發明成四智。
不離見聞緣，
超然登佛地。

*Tự tánh cụ Tam thân,
Phát minh thành Tứ trí.
Bất ly kiến văn duyên,
Siêu nhiên đăng Phật địa.*

吾今為汝說，
諦信永無迷。
莫學馳求者，
終日說菩提。

*Ngô kim vị nữ thuyết,
Đế tín, vĩnh vô mê.*

*Mạc học trì câu giả,
Chung nhật thuyết Bồ-đề.*

通再啟曰。四智之義，可得聞乎。

Thông tái khái viết: “*Tứ trí* chi nghĩa, khả đắc văn hồ?”

師曰。既會三身，便明四智，何更問耶。若離三身，別談四智，此名有智無身，即此有智還成無智。復說偈曰。

Sư viết: “*Ký hội tam thân, tiện minh tứ trí, hà cánh vấn da? Nhược ly tam thân, biệt đàm tứ trí, thử danh hữu trí vô thân. Túc thử hữu trí hoàn thành vô trí. Phục thuyết kệ viết:*

大圓鏡智性清淨。
平等性智心無病。
妙觀察智見非功。
成所作智同圓鏡。

Đại viên kính Trí: Tánh thanh tịnh.

Bình đẳng tánh Trí: Tâm vô bệnh.

Diệu quan sát Trí: kiến phi công.

Thành sở tác Trí: đồng viên kính.

五八六七果因轉，

但用名言無實性。

若於轉處不留情，

繁興永處那伽定。

Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển,

Đản dụng danh ngôn, vô thật tánh.

*Nhược ư chuyển xứ bất lưu tình,
Phiền hưng vĩnh xử Na-già định.*

通頓悟性智。遂呈偈曰。

Thông đốn ngộ tánh trí, toại trình kệ viết:

三身元我體，
四智本心明。
身智融無礙，
應物任隨形。
*Tam thân nguyên ngã thể,
Tứ trí bản tâm minh.
Thân, trí dung vô ngại,
Ứng vật nhậm tùy hình.
起修皆妄動，
守住匪真精。
妙旨因師曉，
終亡染污名。
Khởi tu giai vọng động,
Thủ trụ phi chân tinh.
Diệu chỉ nhân Sư hiểu,
Chung vong nhiễm ô danh.*



僧智常，信州，貴溪人，髫年出家，志求見性。一日參禮，師問曰。汝從何來。欲求何事。

Tăng Trí Thường, Tín Châu, Quý Khê nhân, thiếu niên xuất gia,

chí cầu kiến tánh. Nhất nhật tham lễ, Sư vấn viết: “Nhữ từng hà lai? Dục cầu hà sự?”

曰。學人近往洪州，白峰山，禮大通和尚，蒙示見性成佛之義，未決狐疑。遠來投禮，伏望和尚慈悲指示。

Viết: “Học nhân cận vãng Hồng Châu, Bạch Phong sơn, lễ Đại Thông Hòa thượng, mong thị “*Kiến Tánh thành Phật*” chi nghĩa, vị quyết hồ nghi. Viễn lai đầu lễ, phục vọng Hòa thượng từ bi chỉ thị.”

師曰。彼有何言句，汝試舉看。

Sư viết: “Bỉ hữu hà ngôn cú? Nhữ thí cử khán.”

曰。智常到彼，凡經三月，未蒙示誨。為法切故，一夕獨入丈室，請問。如何是某甲本心本性。大通乃曰。汝見虛空否。對曰。見。彼曰。汝見虛空有相貌否。對曰。虛空無形，有何相貌。彼曰。汝之本性猶如虛空。了無一物可見，是名正見。無一物可知，是名真知。無有青黃長短，但見本源清淨，覺體圓明，即名見性成佛，亦名如來知見。學人雖聞此說，猶未決了。乞和尚開示。

Viết: “Trí Thường đáo bỉ, phạm kinh tam nguyệt, vị mong thị hối. Vị Pháp thiết cố, nhất tịch độc nhập trượng thất, thỉnh vấn: ‘Như hà thị mỗ giáp bản tâm bản tánh?’ Đại Thông nãi viết: ‘Nhữ kiến hư không phủ?’ Đối viết: ‘Kiến.’ Bỉ viết: ‘Nhữ kiến hư không hữu tướng mạo phủ?’ Đối viết: ‘Hư không vô hình, hữu hà tướng mạo.’ Bỉ viết: ‘Nhữ chi bản tánh du như hư không, liễu vô nhất vật khả kiến, thị danh *chánh kiến*; vô nhất vật khả tri, thị danh *chân tri*. Vô hữu thanh hoàng, trường đoản. Đản kiến bản nguyên thanh tịnh, giác thể viên minh, tức danh *kiến tánh thành Phật*, diệc danh *Như Lai tri kiến*.’ Học nhân tuy văn thủ thuyết, du vị quyết liễu. Khất Hòa thượng khai thị.”

師曰。彼師所說猶存見知，故令汝未了。吾今示汝一偈。

Sư viết: “Bỉ sư sở thuyết du tồn kiến, tri, cố linh nhữ vị liễu. Ngô kim thị nhữ nhất kệ:

不見一法存無見，
大似浮雲遮日面。
不知一法守空知，
還如太虛生閃電。

*Bất kiến nhất pháp tồn vô kiến,
Đại tự phù vân già nhật diện;
Bất tri nhất pháp thủ không tri,
Hoàn như thái hư sanh thiểm điện.*

此之知見瞥然興，
錯認何曾解方便。
汝當一念自知非，
自己靈光常顯現。

*Thử chi tri kiến miết nhiên hưng,
Thác nhận hà tăng giải phương tiện.
Nhữ đương nhất niệm tự tri phi,
Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.*

常聞偈已，心意豁然。乃述偈曰。

Thường văn kệ dĩ, tâm ý khoáng nhiên, nãi thuật kệ viết:

無端起知見，
著相求菩提。
情存一念悟，

寧越昔時迷。
 Vô đoan khởi tri kiến,
 Trước tướng cầu Bồ-đề.
 Tinh tôn nhất niệm ngộ,
 Ninh việt tích thời mê.
 自性覺源體，
 隨照枉遷流。
 不入祖師室，
 茫然趣兩頭。
 Tự tánh giác nguyên thể,
 Tùy chiếu uổng thiên lưu.
 Bất nhập Tổ Sư thất,
 Mang nhiên thú lưỡng đầu!

智常一日問師曰。佛說三乘法，又言最上乘。弟子未解，願為教授。

Trí Thường nhất nhật vấn Sư viết: “Phật thuyết Tam thừa pháp, hựu ngôn: Tối thượng thừa. Đệ tử vị giải, nguyện vị giáo thọ.”

師曰。汝觀自本心，莫著外法相。法無四乘，人心自有等差。見聞轉誦是小乘。悟法解義是中乘。依法修行是大乘。萬法盡通，萬法俱備，一切不染，離諸法相，一無所得，名最上乘。乘是行義，不在口爭。汝須自修，莫問吾也。一切時中，自性自如。

Sư viết: “Nhữ quán tự bản tâm, mạc trước ngoại pháp tướng. Pháp vô tứ thừa, nhân tâm tự hữu đẳng sai. Kiến, văn, chuyển tụng thị Tiểu thừa. Ngộ Pháp, giải nghĩa, thị Trung thừa. Y Pháp tu hành, thị Đại thừa. Vạn pháp tận thông, vạn pháp cụ bị, nhất thiết bất nhiễm, ly chư pháp tướng, nhất vô sở đắc, danh Tối thượng thừa. Thừa thị hành nghĩa, bất tại khẩu tranh. Nhữ tu tự tu,

mạc vấn ngô dã. Nhất thiết thời trung, tự tánh tự như.”

常禮謝，執侍終師之世。

Thường lễ tạ, chấp thị chung Sư chi thế.



僧志道。廣州，南海人也。請益曰。學人自出家，覽涅槃經十載有餘，未明大意。願和尚垂誨。

Tăng Chí Đạo, Quảng Châu, Nam Hải nhân dã. Thỉnh ích viết: “Học nhân tự xuất gia, lãm Niết-bàn Kinh thập tải hữu dư, vị minh đại ý. Nguyễn Hòa thượng thùy hối.”

師曰。汝何處未明。

Sư viết: “Nhữ hà xứ vị minh?”

曰。諸行無常，是生滅法。生滅滅已，寂滅為樂。於此疑惑。

Viết: “Chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp. Sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc. Ư thử nghi hoặc.”

師曰。汝作麼生疑。

Sư viết: “Nhữ tác ma sanh nghi?”

曰。一切眾生皆有二身，色身法身也。色身無常，有生有滅。法身有常，無知無覺。經云。生滅滅已，寂滅為樂者。不審何身寂滅，何身受樂。若色身者，色身滅時，四大分散，全然是苦。苦不可言樂。若法身寂滅，即同草木，瓦石，誰當受樂。

Viết: “Nhất thiết chúng sanh giai hữu nhị thân: Sắc thân, Pháp thân dã. Sắc thân vô thường: hữu sanh, hữu diệt. Pháp thân hữu

thường: vô tri, vô giác. Kinh vân: “Sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc” giả, bất thẩm hà thân tịch diệt? Hà thân thọ lạc? Nhược Sắc thân giả, Sắc thân diệt thời, tứ đại phân tán, toàn nhiên thị khổ. Khổ, bất khả ngôn lạc. Nhược Pháp thân tịch diệt, tức đồng thảo mộc, ngôã thạch, thùy đương thọ lạc?

又，法性是生滅之體，五蘊是生滅之用。一體，五用，生滅是常。生，則從體起用。滅，則攝用歸體。若聽更生，即有情之類，不斷，不滅。若不聽更生，則永歸寂滅，同於無情之物。如是，則一切諸法被涅槃之所禁伏，尚不得生，何樂之有。

“Hựu, pháp tánh thị sanh diệt chi thể, ngũ uẩn thị sanh diệt chi dụng. Nhất thể, ngũ dụng, sanh diệt thị thường. Sanh tắc tùng thể khởi dụng, diệt tắc nhiếp dụng quy thể. Nhược thính cánh sanh, tức hữu tình chi loại, bất đoạn, bất diệt. Nhược bất thính cánh sanh, tắc vĩnh quy tịch diệt, đồng ư vô tình chi vật. Như thị, tắc nhất thiết chư pháp bị *Niết-bàn* chi sở cấm phục, thượng bất đắc sanh, hà lạc chi hữu?”

師曰。汝是釋子，何習外道斷常邪見而議最上乘法。

Sư viết: “Nhữ thị Thích tử, hà tập ngoại đạo đoạn thường tà kiến nhi nghị tối thượng thừa pháp?”

據汝所說，即色身外別有法身，離生滅求於寂滅。又，推涅槃常樂，言有身受用。斯乃執吝生死，耽著世樂。汝今當知，佛為一切迷人，認五蘊和合為自體相，分別一切法為外塵相，好生惡死，念念遷流，不知夢幻虛假，枉受輪迴，以常樂涅槃翻為苦相，終日馳求。

“Cứ nhữ sở thuyết, tức sắc thân ngoại biệt hữu Pháp thân, ly sanh diệt, cầu ư tịch diệt. Hựu, suy *Niết-bàn* thường lạc, ngôn hữu thân thọ dụng. Tư nãi chấp lận sanh tử, đam trước thế lạc. Nhữ kim đương tri: Phật vị nhất thiết mê nhân, nhận ngũ uẩn hòa hiệp vi tự thể tướng, phân biệt nhất thiết pháp vi ngoại trần tướng,

háo sanh ố tử, niệm niệm thiên lưu, bất tri mộng huyền hư giả, uổng thọ luân hồi, dĩ thường lạc *Niết-bàn* phiên vi khổ tướng, chung nhật trì câu!

佛愍此故，乃示涅槃真樂，剎那無有生相，剎那無有滅相，更無生滅可滅，是則寂滅現前。當現前時，亦無現前之量，乃謂常樂。此樂無有受者，亦無不受者，豈有一體五用之名。何況更言涅槃禁伏諸法，令永不生。斯乃謗佛毀法。聽吾偈曰。

“Phật mẫn thử cố, nãi thị *Niết-bàn* chân lạc, *sát-na* vô hữu sanh tướng, *sát-na* vô hữu diệt tướng, cánh vô sanh diệt khả diệt, thị tắc tịch diệt hiện tiền. Đương hiện tiền thời, diệt vô hiện tiền chi lượng, nãi vị thường lạc. Thử lạc vô hữu thọ giả, diệt vô bất thọ giả, khởi hữu “nhất thể ngũ dụng” chi danh? Hà hưởng cánh ngôn *Niết-bàn* cấm phục chư pháp, linh vĩnh bất sanh? Tư nãi báng Phật, hủy Pháp. Thính ngô kệ viết:

無上大涅槃，
 圓明常寂照。
 凡愚謂之死，
 外道執為斷。
Vô thượng Đại Niết-bàn,
Viên minh thường tịch chiếu.
Phàm ngu vị chi tử,
Ngoại đạo chấp vi đoạn;
 諸求二乘人，
 目以為無作。
 盡屬情所計，
 六十二見本。
Chư cầu Nhị thừa nhân,

Mục dĩ vi vô tác.

*Tận thuộc tình sở kế,
Lục thập nhị kiến bản.*

妄立虛假名，
何為真實義。
惟有過量人，
通達無取捨。

*Vọng lập hư giả danh,
Hà vi chân thật nghĩa?
Duy hữu quá lượng nhân,
Thông đạt vô thủ xả.*

以知五蘊法，
及以蘊中我。
外現眾色象，
一一音聲相。

*Dĩ tri ngũ uẩn pháp.
Cập dĩ uẩn trung ngã.
Ngoại hiện chúng sắc tượng,
Nhất nhất âm thanh tướng.*

平等如夢幻，
不起凡聖見，
不作涅槃解，
二邊三際斷。

*Bình đẳng như mộng huyễn,
Bất khởi phàm thánh kiến.
Bất tác Niết-bàn giải,
Nhị biên, tam tế đoạn.*

常應諸根用，
而不起用想。

分別一切法，

不起分別想。

Thường ứng chư căn dụng,

Nhi bất khởi dụng tướng.

Phân biệt nhất thiết pháp,

Bất khởi phân biệt tướng.

劫火燒海底，

風鼓山相擊，

真常寂滅樂，

涅槃相如是。

Kiếp hỏa thiêu hải đế,

Phong cổ sơn tương kích.

Chân, thường, tịch diệt, lạc,

Niết-bàn tướng như thị.

吾今彊言說，

令汝捨邪見。

汝勿隨言解，

許汝知少分。

Ngô kim cưỡng ngôn thuyết.

Linh nhữ xả tà kiến.

Nhữ vật tùy ngôn giải,

Hứa nhữ tri thiểu phận.

志道聞偈大悟，踊躍作禮而退。

Chí Đạo văn kệ đại ngộ, dũng dục tác lễ nhi thối.



行思禪師，生吉州，安城，劉氏。聞曹溪法席盛化，徑來參禮，遂問曰。當何所務，即不落階級。

Hành Tư Thiên sư, sanh Cát Châu, An Thành, Lưu thị. Văn Tào Khê pháp tịch thịnh hóa, kinh lai tham lễ, toại vấn viết: “Đương hà sở vụ, tức bất lạc giai cấp?”

師曰。汝曾作什麼來。

Sư viết: “Nhữ từng tác thập ma lai?”

曰。聖諦亦不為。

Viết: “Thánh đế diệc bất vi.”

師曰。落何階級。

Sư viết: “Lạc hà giai cấp?”

曰。聖諦尚不為。何階級之有。

Viết: “Thánh đế thượng bất vi, hà giai cấp chi hữu?”

師深器之，令思首眾。一日，師謂曰。汝當分化一方。無令斷絕。

Sư thâm khí chi, linh Tư thủ chúng. Nhất nhật, Sư vị viết: “Nhữ đương phân hóa nhất phương, vô linh đoạn tuyệt.”

思既得法，遂回吉州，青原山，弘法紹化，諡弘濟禪師。

Tư ký đắc Pháp, toại hồi Cát Châu, Thanh Nguyên sơn, hoằng pháp thiệu hóa. Thụy *Hoằng Tế Thiên sư*.



懷讓禪師，金州，杜氏子也。初謁嵩山安國師，安發之

曹溪參扣。讓至禮拜。

Hoài Nhượng Thiên sư, Kim Châu, Đổ thị tử dã. Sơ yết Tung sơn An quốc sư, An phát chi Tào Khê tham khẩu. Nhượng chí lễ bái.

師曰。甚處來。

Sư viết: “Thậm xứ lai?”

曰。嵩山。

Viết: “Tung sơn.”

師曰。什麼物, 恁麼來。

Sư viết: “Thập ma vật, nhĩm ma lai?”

曰。說似一物即不中。

Viết: “Thuyết tự nhất vật tức bất trúng.”

師曰。還可修證否。

Sư viết: “Hoàn khả tu chứng phủ?”

曰。修證即不無, 污染即不得。

Viết: “Tu chứng tức bất vô, ô nhiễm tức bất đắc.”

師曰。只此不污染, 諸佛之所護念。汝既如是, 吾亦如是。西天般若多羅識。汝足下出一馬駒, 踏殺天下人。應在汝心, 不須速說。

Sư viết: “Chỉ thử bất ô nhiễm, chư Phật chi sở hộ niệm. Nhữ ký như thị, ngô diệc như thị. Tây Thiên Bát-nhã Đa-la sám: ‘Nhữ tức hạ xuất nhất mã câu, đạp sát thiên hạ nhân.’ Ứng tại nhữ tâm, bất tu tốc thuyết.”

讓豁然契會。遂執侍左右一十五載, 日臻玄奧。後往南嶽, 大闡禪宗。敕諡大慧禪師。

Nhượng khoát nhiên kế hội. Toại chấp thị tả, hữu nhất thập ngũ

tải, nhật trần huyền áo. Hậu vãng Nam Nhạc, đại xiển Thiên tông. Sắc thụ *Đại Huệ Thiên sư*.

永嘉玄覺禪師，溫州，戴氏子。少習經論，精天台止觀法門。因看維摩經，發明心地。偶，師弟子玄策相訪，與其劇談，出言暗合諸祖。



Vĩnh Gia Huyền Giác Thiên sư, Ôn Châu, Đái thị tử. Thiếu tập kinh luận, tinh Thiên Thai Chỉ Quán pháp môn. Nhân khán *Duy-ma Kinh*, phát minh tâm địa. Ngẫu, Sư đệ tử Huyền Sách tương phóng, dĩ kỳ kịch đàm, xuất ngôn ám hợp chư Tổ.

策云。仁者得法師誰。

Sách vân: “Nhân giả đắc pháp sư thùy?”

曰。我聽方等經論，各有師承。後於維摩經悟佛心宗，未有證明者。

Viết: “Ngã thính Phương đẳng kinh luận, các hữu sư thừa. Hậu ư *Duy-ma Kinh* ngộ Phật tâm tông, vị hữu chứng minh giả.”

策云。威音王已前即得。威音王已後，無師自悟，盡是天然外道。

Sách vân: “Oai Âm Vương dĩ tiền tức đắc. Oai Âm Vương dĩ hậu, vô sư tự ngộ, tận thị thiên nhiên ngoại đạo.”

曰。願仁者為我證據。

Viết: “Nguyện nhân giả vị ngã chứng cứ.”

策云。我言輕。曹溪有六祖大師，四方雲集，並是受法者。若去，則與偕行。

Sách vân: “Ngã ngôn khinh. Tào Khê hữu Lục Tổ Đại sư, tứ

phương vân tập, tịnh thị thọ pháp giả. Nhược khứ, tắc dĩ giai hành.”

覺遂同策來參，繞師三帀，振錫而立。

Giác toại đồng Sách lai tham, nhiều Sư tam táp, chấn tích nhi lập.
 師曰。夫，沙門者，具三千威儀，八萬細行。大德自何方而來，生大我慢。

Sư viết: “Phù, *sa-môn* giả, cụ tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh. Đại đức tự hà phương nhi lai, sanh đại ngã mạn?”

覺曰。生死事大，無常迅速。

Giác viết: “Sanh tử sự đại, vô thường tấn tốc.”

師曰。何不體取無生，了無速乎。

Sư viết: “Hà bất thể thủ vô sanh, liễu vô tốc hồ?”

曰。體即無生，了本無速。

Viết: “Thể tức vô sanh, liễu bản vô tốc.”

師曰。如是，如是。

Sư viết: “Như thị, như thị.”

玄覺方具威儀禮拜，須臾告辭。

Huyền Giác phương cụ oai nghi lễ bái, tu du cáo từ.

師曰。返太速乎。

Sư viết: “Phản thái tốc hồ?”

曰。本自非動，豈有速耶。

Viết: “Bản tự *phi động*, khởi hữu tốc da?”

師曰。誰知非動。

Sư viết: “Thùy tri phi động?”

曰。仁者自生分別。

Viết: “Nhân giả tự sanh phân biệt.”

師曰。汝甚得無生之意。

Sư viết: “Nhữ thậm đắc vô sanh chi ý.”

曰。無生豈有意耶。

Viết: “Vô sanh khởi hữu ý da?”

師曰。無意，誰當分別。

Sư viết: “Vô ý, thùy đương phân biệt?”

曰。分別亦非意。

Viết: “Phân biệt diệc phi ý.”

師曰。善哉。

Sư viết: “Thiện tai!”

少留一宿。時謂一宿覺。後著證道歌，盛行於世。諡曰無相大師，時稱為真覺焉。

Thiền lưu nhất túc. Thời vị “*Nhất túc giác*”. Hậu, trước Chứng đạo ca, thành hành ư thế. Thụy viết *Vô Tướng Đại sư*, thời xưng vị *Chân Giác* yên.



禪者智隍，初參五祖，自謂已得正受。菴居長坐，積二十年。師弟子玄策，游方至河朔，聞隍之名，慥菴問云。汝在此作什麼。

Thiền giả Trí Hoàng, sơ tham Ngũ Tổ, tự vị dĩ đắc chánh thọ. Am cư trường tọa, tích nhị thập niên. Sư đệ tử Huyền Sách, du

phương chí Hà Sóc, văn Hoàng chi danh, tháo am vấn vân:
“Nhữ tại thủ tác thập ma?”

隍曰。入定。

Hoàng viết: “Nhập định.”

策云。汝云入定，為有心入耶，無心入耶。若無心入者，一切無情草木，瓦石，應合得定。若有心入者，一切有情含識之流，亦應得定。

Sách vân: “Nhữ vân ‘*Nhập định*,’ vi hữu tâm nhập da? Vô tâm nhập da? Nhược vô tâm nhập giả, nhất thiết vô tình thảo mộc, ngõa thạch, ứng hợp đắc định. Nhược hữu tâm nhập giả, nhất thiết hữu tình hàm thức chi lưu, diệc ứng đắc định.”

隍曰。我正入定時，不見有有無之心。

Hoàng viết: “Ngã chánh nhập định thời, bất kiến hữu *hữu* vô chi tâm.”

策云。不見有有無之心，即是常定，何有出入。若有出入，即非大定。

Sách vân: “Bất kiến hữu *hữu* vô chi tâm, tức thị thường định, hà hữu *xuất nhập*? Nhược hữu *xuất nhập*, tức phi đại định.”

隍無對。良久，問曰。師嗣誰耶。

Hoàng vô đối. Lương cửu, vấn viết: “Sư tự thùy da?”

策云。我師曹溪六祖。

Sách vân: “Ngã Sư Tào Khê Lục Tổ.”

隍云。六祖以何為禪定。

Hoàng vân: “Lục Tổ dĩ hà vi thiền định?”

策云。我師所說，妙湛，圓寂，體用如如。五陰本空，六塵非有，不出不入，不定不亂。禪性無住，離住禪

寂。禪性無生，離生禪想。心如虛空，亦無虛空之量。

Sách vân: “Ngã Sư sở thuyết, diệu trạm, viên tịch, thể dụng như như. Ngũ ấm bản không, lục trần phi hữu; bất xuất, bất nhập, bất định, bất loạn. Thiền tánh vô trụ, ly trụ thiền tịch. Thiền tánh vô sanh, ly sanh thiền tưởng. Tâm như hư không, diệc vô hư không chi lượng.”

隍聞是說。徑來謁師。

Hoàng văn thị thuyết, kinh lai yết Sư.

師問云。仁者何來。隍具述前緣。

Sư vấn vân: “Nhân giả hà lai?” Hoàng cụ thuật tiền duyên.

師云。誠如所言。汝但心如虛空，不著空見，應用無礙，動靜無心，凡聖情忘，能所俱泯，性相如如，無不定時也。

Sư vân: “Thành như sở ngôn. Nhữ đản tâm như hư không, bất trước không kiến, ứng dụng vô ngại, động tĩnh vô tâm, phàm thánh tình vong, năng sở câu dẫn, tánh tướng như như; vô bất định thời dã.”

隍於是大悟。二十年所得心，都無影響。其夜，河北士庶聞空中有聲云。隍禪師今日得道。

Hoàng ư thị đại ngộ. Nhị thập niên sở đắc tâm, đô vô ảnh hưởng. Kỳ dạ, Hà Bắc sĩ thứ văn không trung hữu thanh vân: “Hoàng Thiền sư kim nhật đắc Đạo.”

隍後禮辭。復歸河北。開化四眾。

Hoàng hậu lễ từ; phục quy Hà Bắc, khai hóa tứ chúng.



一僧問師，云。黃梅意旨，甚麼人得。

Nhất tăng vấn Sư, vân: “Hoàng Mai ý chỉ, thậm ma nhân đắc?”

師云。會佛法人得。

Sư vân: “Hội Phật pháp nhân đắc.”

僧云。和尚還得否。

Tăng vân: “Hòa thượng hoàn đắc phủ?”

師云。我不會佛法。

Sư vân: “Ngã bất hội Phật pháp.”



師一日欲濯所授之衣，而無美泉。因至寺後五里許，見山林鬱茂，瑞氣盤旋。師振錫卓地，泉應手而出，積以為池。乃膝跪浣衣石上。

Sư nhất nhật dục trạc sở thọ chi y, nhi vô mỹ tuyền. Nhân chí tự hậu ngũ lý hử, kiến sơn lâm uất mậu, thụ khí bàn tuyền. Sư chấn tích trác địa, tuyền ứng thủ nhi xuất, tích dĩ vi trì. Nãi tất qui cán y thạch thượng.

忽有一僧來禮拜，云。方辯是西蜀人。昨於南天竺國，見達磨大師，囑方辯。速往唐土，吾傳大迦葉正法眼藏及僧伽梨，見傳六代於韶州曹溪。汝去瞻禮。方辯遠來。願見我師傳來衣鉢。

Hốt hữu nhất tăng lai lễ bái, vân: “Phương Biện thị Tây Thục nhân. Tạc ư Nam Thiên Trúc quốc, kiến Đạt-ma Đại sư, chúc Phương Biện ‘Tốc vãng Đường thổ, ngô truyền Đại Ca-diếp

Chánh pháp nhân tạng cập *Tăng-già-lê*, kiến truyền lục đại ư Thiều Châu Tào Khê. Nhữ khứ chiêm lễ.' Phương Biện viễn lai, nguyện kiến ngã sư truyền lai y bát."

師乃出示。次問，上人攻何事業。

Sư nãi xuất thị, thứ vấn: "Thượng nhân công hà sự nghiệp?"

曰。善塑。師正色，曰。汝試塑看。

Viết: "Thiện tố." Sư chánh sắc, viết: "Nhữ thí tố khán."

辯罔措。過數日，塑就真相，可高七寸，曲盡其妙。

Biện vông thố. Quá số nhật, tố tựu chân tượng, khả cao thất thốn, khúc tận kỳ diệu.

師笑曰。汝只解塑性，不解佛性。

Sư tiếu viết: "Nhữ chỉ giải tố tánh, bất giải Phật tánh."

師舒手摩方辯頂，曰。永為人天福田。

Sư thư thủ ma Phương Biện đỉnh, viết: "Vĩnh vi nhân thiên phước điền."

師仍以衣酬之。辯取衣分為三，一披塑像，一自留，一用椶裹瘞地中。誓曰，後得此衣，乃吾出世，住持於此。

Sư nhưng dĩ y thù chi. Biện thủ y phân vi tam: nhất phi tố tượng, nhất tự lưu, nhất dụng tông khóa ý địa trung, thệ viết "Hậu đắc thủ y, nãi ngô xuất thế, trụ trì ư thủ".

重建殿宇。宋嘉祐八年。有僧惟先。修殿掘地。得衣如新。像在高泉寺。祈禱輒應。

Trùng kiến điện vũ, Tống Gia Hựu bát niên, hữu tăng Duy Tiên, tu điện quật địa, đắc y như tân, tượng tại Cao Tuyên tự, kỳ đảo triếp ứng.



有僧舉臥輪禪師偈云。

Hữu tăng cử Ngọa Luân Thiên sư kệ vân:

臥輪有伎倆，
能斷百思想。
對境心不起，
菩提日日長。

*Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng,
Năng đoạn bách tư tưởng.
Đối cảnh, tâm bất khởi,
Bồ-đề nhật nhật trường.*

師聞之。曰。此偈未明心地。若依而行之。是加繫縛。因示一偈曰。

Sư văn chi, viết: “Thử kệ vị minh tâm địa, nhược y nhi hành chi, thị gia hệ phược.” Nhân thị nhất kệ viết:

惠能沒伎倆，
不斷百思想。
對境心數起，
菩提作麼長。

*Huệ Năng một kỹ lưỡng,
Bất đoạn bách tư tưởng.
Đối cảnh tâm sốc khởi,
Bồ-đề tác ma trường?*

❖ HÁN VĂN

頓漸

ĐỐN TIỆM

品第八

Phẩm đệ bát

時。祖師居曹溪，寶林。神秀大師在荊南，玉泉寺。於時，兩宗盛化，人皆稱南能，北秀，故有南北二宗，頓漸之分，而學者莫知宗趣。

Thời, Tổ Sư cư Tào Khê, Bảo Lâm. Thần Tú Đại sư tại Kinh Nam, Ngọc Tuyên tự. Ở thời, lưỡng tông thịnh hóa, nhân giai xưng Nam Năng, Bắc Tú, cố hữu Nam, Bắc nhị tông, Đốn, Tiệm chi phân. Nhi học giả mạc tri tông thú.

師謂眾曰。法本一宗，人有南北。法即一種，見有遲疾。何名頓漸。法無頓漸。人有利鈍，故名頓漸。

Sư vị chúng viết: “Pháp bản nhất tông, nhân hữu Nam Bắc. Pháp tức nhất chủng, kiến hữu trì tật. Hà danh Đốn, Tiệm? Pháp vô Đốn, Tiệm. Nhân hữu lợi độn, cố danh Đốn, Tiệm.”

然，秀之徒眾往往譏南宗祖師，不識一字有何所長。

Nhiên, Tú chi đồ chúng vãng vãng cơ Nam tông Tổ Sư, bất thức nhất tự hữu hà sở trường?

秀曰。他得無師之智，深悟上乘，吾不如也。且，吾師五祖親傳衣法，豈徒然哉。吾恨不能遠去親近，虛受國

恩。汝等諸人毋滯於此，可往曹溪參決。

Tú viết: “Tha đặc vô sư chi trí, thâm ngộ thượng thừa, ngô bất như dã. Thả, ngô sư Ngũ Tổ thân truyền y pháp, khởi đồ nhiên tai? Ngô hận bất năng viễn khứ thân cận, hư thọ quốc ân! Nhữ đẳng chư nhân vô trệ ư thủ, khả vãng Tào Khê tham quyết.”

一日，命門人志誠曰。汝聰明多智，可為吾到曹溪聽法。若有所聞，盡心記取，還為吾說。

Nhất nhật, mạng môn nhân Chí Thành viết: “Nhữ thông minh đa trí, khả vị ngô đáo Tào Khê thính pháp. Nhược hữu sở văn, tận tâm ký thủ, hoàn vị ngô thuyết.”

志誠稟命至曹溪，隨眾參請，不言來處。

Chí Thành bẩm mạng chí Tào Khê, tùy chúng tham thỉnh, bất ngôn lai xứ.

時祖師告眾曰。今有盜法之人。潛在此會。

Thời, Tổ Sư cáo chúng viết: “Kim hữu đạo pháp chi nhân, tiềm tại thủ hội.”

志誠即出禮拜，具陳其事。

Chí Thành tức xuất lễ bái, cụ trần kỳ sự.

師曰。汝從玉泉來，應是細作。

Sư viết: “Nhữ tùng Ngọc Tuyên lai, ứng thị tế tác?”

對曰。不是。

Đối viết: “Bất thị.”

師曰。何得不是。

Sư viết: “Hà đặc bất thị?”

對曰。未說即是，說了不是。

Đối viết: “Vị thuyết tức thị, thuyết liễu bất thị.”

師曰。汝師若為示眾。

Sư viết: “Nhữ sư nhược vi thị chúng?”

對曰。常指誨大眾。住心觀靜，長坐不臥。

Đối viết: “Thường chỉ hối đại chúng: *Trụ tâm quán tĩnh, trường tọa bất ngọa.*”

師曰。住心觀靜，是病非禪。長坐拘身，於理何益。聽吾偈曰。

Sư viết: “Trụ tâm quán tĩnh, thị bệnh phi thiền. Trường tọa câu thân, ư lý hà ích? Thính ngô kệ viết:

生來坐不臥，
 死去臥不坐。
 一具臭骨頭，
 何為立功課。
Sanh lai tọa bất ngọa;
Tử khứ ngọa bất tọa.
Nhất cụ xú cốt đầu.
Hà vi lập công khóa?

志誠再拜，曰。弟子在秀大師處，學道九年，不得契悟。今聞和尚一說，便契本心。弟子生死事大，和尚大慈更為教示。

Chí Thành tái bái, viết: “Đệ tử tại Tú Đại sư xứ, học đạo cửu niên, bất đắc kế ngộ. Kim văn Hòa thượng nhất thuyết, tiện kế bản tâm. Đệ tử sanh tử sự đại, Hòa thượng đại từ cánh vị giáo thị.”

師曰。吾聞汝師教示學人戒定慧法，未審汝師說戒定慧行相如何。與吾說看。

Sư viết: “Ngô văn nữ sư giáo thị học nhân *Giới Định Tuệ* pháp, vị thẩm nữ sư thuyết *Giới Định Tuệ* hạnh tướng như hà? Dĩ ngô thuyết khán.”

誠曰。秀大師說。諸惡莫作名為戒。諸善奉行名為慧。自淨其意名為定。彼說如此。未審和尚以何法誨人。

Thành viết: “Tú Đại sư thuyết: *Chư ác mạc tác, danh vi giới. Chư thiện phụng hành, danh vi tuệ. Tự tịnh kỳ ý, danh vi định. Bĩ thuyết như thử, vị thẩm Hòa thượng dĩ hà pháp hồi nhân?*”

師曰。吾若言有法與人，即為誑汝。但且隨方解縛，假名三昧。如汝師所說戒定慧，實不可思議也。吾所見戒定慧又別。

Sư viết: “Ngô nhược ngôn hữu pháp dĩ nhân, tức vi cưỡng nữ. Đản thả tùy phương giải phược, giả danh *Tam-muội*. Như nữ sư sở thuyết *Giới Định Tuệ*, thật bất khả tư nghị dã. Ngô sở kiến *Giới Định Tuệ* hựu biệt.”

志誠曰。戒定慧只合一種。如何更別。

Chí Thành viết: “*Giới Định Tuệ* chỉ hợp nhất chủng, như hà cánh biệt?”

師曰。汝師戒定慧，接大乘人。吾戒定慧，接最上乘人。悟解不同，見有遲疾。汝聽吾說，與彼同否。吾所說法，不離自性。離體說法，名為相說，自性常迷。須知一切萬法皆從自性起用，是真戒定慧法。聽吾偈曰。

Sư viết: “Nữ sư *Giới, Định, Tuệ* tiếp đại thừa nhân; ngô *Giới Định Tuệ* tiếp Tối thượng thừa nhân. Ngô, giải bất đồng; kiến hữu trì tât. Nữ thính ngô thuyết, dĩ bĩ đồng phủ? Ngô sở thuyết pháp, bất ly tự tánh. Ly thể thuyết pháp, danh vi tướng thuyết, tự tánh thường mê. Tu tri nhất thiết vạn pháp giai tùng tự tánh khởi

dụng, thị chân *Giới Định Tuệ* pháp. Thính ngô kê viết:

心地無非自性戒。

心地無癡自性慧。

心地無亂自性定。

不增不減自金剛。

身去身來本三昧。

Tâm địa vô phi, tự tánh Giới;

Tâm địa vô si, tự tánh Tuệ;

Tâm địa vô loạn, tự tánh Định.

Bất tăng, bất giảm, tự kim cang,

Thân khứ, thân lai, bản Tam-muội.

誠聞偈，悔謝。乃呈一偈曰。

Thành văn kê, hối tạ. Nãi trình nhất kê viết:

五蘊幻身，

幻何究竟。

迴趣真如，

法還不淨。

Ngũ uẩn huyễn thân,

Huyễn hà cứu cánh?

Hồi thú chân như,

Pháp hoàn bất tịnh.

師然之，復語誠曰。汝師戒定慧勸小根智人。吾戒定慧勸大根智人。若悟自性，亦不立菩提涅槃。亦不立解脫知見。

Sư nhiên chi, phục ngữ Thành viết: “Nhữ sư *Giới Định Huệ*

khuyến tiểu căn trí nhân; ngô *Giới Định Huệ* khuyến đại căn trí nhân. Nhược ngô tự tánh, diệc bất lập *Bồ-đề Niết-bàn*, diệc bất lập giải thoát tri kiến.

無一法可得，方能建立萬法。若解此意，亦名佛身，亦名菩提涅槃，亦名解脫知見。見性之人，立亦得，不立亦得，去來自由，無滯無礙。應用隨作，應語隨答，普見化身，不離自性，即得自在神通遊戲三昧，是名見性。

“Vô nhất pháp khả đắc, phương năng kiến lập vạn pháp. Nhược giải thủ ý, diệc danh Phật thân, diệc danh *Bồ-đề Niết-bàn*, diệc danh giải thoát tri kiến. Kiến tánh chi nhân, lập diệc đắc, bất lập diệc đắc, khứ lai tự do, vô trệ, vô ngại. Ứng dụng tùy tác, ứng ngữ tùy đáp, phổ kiến hóa thân, bất ly tự tánh, tức đắc tự tại thần thông du hí *Tam-muội*, thị danh kiến tánh.”

志誠再啟師，曰。如何是不立義。

Chí Thành tái khái Sư, viết: “Nhu hà thị *bất lập* nghĩa?”

師曰。自性無非，無癡，無亂。念念般若觀照，常離法相，自由自在，縱橫盡得，有何可立。自性自悟，頓悟頓修，亦無漸次，所以不立一切法。諸法寂滅，有何次第。

Sư viết: “Tự tánh vô phi, vô si, vô loạn. Niệm niệm *Bát-nhã* quán chiếu, thường ly pháp tướng, tự do tự tại, tung hoành tận đắc, hữu hà khả lập? Tự tánh tự ngộ, đốn ngộ đốn tu, diệc vô tiệm thứ, sở dĩ bất lập nhất thiết pháp. Chư pháp tịch diệt, hữu hà thứ đệ?”

志誠禮拜，願為執侍，朝夕不懈。

Chí Thành lễ bái, nguyện vi chấp thi, triều tịch bất giải.





僧志徹，江西人，本姓張，名行昌，少任俠。自南北分化，二宗主雖亡彼我，而徒侶競起愛憎。

Tăng Chí Triệt, Giang Tây nhân, bản tánh Trương, danh Hành Xương, thiếu nhiệm hiệp. Tự Nam Bắc phân hóa, nhị tông chủ tuy vô bỉ ngã, nhi đồ lữ cạnh khởi ái tăng.

時，北宗門人自立秀師為第六祖，而忌祖師傳衣為天下聞。乃囑行昌來刺師。師心通，預知其事，即置金十兩於座間。時，夜暮，行昌入祖室，將欲加害。師舒頸就之。行昌揮刃者三，悉無所損。

Thời, Bắc tông môn nhân tự lập Tú sư vi đệ lục Tổ, nhi kỵ Tổ Sư truyền y vi thiên hạ văn. Nãi chúc Hành Xương lai thích Sư. Sư tâm thông, dự tri kỳ sự, tức trí kim thập lượng ư tọa gian. Thời, dạ mộ, Hành Xương nhập Tổ thất, tương dục gia hại. Sư thư cảnh tựu chi. Hành Xương huy nhận giả tam, tất vô sở tổn.

師曰。正劍不邪，邪劍不正。只負汝金，不負汝命。

Sư viết: “Chánh kiếm bất tà, tà kiếm bất chánh, chỉ phụ nhữ kim, bất phụ nhữ mạng.”

行昌驚仆，久而方蘇，求哀悔過，即願出家。師遂與金，言。汝且去，恐徒眾翻害於汝。汝可他日易形而來，吾當攝受。

Hành Xương kinh phó, cửu nhi phương tô, cầu ai hối quá, tức nguyện xuất gia. Sư toại dĩ kim, ngôn: “Nhữ thả khứ, khủng đồ chúng phiên hại ư nhữ. Nhữ khả tha nhật dịch hình nhi lai, ngô đương nhiếp thọ.”

行昌稟旨宵遁。後投僧出家。具戒精進。一日。憶師之言。遠來禮覲。

Hành Xương bảm chi tiêu độn. Hậu, đầu tăng xuất gia, cụ giới tinh tấn. Nhất nhật, ức Sư chi ngôn, viễn lai lễ cận.

師曰。吾久念汝，汝來何晚。

Sư viết: “Ngô cửu niệm nhữ, nhữ lai hà vãn?”

曰。昨蒙和尚捨罪，今雖出家苦行，終難報德。其惟傳法度生乎。弟子常覽涅槃經，未曉常，無常義。乞和尚慈悲，略為解說。

Viết: “Tạc mông Hòa thượng xả tội, kim tuy xuất gia khổ hạnh, chung nan báo đức. Kỳ duy truyền pháp độ sanh hồ, đệ tử thường lãm Niết-bàn Kinh, vị hiểu thường, vô thường nghĩa. Khất Hòa thượng từ bi, lược vị giải thuyết.”

師曰。無常者，即佛性也。有常者，即一切善惡諸法分別心也。

Sư viết: “Vô thường giả, tức Phật tánh giả. Hữu thường dã, tức nhất thiết thiện ác chư pháp phân biệt tâm dã.”

曰。和尚所說，大違經文。

Viết: “Hòa thượng sở thuyết, đại vi kinh văn.”

師曰。吾傳佛心印，安敢違於佛經。

Sư viết: “Ngô truyền Phật tâm ấn, an cảm vi ư Phật kinh?”

曰。經說佛性是常，和尚卻言無常。善惡諸法乃至菩提心皆是無常，和尚卻言是常。此即相違，令學人轉加疑惑。

Viết: “Kinh thuyết Phật tánh thị thường, Hòa thượng khước ngôn vô thường. Thiện ác chư pháp nãi chí Bồ-đề tâm giai thị vô thường, Hòa thượng khước ngôn thị thường. Thủ túc tương vi, linh học nhân chuyển gia nghi hoặc.”

師曰。涅槃經，吾昔聽尼無盡藏讀誦一遍，便為講說，

無一字，一義不合經文。乃至為汝，終無二說。

Sư viết: “*Niết-bàn* Kinh, ngô tích thính ni Vô Tận Tạng độc tụng nhất biến, tiện vị giảng thuyết, vô nhất tự, nhất nghĩa bất hợp kinh văn. Nãi chí vị nhữ, chung vô nhị thuyết.”

曰。學人識量淺昧，願和尚委曲開示。

Viết: “Học nhân thức lượng thiếu mọi, nguyện Hòa thượng ủy khúc khai thị.”

師曰。汝知否。佛性若常，更說什麼善惡諸法，乃至窮劫，無有一人發菩提心者。故吾說無常，正是佛說真常之道也。又，一切諸法若無常者，即物物皆有自性，容受生死，而真常性有不遍之處。故吾說常者，正是佛說真無常義。

Sư viết: “Nhữ tri phủ? Phật tánh nhược *thường*, cánh thuyết thập ma thiện ác chư pháp, nãi chí cùng kiếp, vô hữu nhất nhân phát *Bồ-đề* tâm giả. Cố ngô thuyết *vô thường*, chánh thị Phật thuyết *chân thường* chi đạo dã. Hựu, nhất thiết chư pháp nhược *vô thường* giả, tức vật vật giai hữu tự tánh, dung thọ sanh tử, nhi *chân thường* tánh hữu bất biến chi xứ. Cố ngô thuyết *thường* giả, chánh thị Phật thuyết *chân vô thường* nghĩa.

佛比為凡夫，外道執於邪常，諸二乘人於常計無常，共成八倒，故於涅槃了義教中，破彼偏見，而顯說真常，真樂，真我，真淨。汝今依言，背義，以斷滅無常及確定死常，而錯解佛之圓妙最後微言，縱覽千遍，有何所益。

“Phật ty vị phạm phu, ngoại đạo chấp ư tà thường, chư nhị thừa nhân ư *thường* kế *vô thường*, cộng thành bát đảo, cố ư *Niết-bàn* liễu nghĩa giáo trung, phá bỉ thiên kiến, nhi hiển thuyết *chân thường*, *chân lạc*, *chân ngã*, *chân tịnh*. Nhữ kim y ngôn, bội nghĩa, dĩ đoạn diệt *vô thường* cập sắc định tử *thường*, nhi thác giải Phật

chi viên diệu tối hậu vi ngôn, tủng lãm thiên biến, hữu hà sở ích?”

行昌忽然大悟。說偈曰。

Hành Xương hốt nhiên đại ngộ, thuyết kệ viết:

因守無常心，
佛說有常性。
不知方便者，
猶春池拾礫。

*Nhân thủ vô thường tâm,
Phật thuyết hữu thường tánh.
Bất tri phương tiện giả,
Du xuân trì thập lịch.*

我今不施功，
佛性而現前。
非師相授與，
我亦無所得。

*Ngã kim bất thi công,
Phật tánh nhi hiện tiền.
Phi Sư tương thọ dữ,
Ngã diệc vô sở đắc.*

師曰。汝今徹也，宜名志徹。徹禮謝而退。

Sư viết: “Nhữ kim triệt dã, nghi danh Chí Triệt.” Triệt lễ tạ nhi thối.



有一童子名神會，襄陽，高氏子，年十三，自玉泉來，參

禮。

Hữu nhất đồng tử danh Thần Hội, Tương Dương, Cao thị tử, niên thập tam, tự Ngọc Tuyên lai, tham lễ.

師曰。知識遠來艱辛，還將得本來否。若有本，則合識主。試說看。

Sư viết: “Tri thức viễn lai gian tân, hoàn tương đắc bản lai phủ? Nhược hữu bản, tắc hợp thức chủ. Thí thuyết khán.”

會曰。以無住為本，見即是主。

Hội viết: “Dĩ vô trụ vi bản, kiến tức thị chủ.”

師曰。這沙彌爭合取次語。

Sư viết: “Giá sa-di tranh hợp thủ thứ ngữ.”

會乃問曰。和尚坐禪，還見，不見。

Hội nãi vấn viết: “Hòa thượng tọa thiền, hoàn kiến, bất kiến?”

師以柱杖打三下，云。吾打汝是痛，不痛。

Sư dĩ trụ trượng đả tam hạ, vân: “Ngô đả nhữ, thị thống, bất thống?”

對曰。亦痛，亦不痛。

Đối viết: “Diệc thống, diệc bất thống.”

師曰。吾亦見，亦不見。

Sư viết: “Ngô diệc kiến, diệc bất kiến.”

神會問。如何是亦見，亦不見。

Thần Hội vấn: “Nhu hà thị diệc kiến, diệc bất kiến?”

師云。吾之所見，常見自心過愆，不見他人是非，好惡。是以亦見，亦不見。汝言亦痛，亦不痛如何。汝若

不痛，同其木石。若痛，則同凡夫，即起恚恨。汝向前見，不見是二邊。痛，不痛是生滅。汝自性且不見，敢爾弄人。

Sư vân: “Ngô chi sở kiến, thường kiến tự tâm quá khiên, bất kiến tha nhân thị, phi, hảo, ác. Thị dĩ diệc kiến, diệc bất kiến. Nhữ ngôn *Diệc thống, diệc bất thống* như hà? Nhữ nhược *bất thống*, đồng kỳ mộc thạch. *Nhược thống*, tắc đồng phạm phu, tức khởi nhuế hận. Nhữ hướng tiền kiến, bất kiến thị nhị biên. Thống, bất thống thị sanh diệt. Nhữ tự tánh tả bất kiến, cảm nhĩ lộng nhân?”

神會禮拜悔謝。

Thần Hội lễ bái hối tạ.

師又曰。汝若心迷不見，問善知識覓路。汝若心悟，即自見性，依法修行。汝自迷，不見自心，卻來問吾見與不見。吾見自知，豈代汝迷。汝若自見，亦不代吾迷。何不自知自見，乃問吾見與不見。

Sư hựu viết: “Nhữ nhược tâm mê bất kiến, vấn thiện tri thức trịch lộ. Nhữ nhược tâm ngộ, tức tự kiến tánh, y pháp tu hành. Nhữ tự mê, bất kiến tự tâm, khước lai vấn ngô *kiến dĩ bất kiến*. Ngô kiến tự tri, khởi đại nhữ mê? Nhữ nhược tự kiến, diệc bất đại ngô mê. Hà bất tự tri tự kiến, nãi vấn ngô *kiến dĩ bất kiến*?”

神會再禮百餘拜，求謝過愆，服勤給侍，不離左右。

Thần Hội tái lễ bá dư bái, cầu tạ quá khiên, phục cần cấp thị, bất ly tả hữu.

一日。師告眾曰。吾有一物，無頭，無尾，無名，無字，無背，無面。諸人還識否。

Nhất nhật, Sư cáo chúng viết: “Ngô hữu nhất vật, vô đầu, vô vĩ, vô danh, vô tự, vô bối, vô diện. Chư nhân hoàn thức phủ?”

神會出曰。是諸佛之本源，神會之佛性。

Thần Hội xuất viết: “Thị chư Phật chi bản nguyên, Thần Hội chi Phật tánh.”

師曰。向汝道無名，無字。汝便喚作本源佛性。汝向去有把茆蓋頭。也只成箇知解宗徒。

Sư viết: “Hướng nhữ đạo vô danh, vô tự, nhữ tiện hoán tác bản nguyên, Phật tánh. Nhữ hướng khứ hữu bả mao cái đầu, dã chỉ thành cá tri giải tông đồ!”

祖師滅後，會入京洛，大弘曹溪頓教，著顯宗記，盛行於世。是為荷澤禪師。

Tổ Sư diệt hậu, Hội nhập Kinh Lạc, đại hoằng Tào Khê Đốn giáo, trú *Hiển tông ký*, thành hành ư thế. Thị vi Hà Trạch Thiền sư.



師見諸宗難問，咸起惡心，多集座下，愍而謂曰。學道之人。一切善念惡念。應當盡除。無名可名。名於自性。無二之性。是名實性。於實性上建立一切教門。言下便須自見。

Sư kiến chư tông nan vấn, hàm khởi ác tâm, đa tập tọa hạ, mẫn

nhị vị viết: Học đạo chi nhân, nhất thiết thiện niệm, ác niệm, ứng dương tận trừ. Vô danh khả danh, danh ư tự tánh: Vô nhị chi tánh, thị danh thật tánh. Ư thật tánh thượng, kiến lập nhất thiết giáo môn; ngôn hạ, tiện tu tự kiến.

諸人聞說，總皆作禮，請事為師。

Chư nhân văn thuyết, tổng giai tác lễ, thỉnh sự vi sư.

❖ HÁN VĂN

護 法

HỘ PHÁP

品 第 九

Phẩm đệ cửu

神龍元年上元日。則天。中宗詔云。

Thần Long nguyên niên, thượng nguyên nhật, Tắc Thiên, Trung Tông chiếu vân:

朕請安，秀二師，宮中供養，萬機之暇，每究一乘。二師推讓，云。南方有能禪師，密授忍大師衣法，傳佛心印，可請彼問。今遣內侍薛簡馳詔請迎。願師慈念，速赴上京。

“Trẫm thỉnh An, Tú nhị sư cung trung cúng dường, vạn cơ chi hạ, mỗi cứu Nhất thừa. Nhị sư thôi nhượng, vân: ‘*Nam phương hữu Năng Thiên sư, mật thọ Nhân Đại sư y pháp, truyền Phật tâm ấn, khả thỉnh bử vấn.*’ Kim khiển Nội thị Tiết Giản trì chiếu thỉnh nghinh. Nguyên Sư từ niệm, tốc phó Thượng kinh.”

師上表辭疾，願終林麓。

Sư thượng biểu từ tật, nguyện chung lâm lộc.

薛簡曰。京城禪德皆云。欲得會道，必須坐禪習定。

若不因禪定而得解脫者，未之有也。未審師所說法如何。

Tiết Giản viết: “Kinh thành thiên đức giai vân: ‘Dục đắc hội Đạo, tất tu tọa thiền tập định. Nhược bất nhân thiên định nhi đắc giải thoát giả, vị chi hữu dã.’ Vị thẩm Sư sở thuyết pháp như hà?”

師曰。道由心悟，豈在坐也。經云。若言如來若坐，若臥，是行邪道。何故。無所從來，亦無所去。無生無滅，是如來清淨禪。諸法空寂，是如來清淨坐。究竟無證，豈況坐耶。

Sư viết: “Đạo do tâm ngộ, khởi tại tọa dã? Kinh vân: ‘Nhược ngôn Như Lai nhược tọa, nhược ngoạ, thị hành tà đạo.’ Hà cố? Vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ. Vô sanh vô diệt, thị Như Lai thanh tịnh thiền. Chư pháp không tịch, thị Như Lai thanh tịnh tọa. Cứu cánh vô chứng, khởi hướng tọa da?”

簡曰。弟子回京，主上必問。願師慈悲，指示心要，傳奏兩宮及京城學道者。譬如一燈然百千燈，冥者皆明，明明無盡。

Giản viết: “Đệ tử hồi kinh, Chúa thượng tất vấn. Nguyên Sư từ bi, chỉ thị tâm yếu, truyền tấu lưỡng cung cập kinh thành học đạo giả. Thí như nhất đăng nhiên bá thiên đăng, minh giả giai minh, minh minh vô tận.”

師云。道無明暗。明暗是代謝之義。明明無盡，亦是有盡。相待立名，故淨名經云。法無有比，無相待故。

Sư vân: “Đạo vô minh ám. Minh ám thị đại tạ chi nghĩa. Minh minh vô tận, diệt thị hữu tận. Tương đãi lập danh, cố Tịnh Danh Kinh vân: *Pháp vô hữu tỷ, vô tương đãi cố.*”

簡曰。明喻智慧，暗喻煩惱。修道之人倘不以智慧照破煩惱，無始生死憑何出離。

Giản viết: “Minh dụ trí tuệ, ám dụ phiền não. Tu đạo chi nhân thắng bất dĩ trí tuệ chiếu phá phiền não, vô thủy sanh tử bằng hà xuất ly?”

師曰。煩惱即是菩提，無二無別。若以智慧照破煩惱者，此是二乘見解，羊鹿等機。上智大根悉不如是。

Sư viết: “Phiền não tức thị Bồ-đề, vô nhị vô biệt. Nhược dĩ trí tuệ chiếu phá phiền não giả, thử thị nhị thừa kiến giải, dương lộ đẳng cơ. Thượng trí đại căn tất bất như thị.”

簡曰。如何是大乘見解。

Giản viết: “Như hà thị đại thừa kiến giải?”

師曰。明與無明，凡夫見二，智者了達其性無二。無二之性，即是實性。實性者，處凡愚而不減，在賢聖而不增，住煩惱而不亂，居禪定而不寂，不斷不常，不來不去，不在中間及其內外。不生不滅，性相如如，常住不遷，名之曰道。

Sư viết: “Minh dữ vô minh, phàm phu kiến nhị, trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị. Vô nhị chi tánh, tức thị thật tánh. Thật tánh giả, xử phàm ngu nhi bất giảm, tại hiền thánh nhi bất tăng, trụ phiền não nhi bất loạn, cư thiền định nhi bất tịch, bất đoạn, bất thường, bất lai, bất khứ, bất tại trung gian cập kỳ nội, ngoại. Bất sanh bất diệt, tánh tướng như như, thường trụ bất thiên, danh chi viết đạo.”

簡曰。師說不生不滅，何異外道。

Giản viết: “Sư thuyết bất sanh, bất diệt, hà dị ngoại đạo?”

師曰。外道所說不生不滅者，將滅止生，以生顯滅，滅猶不滅，生說不生。我說不生不滅者，本自無生，今亦不滅，所以不同外道。汝若欲知心要，但一切善惡都莫思量，自然得入清淨心體，湛然常寂，妙用恒沙。

Sư viết: “Ngoại đạo sở thuyết *bất sanh, bất diệt* giả, tương diệt chỉ sanh, dĩ sanh hiển diệt, diệt du bất diệt, sanh thuyết bất sanh. Ngã thuyết *bất sanh, bất diệt* giả, bản tự vô sanh, kim diệt bất diệt, sở dĩ bất đồng ngoại đạo. Nhữ nhược dục trì tâm yếu, dẫn nhất thiết thiện ác đô mạc tư lượng, tự nhiên đắc nhập thanh tịnh tâm thể, trạm nhiên thường tịch, diệu dụng *Hằng sa*.”

簡蒙指教，豁然大悟。禮辭歸闕，表奏師語。其年九月三日，有詔獎諭師曰。

Giản mông chỉ giáo, hoát nhiên đại ngộ. Lễ từ quy khuyết, biểu tấu Sư ngữ. Kỳ niên cửu nguyệt tam nhật, hữu chiếu tướng dụ Sư viết:

師辭老疾，為朕修道，國之福田。師若淨名托疾毘耶闍揚大乘，傳諸佛心，談不二法。薛簡傳師指授如來知見，朕積善餘慶，宿種善根，值師出世，頓悟上乘，感荷師恩，頂戴無已。并奉磨衲袈裟及水晶鉢，敕韶州刺史修飾寺宇，賜師舊居為國恩寺焉。

“Sư từ lão tật, vị trẫm tu đạo, quốc chi phước điền. Sư nhược Tịnh Danh thác tật *Tỳ-da*, hiển dương đại thừa, truyền chư Phật tâm, đàm bất nhị pháp. Tiết Giản truyền Sư chỉ thọ Như Lai tri kiến, trẫm tích thiện dư khánh, túc chủng thiện căn, trị Sư xuất thế, đốn ngộ thượng thừa, cảm hà Sư ân, đỉnh đại vô dĩ? Tinh phụng ma nạp *cà-sa* cập thủy tinh bát, sắc Thiều Châu Thứ sử tu sức tự võ, tứ Sư cụ cư vi Quốc Ân tự yên.”

❖ HÁN VĂN

付囑

PHÓ CHÚC

品第十

Phẩm đệ thập

師一日喚門人法海，志誠，法達，神會，智常，智通，志徹，志道，法珍，法如等，曰。

Sư nhất nhật hoán môn nhân: Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như đẳng, viết:

汝等不同餘人。吾滅度後，各為一方師。吾今教汝說法，不失本宗。

“Nhữ đẳng bất đồng dư nhân. Ngô diệt độ hậu, các vi nhất phương sư. Ngô kim giáo nhữ thuyết pháp, bất thất bản tông.

先須舉三科法門，動用三十六對。出沒即離兩邊，說一切法，莫離自性。忽有人問汝法，出語盡雙，皆取對法，來去相因。究竟二法盡除，更無去處。

“Tiên tu cử tam khoa pháp môn, động dụng tam thập lục đối. Xuất một tức ly lưỡng biên, thuyết nhất thiết pháp, mạc ly tự tánh. Hốt hữu nhân vấn nhữ pháp, xuất ngữ tận song, giai thủ đối pháp, lai khứ tương nhân. Cứu cánh nhị pháp tận trừ, cánh vô

khứ xứ.

三科法門者。陰界入也。陰，是五陰，色，受，想，行，識是也。入，是十二入，外六塵色，聲，香，味，觸，法。內六門眼，耳，鼻，舌，身，意是也。界，是十八界，六塵，六門，六識是也。自性能含萬法，名含藏識。若起思量，即是轉識。生六識，出六門，見六塵，如是一十八界，皆從自性起用。自性若邪，起十八邪。自性若正，起十八正。若惡用，即眾生用。善用，即佛用。

“Tam khoa pháp môn giả: âm, giới, nhập dã. Âm, thị ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức thị dã. Nhập, thị thập nhị nhập, ngoại lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nội lục môn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thị dã. Giới, thị thập bát giới: lục trần, lục môn, lục thức thị dã. Tự tánh năng hàm vạn pháp, danh *Hàm tàng thức*. Nhược khởi tư lượng, tức thị chuyển thức. Sanh lục thức, xuất lục môn, kiến lục trần, như thị nhất thập bát giới giai từng tự tánh khởi dụng. Tự tánh nhược tà, khởi thập bát tà. Tự tánh nhược chánh, khởi thập bát chánh. Nhược ác dụng, tức chúng sanh dụng. Thiện dụng, tức Phật dụng.

用由何等。由自性有，對法外境。無情五對，天與地對，日與月對，明與暗對，陰與陽對，水與火對。此是五對也。法相，語言十二對，語與法對，有與無對，有色與無色對，有相與無相對，有漏與無漏對，色與空對，動與靜對，清與濁對，凡與聖對，僧與俗對，老與少對，大與小對。此是十二對也。

“Dụng do hà đẳng? Do tự tánh hữu, đối pháp ngoại cảnh. Vô tình ngũ đối: thiên dã địa đối, nhật dã nguyệt đối, minh dã ám đối, âm dã dương đối, thủy dã hỏa đối. Thủ thị ngũ đối dã. Pháp tướng, ngữ ngôn thập nhị đối: ngữ dã pháp đối, hữu dã vô đối,

hữu sắc dĩ vô sắc đối, hữu tướng dĩ vô tướng đối, hữu lậu dĩ vô lậu đối, sắc dĩ không đối, động dĩ tĩnh đối, thanh dĩ trược đối, phàm dĩ thánh đối, tăng dĩ tục đối, lão dĩ thiếu đối, đại dĩ tiểu đối. Thủ thị thập nhị đối dã.

自性起用十九對，長與短對，邪與正對，癡與慧對，愚與智對，亂與定對，慈與毒對，戒與非對，直與曲對，實與虛對，險與平對，煩惱與菩提對，常與無常對，悲與害對，喜與瞋對，捨與慳對，進與退對，生與滅對，法身與色身對，化身與報身對。此是十九對也。

“Tự tánh khởi dụng thập cửu đối: trường dĩ đoản đối, tà dĩ chánh đối, si dĩ tuệ đối, ngu dĩ trí đối, loạn dĩ định đối, tử dĩ độc đối, giới dĩ phi đối, trực dĩ khúc đối, thật dĩ hư đối, hiểm dĩ bình đối, phiền não dĩ Bồ-đề đối, thường dĩ vô thường đối, bi dĩ hại đối, hỷ dĩ sân đối, xả dĩ kiên đối, tán dĩ thôi đối, sanh dĩ diệt đối, pháp thân dĩ sắc thân đối, hóa thân dĩ báo thân đối. Thủ thị thập cửu đối dã.”

師言。此三十六對法，若解用，即道貫一切經法，出入即離兩邊。自性動用，共人言語。外於相離相，內於空離空。若全著相，即長邪見。若全執空，即長無明。執空之人有謗經直言不用文字。既云不用文字，人亦不合語言。只此語言，便是文字之相。又云。直道不立文字，即此不立兩字亦是文字。見人所說，便即謗他，言著文字。汝等須知，自迷猶可，又謗佛經。不要謗經罪障無數。

Sư ngôn: “Thủ tam thập lục đối pháp, nhược giải dụng, tức đạo quán nhất thiết kinh, pháp. Xuất, nhập tức ly lưỡng biên. Tự tánh động dụng, cộng nhân ngôn ngữ. Ngoại ử tướng ly tướng, nội ử không ly không. Nhược toàn trước tướng, tức tướng tà kiến. Nhược toàn chấp không, tức tướng vô minh. Chấp không chi nhân hữu báng kinh trực ngôn bất dụng văn tự. Ký vân bất dụng

văn tự, nhân diệc bất hợp ngữ ngôn. Chỉ thủ ngữ ngôn, tiện thị văn tự chi tướng. Hựu vân: Trục đạo bất lập văn tự, tức thủ *bất lập* lưỡng tự diệc thị văn tự. Kiến nhân sở thuyết, tiện tức báng tha, ngôn trước văn tự. Nhữ đẳng tu tri, tự mê du khả, hựu báng Phật kinh. Bất yếu báng kinh tội chướng vô số.

若著相於外，而作法求真，或廣立道場，說有無之過患。如是之人，累劫不可見性。但聽依法修行，又莫百物不思，而於道性窒礙。若聽說不修，令人反生邪念。但依法修行，無住相法施。

“Nhuộc trước tướng ư ngoại, nhi tác pháp cầu chân, hoặc quảng lập đạo tràng, thuyết hữu vô chi quá hoạn. Như thị chi nhân lũy kiếp bất khả kiến tánh. Đản thính y pháp tu hành, hựu mặc bá vật bất tư, nhi ư đạo tánh trất ngại. Nhuộc thính thuyết bất tu, linh nhân phản sanh tà niệm. Đản y pháp tu hành, vô trụ tướng pháp thí.

汝等若悟，依此說，依此用，依此行，依此作，即不失本宗。若有人問汝義，問有將無對，問無將有對，問聖以凡對，問凡以聖對。二道相因，生中道義。如一問一對，餘問，一依此作，即不失理也。設有人問，何名為闇。答云。明是因，闇是緣，明沒即闇。以明顯闇，以闇顯明。來去相因，成中道義。餘問，悉皆如此。汝等於後傳法，依此轉相教授，勿失宗旨。

“Nhữ đẳng nhuộc ngộ, y thủ thuyết, y thủ dụng, y thủ hành, y thủ tác, tức bất thất bổn tông. Nhuộc hữu nhân vấn nhữ nghĩa: vấn hữu, tương vô đối; vấn vô, tương hữu đối; vấn thánh, dĩ phàm đối; vấn phàm, dĩ thánh đối. Nhị đạo tương nhân, sanh trung đạo nghĩa. Như nhất vấn, nhất đối; dư vấn, nhất y thủ tác, tức bất thất lý dã. Thiết hữu nhân vấn: ‘*Hà danh vi ám?*’ Đáp vân: ‘*Minh thị nhân, ám thị duyên, minh một tức ám.*’ Dĩ minh hiển ám, dĩ ám hiển minh. Lai, khứ tương nhân, thành trung đạo nghĩa. Dư vấn, tất giai như thủ. Nhữ đẳng ư hậu truyền pháp, y thủ chuyển

tương giáo thọ, vật thất tông chỉ.”

師於太極元年，壬子，延和七月，命門人往新州，國恩寺建塔，仍令促工，次年夏末落成。七月一日。集徒眾，曰。

Sư ư Thái Cực nguyên niên, Nhâm Tý, Diên Hòa thất nguyệt, mạng môn nhân vãng Tân Châu, Quốc Ân tự kiến tháp, nhưng linh xúc công, thứ niên hạ mạt lạc thành. Thất nguyệt nhất nhật, tập đồ chúng, viết:

吾至八月，欲離世間。汝等有疑，早須相問。為汝破疑，令汝迷盡。吾若去後，無人教汝。

“Ngô chí bát nguyệt, dục ly thế gian. Nhữ đẳng hữu nghi, tảo tu tương vấn. Vị nhữ phá nghi, linh nhữ mê tận. Ngô nhược khứ hậu, vô nhân giáo nhữ.”

法海等聞。悉皆涕泣。惟有神會。神情不動。亦無涕泣。

Pháp Hải đẳng văn, tất giai thể khắp. Duy hữu Thần Hội, thần-tình bất động, diệc vô thể khắp.

師云。神會小師卻得善不善等，毀譽不動，哀樂不生，餘者不得。數年山中，竟修何道。汝今悲泣，為憂阿誰。若憂吾不知去處，吾自知去處。吾若不知去處，終不預報於汝。汝等悲泣，蓋為不知吾去處。若知吾去處，即不合悲泣。法性本無生滅去來。汝等盡坐，吾與汝說一偈，名曰真假動靜偈。汝等誦取此偈，與吾同意。依此修行，不失宗旨。

Sư vân: “Thần Hội tiểu sư khước đắc thiện bất thiện đẳng, hủ dự bất động, ai lạc bất sanh, dư giả bất đắc. Sở niên sơn trung, cánh tu hà đạo? Nhữ kim bỉ khắp, vị ưu a thù? Nhược ưu ngô bất tri khứ xứ, ngô tự tri khứ xứ. Nhược ngô bất tri khứ xứ, chung

bất dự báo ư nhữ. Nhữ đẳng bi khắp, cái vị bất tri ngô khứ xú. Nhược tri ngô khứ xú, tức bất hợp bi khắp. Pháp tánh bản vô sanh diệt khứ lai. Nhữ đẳng tận tọa, ngô dĩ nhữ thuyết nhất kệ, danh viết *Chân giả động tĩnh kệ*. Nhữ đẳng tụng thủ thủ kệ, dĩ ngô đồng ý. Y thủ tu hành, bất thất tông chỉ.”

眾僧作禮。請師說偈。偈曰。

Chúng tăng tác lễ, thỉnh Sư tác kệ. Kệ viết:

一切無有真，
 不以見於真。
 若見於真者，
 是見盡非真。
Nhất thiết vô hữu chân,
Bất dĩ kiến ư chân.
Nhược kiến ư chân giả,
Thị kiến tận phi chân.
 若能自有真，
 離假即心真。
 自心不離假，
 無真何處真。
Nhược năng tự hữu chân,
Ly giả tức tâm chân.
Tự tâm bất ly giả,
Vô chân, há xú chân?
 有情即解動，
 無情即不動。
 若修不動行，
 同無情不動。
Hữu tình tức giải động,
Vô tình tức bất động.

*Nhược tu bất động hành,
Đông vô tình bất động.*

若覓真不動，
動上有不動。
不動是不動，
無情無佛種。

*Nhược mịch chân bất động,
Động thượng hữu bất động.
Bất động thị bất động,
Vô tình vô Phật chủng.*

能善分別相，
第一義不動。
但作如此見，
即是真如用。

*Năng thiện phân biệt tướng,
Đệ nhất nghĩa bất động.
Đản tác như thử kiến,
Tức thị chân như dụng.*

報諸學道人，
努力須用意。
莫於大乘門，
卻執生死智。

*Báo chư học đạo nhân:
Nỗ lực tu dụng ý.*

*Mạc ư đại thừa môn,
Khước chấp sanh tử trí.*

若言下相應，
即共論佛義。

若實不相應，

合掌令歡喜。

Nhược ngôn hạ tương ứng,

Tức cộng luận Phật nghĩa.

Nhược thật bất tương ứng,

Hiệp chưởng linh hoan hỷ.

此宗本無諍，

諍即失道意。

執逆諍法門，

自性入生死。

Thử tông bản vô tranh,

Tranh tức thất đạo ý.

Chấp nghịch tranh pháp môn,

Tự tánh nhập sanh tử.

時，徒眾聞說偈已，普皆作禮。並體師意，各各攝心，依法修行，更不敢諍。乃知大師不久住世。法海上座，再拜問曰。和尚入滅之後。衣法當付何人。

Thời, đồ chúng văn thuyết kệ dĩ, phổ giai tác lễ. Tịnh thể Sư ý, các các nhiếp tâm, y pháp tu hành, cánh bất cảm tranh. Nãi tri Đại sư bất cửu trụ thế. Pháp Hải thượng tọa, tái bái vấn viết: “Hòa thượng nhập diệt chi hậu, y pháp đương phó hà nhân?”

師曰。吾於大梵寺說法，以至於今，抄錄流行，目曰法寶壇經。汝等守護，遞相傳授，度諸群生。但依此說，是名正法。今為汝等說法，不付其衣。蓋為汝等信根淳熟，決定無疑，堪任大事。然據先祖達磨大師付授偈意，衣不合傳。偈曰。

Sư viết: “Ngô ư Đại Phạm tự thuyết pháp, dĩ chí ư kim, sao-lục

lưu hành, mục viết *Pháp Bảo Đàn Kinh*. Nhữ đẳng thủ hộ, đệ tương truyền thọ, độ chư quần sanh. Đản y thủ thuyết, thị danh chánh pháp. Kim vị nhữ đẳng thuyết pháp, bất phó kỳ y. Cái vị nhữ đẳng tín căn thuần thực, quyết định vô nghi, kham nhậm đại sự. Nhiên cú tiên tổ *Đạt-ma* Đại sư phó thọ kệ ý, y bất hợp truyền. Kệ viết:

吾本來茲土，
傳法救迷情。
一華開五葉，
結果自然成。

*Ngô bản lai tư thổ,
Truyền Pháp cứu mê tình.
Nhất hoa khai ngũ diệp,
Kết quả tự nhiên thành.”*

師復曰。諸善知識。汝等各各淨心，聽吾說法。

Sư phục viết: “Chư thiện tri thức! Nhữ đẳng các các tịnh tâm, thính ngô thuyết pháp:

若欲成就種智，須達一相三昧，一行三昧。若於一切處而不住相，於彼相中不生憎愛，亦無取捨，不念利益成壞等事，安閒，恬靜，虛融，澹泊，此名一相三昧。

“Nhuộc dục thành tựu chủng trí, tu đạt *Nhất tướng Tam-muội, Nhất hạnh Tam-muội*. Nhuộc ư nhất thiết xứ nhi bất trụ tướng, ư bỉ tướng trung bất sanh tăng ái, diệc vô thủ xả, bất niệm lợi ích, thành hoại đẳng sự, an nhàn, diêm tĩnh, hư dung, đạm bạc, thủ danh *Nhất tướng tam muội*.

若於一切處，行住坐臥，純一直心，不動道場，真成淨土，此名一行三昧。若人具二三昧，如地有種，含藏，

長養，成熟其實。一相一行，亦復如是。我今說法，猶如時雨，普潤大地。汝等佛性譬諸種子，遇茲霑洽，悉得發生。承吾旨者，決獲菩提。依吾行者，定證妙果。聽吾偈曰。

“Nhược ư nhất thiết xứ, hành trụ tọa ngọa, thuận nhất trực tâm, bất động đạo tràng, chân thành tịnh độ, thủ danh *Nhất hạnh Tam-muội*. Nhược nhân câu nhị *Tam-muội*, như địa hữu chủng, hàm tàng, trưởng dưỡng, thành thực kỳ thật. Nhất tướng, nhất hạnh, diệc phục như thị. Ngã kim thuyết pháp, du như thời vũ, phổ nhuận đại địa. Nhữ đẳng Phật tánh thí như chủng tử, ngô tư chiêm hợp, tất giai phát sanh. Thừa ngô chỉ giả, quyết hoạch *Bồ-đề*. Y ngô hạnh giả, định chứng diệu quả. Thính ngô kệ viết:

心地含諸種，
普雨悉皆萌。
頓悟華情已，
菩提果自成。

*Tâm địa hàm chư chủng,
Phổ vũ tất giai manh,
Đốn ngộ hoa tình dĩ,
Bồ-đề quả tự thành.*”

師說偈已，曰。其法無二，其心亦然。其道清淨，亦無諸相。汝等慎勿觀靜及空其心。此心本淨，無可取捨。各自努力，隨緣好去。

Sư thuyết kệ dĩ, viết: “Kỳ pháp vô nhị, kỳ tâm diệc nhiên. Kỳ đạo thanh tịnh, diệc vô chư tướng. Nhữ đẳng thận vật quán tĩnh cập không kỳ tâm. Thủ tâm bản tịnh, vô khả thủ xả. Các tự nỗ lực, tùy duyên hảo khứ.”

爾時，徒眾作禮而退。

Nhĩ thời, đồ chúng tác lễ nhi thối.



大師，七月八日，忽謂門人曰。吾欲歸新州，汝等速理舟楫。大眾哀留甚堅。

Đại sư, thất nguyệt bát nhật, hốt vị môn nhân viết: Ngô dục quy Tân Châu, nhữ đẳng tốc lý châu tiệp. Đại chúng ai lưu thậm kiên.

師曰。諸佛出現，猶示涅槃。有來必去，理亦常然。吾此形骸，歸必有所。

Sư viết: “Chư Phật xuất hiện, du thị Niết-bàn. Hữu lai tất khứ, lý diệp đương nhiên. Ngô thử hình hài, quy tất hữu sở.”

眾曰。師從此去，早晚可回。

Chúng viết: “Sư tùng thử khứ, tảo vãn khả hồi.”

師曰。葉落歸根。來時無口。

Sư viết: “Diệp lạc quy căn.” Lai thời vô khẩu.

又問曰。正法眼藏傳付何人。

Hựu vấn viết: “Chánh pháp nhãn tạng truyền phó hà nhân?”

師曰。有道者得，無心者通。

Sư viết: “Hữu đạo giả đắc, vô tâm giả thông.”

又問。此後莫有難否。

Hựu vấn: “Thử hậu mạc hữu nan phủ?”

師曰。吾滅後五六年，當有一人來取吾首。聽吾識曰。

Sư viết: “Ngô diệt hậu ngũ lục niên, dương hữu nhất nhân lai thủ ngô thủ. Thính ngô sấm viết:

頭上養親，
口裏須餐。
遇滿之難，
楊柳為官。

*Đầu thượng dưỡng thân,
Khẩu lý tu xan.
Ngô Mãng chi nạn,
Dương, Liễu vi quan.”*

又云。吾去七十年，有二菩薩從東方來。一出家，一在家。同時興化。建立吾宗。締緝伽藍。昌隆法嗣。

Hựu vân: “Ngô khứ thất thập niên, hữu nhị Bồ-tát tùng Đông phương lai, nhất xuất gia, nhất tại gia, đồng thời hưng hóa, kiến lập ngô tông, đế tập *Già-lam*, xương long Pháp tự.”

問曰。未知從上佛祖應現已來，傳授幾代。願垂開示。

Vấn viết: “Vị tri tùng thượng Phật tổ ứng hiện dĩ lai, truyền thọ kỷ đại? Nguyên thùỵ khai thị.”

師云。古佛應世已無數量，不可計也。今以七佛為始。過去莊嚴劫，毘婆尸佛，尸棄佛，毘舍浮佛。今賢劫，拘留孫佛，拘那含牟尼佛，迦葉佛，釋迦文佛。是為七佛。

Sư vân: “Cổ Phật ứng thế dĩ vô số lượng, bất khả kế dã. Kim dĩ thất Phật vi thủy. Quá khứ Trang nghiêm Kiếp, Tỳ-bà-thi Phật,

Thi-khí Phật, Tỳ-xá-phù Phật. Kim Hiên Kiếp, Câu-lưu-tôn Phật, Câu-na-hàm Mâu-ni Phật, *Ca-diếp* Phật, *Thích-ca* Văn Phật. Thị vi thất Phật.

釋迦文佛首傳摩訶迦葉尊者。

“*Thích-ca* Văn Phật thủ truyền Ma-ha *Ca-diếp* Tôn giả.

第二, 阿難尊者, 第三, 商那和修尊者, 第四, 優波鞠多尊者, 第五提多迦尊者, 第六, 彌遮迦尊者, 第七, 婆須蜜多尊者, 第八, 佛馱難提尊者, 第九伏馱蜜多尊者, 第十, 脅尊者, 十一, 富那夜奢尊者, 十二, 馬鳴大士, 十三, 迦毘摩羅尊者, 十四, 龍樹大士, 十五, 迦那提婆尊者, 十六, 羅睺羅多尊者, 十七, 僧伽難提尊者, 十八, 伽耶舍多尊者, 十九, 鳩摩羅多尊者, 二十, 闍耶多尊者, 二十一, 婆修盤頭尊者, 二十二, 摩拏羅尊者, 二十三, 鶴勒那尊者, 二十四, 師子尊者, 二十五, 婆舍斯多尊者, 二十六, 不如蜜多尊者, 二十七, 般若多羅尊者, 二十八, 菩提達磨尊者, 二十九, 慧可大師, 三十, 僧璨大師, 三十一, 道信大師, 三十二, 弘忍大師。惠能是為三十三祖。

“Đệ nhị, *A-nan* Tôn giả; đệ tam, *Thương-na Hòa-tu* Tôn giả; đệ tứ, *Ưu-ba-cúc-đa* Tôn giả; đệ ngũ, *Đề-đa-ca* Tôn giả; đệ lục *Di-già-ca* Tôn giả; đệ thất, *Bà-tu-mật-đa* Tôn giả; đệ bát, *Phật-đà Nan-đề* Tôn giả; đệ cửu, *Phục-đà Mật-đa* Tôn giả; đệ thập, *Hiếp* Tôn giả; thập nhất, *Phú-na Dạ-xa* Tôn giả; thập nhị, *Mã Minh Đại sĩ*; thập tam, *Ca-tỳ Ma-la* Tôn giả; thập tứ, *Long Thọ Đại sĩ*; thập ngũ, *Ca-na-đề-bà* Tôn giả; thập lục, *La-hầu-la-đa* Tôn giả; thập thất, *Tăng-già Nan-đề* Tôn giả; thập bát, *Già-da Xá-đa* Tôn giả; thập cửu, *Cứu-ma-la-đa* Tôn giả; nhị thập, *Xà-da-đa* Tôn giả; nhị thập nhất, *Bà-tu Bàn-đầu* Tôn giả; nhị thập nhị, *Ma-nô-la* Tôn giả; nhị thập tam, *Hạc-lặc-na* Tôn giả; nhị thập tứ, *Sư Tử* Tôn giả; nhị thập ngũ,

Bà-xá Tư-đa Tôn giả; nhị thập lục, *Bát-như Mật-đa* Tôn giả; nhị thập thất, *Bát-nhã Đa-la* Tôn giả; nhị thập bát, *Bồ-đề Đạt-ma* Tôn giả; nhị thập cửu, Huệ Khả Đại sư; tam thập, Tăng Xán Đại sư; tam thập nhất, Đạo Tín Đại sư; tam thập nhị, Hoàng Nhẫn Đại sư. Huệ Năng thị vị Tam thập tam Tổ.

從上諸祖，各有稟承。汝等向後，遞代流傳，毋令乖誤。

“Tùng thượng chư Tổ, các hữu bảm thừa. Nhữ đẳng hướng hậu, đệ đại lưu truyền, vô linh quai ngộ.”

眾聞信受，作禮而退。

Chúng văn tín thọ, tác lễ nhi thối.



大師，先天二年，癸丑歲，八月初三日，於國恩寺齋罷，謂諸徒眾曰。汝等各依位坐，吾與汝別。

Đại sư, Tiên Thiên nhị niên, Quý Sửu tuế, bát nguyệt sơ tam nhật, ư Quốc Ân tự trai bãi, vị chư đồ chúng viết: “Nhữ đẳng các y vị tọa, ngô dĩ nhữ biệt.”

法海白言。和尚留何教法，令後代迷人得見佛性。

Pháp Hải bạch ngôn: “Hòa thượng lưu hà giáo pháp, linh hậu đại mê nhân đắc kiến Phật tánh?”

師言。汝等諦聽。後代迷人若識眾生，即是佛性。若不識眾生，萬劫覓佛難逢。吾今教汝識自心眾生，見自心佛性。欲求見佛，但識眾生。只為眾生迷佛，非是佛迷眾生。自性若悟，眾生是佛。自性若迷，佛是眾生。自性平等，眾生是佛。自性邪險，佛是眾生。

Sư ngôn: “Nhữ đẳng đế thính: Hậu đại mê nhân nhược thức chúng sanh, tức thị Phật tánh. Nhược bất thức chúng sanh, vạn kiếp mịch Phật nan phùng. Ngô kim giáo nhữ thức tự tâm chúng sanh, kiến tự tâm Phật tánh. Dục cầu kiến Phật, đản thức chúng sanh. Chỉ vị chúng sanh mê Phật, phi thị Phật mê chúng sanh. Tự tánh nhược ngộ, chúng sanh thị Phật; tự tánh nhược mê, Phật thị chúng sanh. Tự tánh bình đẳng, chúng sanh thị Phật; tự tánh tà hiểm, Phật thị chúng sanh.

汝等心若險曲，即佛在眾生中。一念平直，即是眾生成佛。我心自有佛。自佛是真佛。自若無佛心，何處求真佛。汝等自心是佛，更莫狐疑。外無一物而能建立。皆是本心生萬種法。

“Nhữ đẳng tâm nhược hiểm khúc, tức Phật tại chúng sanh trung. Nhất niệm bình trực, tức thị chúng sanh thành Phật. Ngã tâm tự hữu Phật. Tự Phật thị chân Phật. Tự nhược vô Phật tâm, hà xứ cầu chân Phật? Nhữ đẳng tự tâm thị Phật, cánh mạc hồ nghi. Ngoại vô nhất vật nhi năng kiến lập, giai thị bản tâm sanh vạn chủng pháp.

故經云。心生種種法生，心滅種種法滅。吾今留一偈，與汝等別，名自性真佛偈。後代之人識此偈意，自見本心，自成佛道。偈曰。

“Cổ Kinh vân: ‘Tâm sanh, chủng chủng pháp sanh; tâm diệt, chủng chủng pháp diệt.’ Ngô kim lưu nhất kệ, dĩ nhữ đẳng biệt, danh *Tự tánh chân Phật Kệ*. Hậu đại chi nhân thức thủ kệ ý, tự kiến bản tâm, tự thành Phật đạo.” Kệ viết:

真如自性是真佛，
邪見三毒是魔王。
邪迷之時魔在舍，
正見之時佛在堂。

Chân như tự tánh thị chân Phật,

Tà kiến tam độc thị ma vương.

Tà mê chi thời, ma tại xá.

Chánh kiến chi thời, Phật tại đường.

性中邪見三毒生，

即是魔王來住舍。

正見自除三毒心，

魔變成佛真無假。

Tánh trung tà kiến, tam độc sanh,

Tức thị ma vương lai trụ xá.

Chánh kiến tự trừ tam độc tâm,

Ma biến thành Phật chân vô giả!

法身報身及化身，

三身本來是一身。

若向性中能自見，

即是成佛菩提因。

Pháp thân, Báo thân cập Hóa thân,

Tam thân bản lai thị Nhất thân.

Nhược hướng tánh trung năng tự kiến,

Tức thị thành Phật Bồ-đề nhân.

本從化身生淨性，

淨性常在化身中。

性使化身行正道，

當來圓滿真無窮。

Bản tùng Hóa thân sanh Tịnh tánh,

Tịnh tánh thường tại Hóa thân trung.

Tánh sử Hóa thân hành chánh đạo,

Đương lai viên mãn chân vô cùng.

婬性本是淨性因，

除婬即是淨性身。

性中各自離五欲，
見性剎那即是真。

*Dâm tánh bản thị tịnh tánh nhân,
Trừ dâm tức thị tịnh tánh thân.
Tánh trung các tự ly ngũ dục,
Kiến tánh sát-na tức thị chân.*

今生若遇頓教門，
忽悟自性見世尊。
若欲修行覓作佛，
不知何處擬求真。

*Kim sanh nhược ngộ Đốn giáo môn,
Hốt ngộ tự tánh, kiến Thế Tôn.
Nhược dục tu hành mịch tác Phật,
Bất tri hà xứ nghĩ cầu chân.*

若能心中自見真，
有真即是成佛因。
不見自性外覓佛，
起心總是大癡人。

*Nhược năng tâm trung tự kiến chân,
Hữu chân tức thị thành Phật nhân.
Bất kiến tự tánh ngoại mịch Phật,
Khởi tâm tổng thị đại si nhân.*

頓教法門今已留，
救度世人須自修。
報汝當來學道者，
不作此見大悠悠。

*Đốn giáo pháp môn kim dĩ lưu,
Cứu độ thế nhân tu tự tu.
Báo nhữ đương lai học đạo giả:
Bất tác thử kiến đại du du.*

師說偈已，告曰。汝等好住。吾滅度後，莫作世情悲泣雨淚，受人弔問。身著孝服，非吾弟子，亦非正法。但識自本心，見自本性，無動無靜，無生無滅，無去無來，無是無非，無住無往。恐汝等心迷，不會吾意。今再囑汝，令汝見性。吾滅度後，依此修行，如吾在日。若違吾教，縱吾在世，亦無有益。復說偈曰。

Sư thuyết kệ dĩ, cáo viết: “Nhữ đẳng hảo trụ! Ngô diệt độ hậu, mạc tác thế tình bi khắp vũ lệ, thọ nhân điếu vấn. Thân trước hiếu phục, phi ngô đệ tử, diệt phi Chánh pháp. Đản thức tự bản tâm, kiến tự bản tánh, vô động vô tĩnh, vô sanh vô diệt, vô khứ vô lai, vô thị vô phi, vô trụ vô vãng. Khủng nhữ đẳng tâm mê, bất hội ngô ý. Kim tái chúc nhữ, linh nhữ kiến tánh. Ngô diệt độ hậu, y thử tu hành, như ngô tại nhật. Nhược vi ngô giáo, túng ngô tại thế, diệt vô hữu ích.” Phục thuyết Kệ viết:

*兀兀不修善，
騰騰不造惡。
寂寂斷見聞，
蕩蕩心無著。
Ngột ngột bất tu thiện:
Đằng đằng bất tạo ác.
Tịch tịch đoạn kiến văn,
Đãng đãng tâm vô trước.*

師說偈已，端坐至三更，忽謂門人曰。吾行矣。奄然遷

化。於時，異香滿室，白虹屬地，林木變白，禽獸哀鳴。

Sư thuyết Kệ dĩ, đoan tọa chí tam canh, hốt vị môn nhân viết: “Ngô hành hỹ.” Yêm nhiên thiên hóa. Ủ thời, dị hương mãn thất, bạch hồng thuộc địa, lâm mộc biến bạch, cầm thú ai minh!

十一月，廣，韶，新三郡官僚洎門人僧俗爭迎真身，莫決所之。乃焚香禱曰，香煙指處，師所歸焉。時，香煙直貫曹溪。十一月，十三日，遷神龕併所傳衣鉢而回。次年，七月，二十五日，出龕。弟子方辯以香泥上之。門人憶念取首之記。遂先以鐵葉漆布，固護師頸入塔。忽於塔內白光出現，直上衝天，三日始散。韶州奏聞，奉敕立碑，紀師道行。

Thập nhất nguyệt, Quảng, Thiều, Tân tam quận quan liêu ky môn nhân tăng tục tranh nghinh chân thân, mạc quyết sở chi. Nãi phân hương đảo viết: “Hương yêm chỉ xứ, Sư sở quy yêm”. Thời hương yêm trực quán Tào Khê. Thập nhất nguyệt, thập tam nhật, thiên thần khám tính sở truyền y bát nhi hồi. Thứ niên, thất nguyệt, nhị thập ngũ nhật, xuất khám. Đệ tử Phương Biện dĩ hương nê thượng chi. Môn nhân ức niệm “thủ thủ” chi ký, toại tiên dĩ thiết diệp tất bố, cố hộ Sư cảnh nhập tháp. Hốt ư tháp nội, bạch quang xuất hiện, trực thượng xung thiên, tam nhật thủy tán. Thiều Châu tấu văn, phụng sắc lập bi, kỷ Sư đạo hạnh.

師春秋七十有六。年二十四傳衣，三十九祝髮。說法利生三十七載。得旨嗣法者四十三人。悟道超凡者莫知其數。達磨所傳信衣，中宗賜磨衲寶鉢，及方辯塑師真相，并道具等，主塔侍者施之，永鎮寶林道場。留傳壇經，以顯宗旨。此皆興隆三寶，普利群生者。

Sư xuân thu thất thập hữu lục. Niên nhị thập tứ truyền y, tam thập cửu chúc phát. Thuyết pháp lợi sanh tam thập thất tải. Đắc

chỉ tự pháp giả tứ thập tam nhân. Ngộ đạo siêu phàm giả mạc tri kỳ số. Đạt-ma sở truyền tín y, Trung Tông tứ ma nạp, bảo bát, cập Phương Biện tổ Sư chân tướng, tinh đạo cụ đẳng, chủ tháp thị giả thi chi, vĩnh trấn Bảo Lâm Đạo tràng. Lưu truyền Đàn Kinh, dĩ hiển tông chỉ. Thử giai hưng long Tam Bảo, phổ lợi quần sanh giả.

Phụ lục 1: Chuyện kể của người giữ tháp

❖ Nguyên văn chữ Hán

師入塔後，至開元十年，壬戌，八月三日，夜半忽聞塔中如拽鐵索聲。眾僧驚起，見一孝子從塔中走出。尋見師頸有傷。具以賊事聞於州縣。縣令楊侃，刺史柳無忝得牒，切加擒捉。五日，於石角村，捕得賊人，送韶州鞠問。云，姓張，名淨滿，汝州，梁縣人。於洪州開元寺，受新羅僧金大悲錢二十千，令取六祖大師首，歸海東供養。

Sư nhập tháp hậu, chí Khai Nguyên thập niên, Nhâm Tuất, bát nguyệt, tam nhật, dạ bán hốt văn tháp trung như duệ thiết sách thình. Chúng tăng kinh khởi, kiến nhất hiếu tử tùng tháp trung tẩu xuất. Tầm kiến sư cảnh hữu thương. Cụ dĩ tặc sự văn ư châu huyện. Huyện lệnh Dương Khản, Thứ sử Liễu Vô Thiểm đắc điệp, thiết gia cầm tróc. Ngũ nhật, ư Thạch Giác thôn, bộ đắc tặc nhân, tổng Thiều Châu cúc vấn. Vân: “Tánh Trương, danh Tịnh Mãn, Nhữ Châu, Lương Huyện nhân. Ứ Hồng Châu, Khai Nguyên tự, thọ Tân-la tăng Kim Đại Bi tiền nhị thập thiên, linh thủ Lục Tổ Đại Sư thủ, quy Hải Đông cúng dường.”

柳守聞狀，未即加刑。乃躬至曹溪，問師上足令韜，曰。如何處斷。

Liễu thủ văn trạng, vị tức gia hình. Nãi cung chí Tào Khê, vấn Sư thượng túc Lịnh Thao, viết: “Như hà xử đoán?”

韜曰。若以國法論，理須誅夷。但以佛教慈悲，冤親平等，況彼求欲供養，罪可恕矣。

Thao viết: “Nhược dĩ quốc pháp luận, lý tu tru di. Đản dĩ Phật giáo từ bi, oán thân bình đẳng. Huống bỉ cầu dục cúng dường, tội khả thứ hỹ.”

柳守加歎曰。始知佛門廣大。遂赦之。

Liễu Thú gia thán viết: “Thủy tri Phật môn quảng đại! Toại xá chi.”

上元元年，肅宗遣使就請師衣鉢，歸內供養。至永泰元年，五月五日，代宗夢六祖大師請衣鉢。七日，敕刺史楊絨云。朕夢感能禪師，請傳衣袈裟，卻歸曹溪。今遣鎮國大將軍劉崇景，頂戴而送。朕謂之國寶，卿可於本寺如法安置，專令僧眾親承宗旨者，嚴加守護，勿令遺墜。

Thượng Nguyên nguyên niên, Túc Tông khiển sứ tựu thỉnh Sư y bát, quy nội cúng dường. Chí Vĩnh Thái nguyên niên, ngũ nguyệt, ngũ nhật, Đại Tông mộng Lục Tổ Đại Sư thỉnh y bát. Thất nhật, sắc Thứ sử Dương Giám vân: “Trẫm mộng cảm Năng Thiền sư, thỉnh truyền y, cà-sa, khước quy Tào Khê. Kim khiển Trấn Quốc Đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh, đỉnh đại ni tống. Trẫm vị chi quốc bảo, khanh khả ư bản tự như pháp an trí, chuyên linh tăng chúng thân thừa tông chỉ giả, nghiêm gia thủ hộ, vật linh di trụ”.

後或為人偷竊，皆不遠而獲。如是者數四。

Hậu hoặc vi nhân thâu thiết, giai bất viễn nhi hoạch. Như thị giả số tứ.

憲宗諡大鑒禪師。塔曰元和靈照。其餘事蹟，係載唐尚書王維，刺史柳宗元，刺史劉禹錫等碑。

Hiến Tông thụ Đại Giám Thiền sư, Tháp viết: Nguyên Hòa Linh Chiếu. Kỳ dư sự tích, hệ tái Đường Thượng thư Vương Duy, Thứ sử Liễu Tông Nguyên, Thứ sử Lưu Vũ Tích đẳng bi.

守塔沙門令韜錄

Thủ tháp Sa-môn LỊNH THAO lục